NGUYỄN AN NINH

NHÀ TRI THỨC YÊU NƯỚC



TẠP CHÍ XƯA VÀ NAY – NHÀ XUẤT BẢN TP.HCM

NGUYỄN AN NINH
Nhà trí thức yêu nước

Bìa 1: Tượng đồng Nguyễn An Ninh do HKHLSVN & Tạp chí Xưa & Nay tặng Nhà lưu niệm Nguyễn An Ninh tại TP.HCM - Ảnh: Hải Đường

TỦ SÁCH GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG

NGUYỄN AN NINH
Nhà trí thức yêu nước

BÁN NGUYỆT SAN XƯA & NAY
NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lời giới thiệu

Trong lịch sử Việt Nam, thế kỷ XX có nét đặc trưng là thế kỷ đấu tranh để xác lập nền dân chủ. Nếu trong trường kỳ dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc chỉ đồng nghĩa với cuộc chiến đấu anh dũng đánh đuổi ngoại xâm, hay giữ vững nền độc lập, chủ quyền, bảo vệ lãnh thổ quốc gia để rồi đất nước vẫn đặt dưới quyền thống trị của các vương triều với những vị vua, có lúc sáng, lúc tối; thì, thành tựu lớn nhất ở thế kỷ cuối cùng của thiên niên kỷ thứ hai này chính là sự cáo chung của chế độ phong kiến Việt Nam gắn liền với sự chấm dứt chế độ thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây và chủ nghĩa phát-xít phương Đông. Thành tựu đó thuộc về cuộc Cách mạng tháng Tám 1945, một cuộc vùng dậy quật khởi của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Cuộc cách mạng này vĩ đại là vì nó đã xác lập, lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam cũng như ở Đông Nam Á, một nhà nước của dân: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó cũng là nền móng cho sự nghiệp xây dựng chế độ chính trị mà chúng ta đang kế thừa và đang phấn đấu hướng tới một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Trong bước chuyển từ thế kỷ XIX sang thế kỷ XX, những nhà yêu nước Việt Nam đã nhận ra luồng gió dân chủ từ phương Tây thổi qua các nước Đông Á như Trung Quốc, Nhật Bản vào giữa lúc cuộc đấu

tranh vũ trang do các văn thân lãnh đạo đang bế tắc.

Ngọn gió dân chủ ấy đã khơi dậy một phong trào duy tân sôi nổi suốt phần tư đầu của thế kỷ XX. Ở những mức độ và sắc thái khác nhau đã xuất hiện những gương mặt tiêu biểu cho bước chuyển từ cũ sang mới như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can, Trần Quý Cáp... Tiếp đó đã xuất hiện một thế hệ tiếp cận với những lý tưởng dân chủ ngay tại xứ sở đã sản sinh ra nó: nước Pháp.

Một trong những đại diện tiêu biểu cho lớp người này là Nguyễn An Ninh, người trẻ nhất trong "nhóm Ngũ Long" nổi tiếng trong phong trào yêu nước ở Pháp đầu thế kỷ XX (gồm cả Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thế Truyền). Là thành viên duy nhất người Nam bộ, Nguyễn An Ninh đã thể hiện rất rõ một tính cách năng động đặc biệt: là người sớm nhất trở về nước hòa mình vào thực tiễn đấu tranh của đồng bào, nhất là tầng lớp thanh niên trí thức và nông dân. Ông cũng là người tiên phong đưa những hình thức đấu tranh mới mẻ, thấm đậm lý tưởng dân chủ như: mít tinh, diễn thuyết, báo chí và nghị trường vào các phong trào yêu nước Việt Nam. Ông là một nhà hùng biện tài ba có sức cuốn hút quần chúng mạnh mẽ, là người sáng lập tờ La Cloche Fêlée (sau là tờ Annam, cùng với Phan Văn Trường); là người sớm nhất mang những tư tưởng dân chủ đưa vào quần chúng nông dân đông đảo, là người khởi xướng và là linh hồn của phong trào Đông Dương Đại hội v.v... Bằng chính tấm gương của mình, Nguyễn An Ninh đã từng trở thành thần tượng của thế hệ trẻ Nam Bộ một thời.

Sau nhiều lần tù tội, Nguyễn An Ninh đã hy sinh ngoài Côn Đảo, trọn vẹn là một người yêu nước chân chính, một người đồng minh với những người cộng sản.

Cho đến nay đã có một số cuốn sách nhỏ viết về Nguyễn An Ninh. Nhưng như nhận xét của Giáo sư sử học Trần Văn Giàu, một nhà cách mạng lão thành chịu ảnh hưởng rất nhiều ở Nguyễn An Ninh, thì hiểu biết của chúng ta còn rất ít ỏi so với tầm vóc của nhân vật lịch sử mang nhiều nét hấp dẫn này.

Cuốn sách này là tập hợp những bài viết được trình bày trong dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Nguyễn An Ninh (1900-2000) do Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Tạp chí Xưa & Nay tổ chức trong năm vừa qua, bổ sung thêm một vài bài viết đã được công bố trong những năm gần đây. Cùng với một nhà tưởng niệm đang được khẩn trương xây dựng và pho tượng đồng được đúc từ cuộc vận động "mỗi người một giọt đồng đúc tượng danh nhân", xuất bản cuốn sách nhỏ này là việc làm thiết thực để tưởng nhớ nhà yêu nước đã quá cố, cũng là để cho tấm gương của Nguyễn An Ninh tiếp tục sống với các thế hệ chúng ta trong sự nghiệp xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh hôm nay.

Với ý nghĩa ấy, xin trân trọng giới thiệu cuốn sách này với bạn đọc.

DƯƠNG TRUNG QUỐC

Tổng Thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

Trích phát biểu của GS Trần Văn Giàu tại buổi lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh Nguyễn An Ninh

... Những năm tuổi trẻ đi vào con đường cách mạng, tôi được nhiều người dẫn dắt, mà người dẫn dắt trước hết, sâu sắc nhất, quyết định nhất, đó là anh Ninh.

Từ năm 1924-1925, khi tôi đi nghe anh Ninh diễn thuyết ở trường Lanzarotte nơi nhà của ông bà Tài (Nguyễn Tấn Tài) có mấy ngàn người nghe. Bài diễn thuyết nội dung hay lắm, nhưng lời nói, tấm lòng mà anh Ninh nói lên nó cảm hóa còn hơn bài nói của anh.

Ở Thành phố ta, ở Nam bộ trước năm 1930 không có ai mà ảnh hưởng sâu sắc bằng Nguyễn An Ninh. Anh Ninh đã có những bài tuyên truyền rất hay, lắm khi còn hay hơn những bài của ta bây giờ.

Tôi muốn rằng tất cả chúng ta sẽ góp sức lại cùng với gia đình anh Ninh làm một quyển Tuyển tập Nguyễn An Ninh. Tôi tin chắc rằng nếu Tuyển tập Trần Văn Giàu bán được nhiều lắm là một ngàn quyển thì Tuyển tập Nguyễn An Ninh sẽ bán được một vạn quyển.

Tôi đề nghị hôm nay đồng chí Dương Đình Thảo sẽ ủng hộ cho chúng ta cố làm sao trước năm 2001 anh Ninh có một quyển tuyển tập khoảng một ngàn trang, in trang trọng. Phải có hai quyển, ba quyển tuyển tập Nguyễn An Ninh, ít nhất cũng một quyển trên một ngàn trang.

Hôm nay chúng ta làm Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Nguyễn An Ninh, chúng ta đề nghị với Thành phố, với đồng bào chúng ta hãy góp sức nhau, góp tấm lòng với nhau để cho anh Ninh có một tuyển

tập, để có một đại lộ mang tên Nguyễn An Ninh ở quê nhà, để anh Ninh có một nhà lưu niệm và ở đó có một tượng đồng của anh Ninh...

Nói về chí sĩ Nguyễn An Ninh

... Tôi đã nghe nhiều người ca tụng Nguyễn An Ninh. Năm 1938 tôi có dịp được sống gần ông ở Mỹ Tho. Từ năm 1939 tôi và ông đã bị đế quốc Pháp đày đọa ở nhà ngục Côn Đảo cho đến khi ông bị hy sinh.

Nguyễn An Ninh là một trí thức tầm cỡ, nếu chịu khuất phục bọn đế quốc, chắc chắn ông sẽ giàu có và sống vương giả. Nhưng vì yêu nước, thương dân ông đã đi vào quần chúng lao khổ vận động họ chống lại đế quốc và tay sai. Ông đã ra tờ báo *La Cloche Fêlée* (Tiếng chuông rè) để vạch mặt bọn xâm lược và áp bức, bóc lột nhân dân Việt Nam. Ông đã bí mật thành lập một tổ chức cách mạng yêu nước *Đảng Thanh niên Cao Vọng* để chống lại bọn xâm lược và tay sai. Ông đã đi bộ bán dầu cù là ở các bến xe, ở các phố phường Sài Gòn với ý định cổ động đồng bào chống lại bọn đã làm khổ mình.

Ở trong tù, ông Nguyễn An Ninh luôn luôn đoàn kết với chúng tôi, những người cộng sản, để chống lại bọn cai ngục dã man. Khi ông lâm bệnh mất đi, chúng tôi đã cử hành lễ truy điệu ông rất long trọng và thương tiếc nhà chí sĩ Nguyễn An Ninh, nhà yêu nước vĩ đại.

NGUYỄN VĂN LINH
Cố Tổng Bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam

... Tôi có cơ hội gặp và sống với Nguyễn An Ninh trong nhiều tháng ở khám lớn Sài Gòn, trong những năm 1929 – 1930. Từ đó, tôi biết rõ Nguyễn An Ninh là một nhà yêu nước, một chiến sĩ cách mạng kiên cường, kiên quyết đấu tranh vì Tổ quốc và dân tộc cho

đến hơi thở cuối cùng.

Nguyễn An Ninh có *tầm vóc một nhà lãnh đạo một cuộc cách mạng*, cho nên *chúng ta phải ghi nhớ những cống hiến quan trọng của một nhân vật có tầm vóc lịch sử.*

Còn về những kỷ niệm trong lúc còn sống với nhau nhiều tháng ở trong tù, thì tôi phải nói rằng Nguyễn An Ninh là một chiến sĩ cách mạng giàu lòng yêu nước và ý chí đấu tranh. Chúng tôi đã trải qua nhiều thời gian để thảo luận và tranh luận rất là gay gắt, về những vấn đề cực kỳ quan trọng, những quan điểm về học thuyết Mác-Lênin, về đấu tranh cách mạng ở nước ta, về tổ chức cách mạng và về vai trò của quần chúng nhân dân...

PHẠM VĂN ĐỒNG
Cố thủ tướng Chính phủ

... *Nguyễn An Ninh là một chiến sĩ cách mạng rất năng động, nhạy bén với thời cuộc.* Cả cuộc đời của anh là cuộc đời đầy hy sinh, gian khổ, bị tù đày 5 lần cho đến chết trong địa ngục Côn Đảo, hy sinh cho sự nghiệp giải phóng đất nước, giải phóng con người. Trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là những năm 1925-1926, nhân dân Nam bộ coi anh như một lãnh tụ cách mạng, hơn nữa, họ sùng bái anh như một thần tượng.

Hồi còn trẻ, trước khi vào Sài Gòn, tôi có đến Trường Bưởi thăm các anh Xiển, Tỵ, Hãn... Các anh dặn tôi: Vào Sài Gòn thế nào tôi cũng phải đến nhà ông Ninh, nghe nói ông ấy có đầy đủ sách cộng sản, xin cho chúng tôi mấy cuốn sách cộng sản hoặc hỏi mua giùm. Tưởng đâu ông là cộng sản, không dè, mãi sau này mới biết ông là người cộng sản ngoài Đảng (communiste sans parti). Tuy nói ngoài Đảng, nhưng anh Ninh có đảng tính rất cao, cao hơn cả đảng viên chúng mình, có quan hệ mật thiết với anh Hà Huy Tập và Nguyễn Văn Cừ.

HÀ HUY GIÁP
Nguyên Viện trưởng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh

... *Lịch sử tư tưởng Việt Nam* thời kỳ hiện đại chép tên tuổi Nguyễn An Ninh là một trong số những người đầu tiên, nếu không phải chính anh là người *đầu tiên, đã tuyên truyền cổ động có bề sâu, có bề rộng, có hệ thống những tư tưởng lớn của đại cách mạng Pháp 1789-1792*. Ninh là người Việt Nam đầu tiên ở Sài Gòn hô hào thanh niên hãy thoát ra khỏi cái hẹp hòi của Khổng giáo, thoát ra khỏi cái ràng buộc của gia đình mà đi xa, đi thật xa, ngõ hầu trang bị được cho mình một lý tưởng cao cả, không lý tưởng cao cả thì không làm nên việc lớn nào. Anh cho rằng thanh niên phải học tư tưởng tiến bộ phương Tây thì mới có thể trở lại tốt đẹp với văn hóa phương Đông. Đó là vào năm 1923, Ninh chưa nói rõ cho thanh niên chúng tôi vậy chớ lý tưởng cao cả mà thanh niên phải có là lý tưởng nào, nhưng anh đã đăng trên báo "Chuông rè" toàn văn Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản của Mác vàĂngghen. Thuở ấy, giữa những năm 20, Ninh luôn luôn nói rằng nếu phải lựa giữa cái sống chung thân làm nô lệ với cái chết vì đấu tranh giải phóng thì nên lựa cái chết vì đấu tranh, cái chết ấy là vinh dự.

Nguyễn An Ninh chưa hề là đảng viên Cộng sản, vậy mà ít ra từ những năm 1929-1930, anh đã như là một người Mácxít – Lêninnít hoạt động trong quần chúng, hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng. Trong mắt, trong lòng người Sài Gòn – thành phố Hồ Chí Minh, chí sĩ Nguyễn An Ninh là một người cách mạng, xứng đáng được lưu danh bằng bia đá tượng đồng...

TRẦN VĂN GIÀU
Giáo Sư - Nhà Giáo Nhân Dân

... Hẳn rằng Nguyễn An Ninh là một trong số ít những nhà yêu nước hồi những năm 20 đã có một tư duy thật mới mẻ, thậm chí táo bạo, khi giải thích với dân chúng – nhất là với thanh niên – thế nào *là văn hóa dân tộc*, cần hiểu như thế nào về *di sản văn hóa* của cha ông, và thế hệ thanh niên đang được lịch sử giao phó sứ mạng cao cả như thế nào để giữ gìn và phát huy di sản đó. Trong bài viết nhan đề *Ước*

mơ của chúng ta, Nguyễn An Ninh cho rằng: "Nói đến sự trường tồn của một giống nòi, trước hết là nói đến văn hóa, nói đến sức sống của dân tộc, của giống nòi đó, nghĩa là tất cả những tiềm năng mà dân tộc đó đã để lại dấu ấn sâu đậm và tỏa sáng chói lọi trên tiến trình lịch sử của mình. Và người Việt Nam đã từng có một sức sống tạo nên một nền văn hóa như vậy".

NGUYỄN PHAN QUANG
Phó Giáo Sư - Tiến Sĩ

Năm năm học ở Nooeman, tôi thường hay lui tới Hội khuyến học để dự những buổi nói chuyện, nhất là cuộc diễn thuyết của Nguyễn An Ninh. Lúc này, ở Sài Gòn, ông Ninh đã xuất bản tờ nhật báo *Tiếng chuông rè* (La cloche fêlée) viết bằng chữ Pháp nhưng có nhiều bài vở mang nội dung chống thực dân Pháp. *Tiếng chuông rè* vang lên trong những năm 1922, 1923, 1924; sau vì mật lệnh của Pháp ngăn trở người mua báo, Nguyễn An Ninh không có tiền, phải đóng cửa báo. Từ khi lên Sài Gòn học, tôi thường xuyên đọc tờ báo này. Có mấy lần tôi đến tòa soạn tìm gặp Nguyễn An Ninh để trò chuyện: và một lần nọ, gặp ông đang chuẩn bị đầu cù lả và báo đem đi bán!

Năm 1923 trước khi rời Trường Nooeman về Mỏ Cày dạy học, tôi có nói với Nguyễn An Ninh gởi báo về Mỏ Cày cho tôi. Báo đến tay tôi được mấy số thì chủ quận Mỏ Cày được mật lệnh chặn hết không để lọt vào tay tôi một tờ nào nữa.

CA VĂN THỈNH
Giáo sư

... Trong số các giám thị ở trường có hai người là Trần Mộng Bạch và Ngô Đức Diễn có tinh thần yêu nước – Hai giám thị này tập hợp một số học sinh giỏi ở nội trú, có suy nghĩ chín chắn, cho coi những sách báo hạn chế. Số học sinh chừng năm người, trong đó có tôi, Tôn Quang Phiệt, Đặng Thai Mai v.v... Những sách báo mà hai giám thị cho coi là *Tiếng chuông rè*, *Người cùng khổ* v.v... và cả những tài liệu do Phan Bội Châu gởi từ Nhật về. Qua những sách báo này, tôi mới

biết bộ mặt thật của Pháp. Những chữ "đàn áp", "giết chóc", "bóc lột" đã gắn liền với thực dân Pháp mà không gượng gạo chút nào. Tôi đã tỉnh thêm ra. Chưa biết Nguyễn Ái Quốc là ai nhưng tôi hiểu được rằng thế hệ mới chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp cũng có người yêu nước chống Pháp. Tôi có ý niệm ghét Tây từ đây.

PHẠM THIỀU
Giáo sư

... Tôi còn theo dõi rất kỹ các phong trào Nguyễn An Ninh, Phan Châu Trinh. Tôi ủng hộ mấy người này và tìm đọc sách báo mà họ viết ra, nhưng vì còn sợ uy thế của người Pháp nên không dám để lộ quan điểm của mình. Những tờ báo *La Lutte* (Tranh đấu). *La Cloche fêlée* (Tiếng chuông rè)... tôi sưu tập rất kỹ. Chính ảnh hưởng của các ông này cộng với hình ảnh bất công thấy từ hồi nhỏ đã giúp tôi vẫn giữ được mình, không rượu chè trai gái, không hà hiếp bóc lột dân nghèo và dễ dàng chuyển hướng đứng về phía nhân dân, mặc dù sự chuyển hướng này khá chậm: đến 54 tuổi tôi mới thực sự hiểu và biết cách mạng.

PHAN VĂN CHƯƠNG
Nhân sĩ trí thức

Nguyễn An Ninh một chiến sĩ yêu nước & cách mạng

TRẦN VĂN GIÀU

Tháng này, cách đây 50 năm, chí sĩ Nguyễn An Ninh từ trần tại nhà ngục Côn Đảo. Như bao nhiêu người bạn tù khác, anh Ninh bị vùi trong cát Hàng Dương. Những người tù thường phạm và một số lính gác ngục thương người quá cố, cảm phục người cách mạng, lén đánh dấu nơi chôn cất, rồi, dần dần nổi lên một ngôi mộ đá Nguyễn An Ninh giữa nghìn vạn ngôi mộ cát mà gió Biển Đông không phân biệt bào mòn thành bình địa.

Nguyễn An Ninh, quê ở vùng "18 thôn vườn trầu", học ở Hà Nội, ở Paris, tốt nghiệp đại học luật khoa, sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất về Sài Gòn, không làm nghề luật sư nhiều danh lợi mà dùng lời nói, câu văn làm chiêng, làm trống cảnh tỉnh, tập hợp đồng bào. Thuở ấy, trừ trạng sư Monin không ai nói giỏi bằng anh, anh có tài lôi cuốn; trừ luật sư Phan Văn Trường không ai viết hơn anh; bút pháp bén như gươm, ý nghĩa thâm trầm mà lại rõ như vật phơi dưới ánh sáng mặt trời. Người anh Ninh, tóc chấm vai, mắt sáng như sao, tiếng trong như chuông; ở đất Sài Gòn mà mặc bà ba, đi guốc, bán báo *Chuông Rè* của mình viết. Hình ảnh đó tự nó đủ gây cảm tình sâu sắc với đồng bào. Già thì nói "Ninh vì nghĩa không vì lợi". Trẻ thì nói "Ninh vì dân không vì mình". Tụi Pháp, tụi để huề thì nói "Ninh lập dị". Có lập dị không không biết, duy biết rằng đồng bào "mê", phục Nguyễn An Ninh. Một lần ở tù, bị đày đi Châu Đốc, bị bắt đi đập đá ở Núi Sam, Ninh đến chỗ làm khổ sai thì dân các làng ầm ầm kéo nhau "đi xem

ông Ninh" động như chợ phiên: chủ tịch phát sợ, phải trả Ninh về Khám Lớn. Khoảng năm 1932, bị lính kín theo sát quá, không làm gì được, Ninh đi bán dầu cù là ở nhiều tỉnh trên một chiếc xe đạp, đi tới đâu, hễ dừng xe, rao lên thì hàng chục, hàng chục đồng bào tựu lại, mua dầu thì ít, xem ông Ninh thì nhiều hơn.

Một thuở, Nguyễn An Ninh là thần tượng của đồng bào lục tỉnh, của học sinh chúng tôi.

Con người sôi nổi, đại chúng đó, hùng hồn ở diễn đàn, bén nhọn trên cột báo, không chút sợ Tây, tà, vào tù như về quê, con người ấy đồng thời là một người trầm tư, mặc tưởng. Trên nhà anh chị Ninh – nói cả chị vì cơ ngơi này là do chị làm ra -nhà nằm ẩn trong một vườn xoài tám mẫu, khách chú ý đến cái chuông lớn, cái mõ cũng lớn trên bàn giấy. Chái trên, đầy kín hai gian nhà, là một hãng tủ sách cao năm tầng có đủ tác phẩm của thánh hiền, giáo chủ cổ, kim, đông, tây, có Rousseau (mà anh đã dịch *Khế ước xã hội*), có Montesquieu, Voltaire; có Platon, Khổng Tử, Kinh Phật, Tagore, Tôn-Dật Tiên, nổi bật nhất là có gần hết các tác phẩm của Nhà xuất bản Xã hội và Faubourg Saint-Denis mà Đảng Cộng sản Pháp bảo trợ. Tôi tò mò thấy bộ *Tư bản* đã được rọc.

Nguyễn An Ninh là một chính khách học giả, một nhà chính trị hoạt động. Trước hết anh là một con người của quần chúng, là người con của nhân dân.

Ở Pháp, Nguyễn An Ninh thuộc về nhóm Nguyễn Ái Quốc, Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền... Về nước, anh xuất hiện từ năm 1923 ở Sài Gòn, đặc biệt là từ cuộc diễn thuyết về Cao vọng của thanh niên. Bài nói có tiếng vang rất lớn, thực tình từ sau khi báo *Diễn đàn bản xứ* công bố yêu sách tám điểm của Nguyễn Ái Quốc, chưa có một sự kiện chính trị-văn hóa nào lớn hơn về ảnh hưởng trong dư luận. Đến mức thống đốc Nam kỳ bấy giờ là Cognacq gọi Ninh lên, bảo rằng: "Chúng tôi không cần có trí thức, nếu ông muốn tìm trí thức thì hãy đi sang Mát-xcơ-va mà tìm". Thống đốc nói

dại mà lại đúng! Nguyễn An Ninh từ đó vừa tìm cách cảnh tỉnh đồng bào, vừa tập hợp lực lượng yêu nước. Để cảnh tỉnh đồng bào, trước hết là để cảnh tỉnh thanh niên và trí thức tây học, anh lập tờ báo *Chuông Rè*, tờ báo tiếng Pháp chống thực dân Pháp đầu tiên ở nước ta, nói một cách công khai là tuyên truyền tư tưởng của cách mạng Pháp, chống chủ nghĩa thực dân, chống chủ nghĩa lập hiến. Lúc này, Ninh vừa liên lạc với những "hội kín" của nông dân Gia Định – Chợ Lớn, Tân An tự động lập lại sau thất bại của khởi nghĩa 1916 phá Khám Lớn, lại vừa bắt đầu đặt cơ sở cho Thanh niên cao vọng đảng gần cùng lúc với "Thanh niên đảng" công khai của Trần Huy Liệu, Nguyễn Văn Bá. Hoạt động chính của Ninh là chung quanh báo *Chuông Rè*, sau đó là báo *An Nam*. Người ta chú ý rằng *Chuông Rè* và *An Nam* gần như không số nào không có bài lấy ở báo L'humanité, cơ quan Trung ương của Đảng CS Pháp. Ninh và nhóm *Chuông Rè* ủng hộ các cuộc bãi công (như Ba Son) các cuộc bãi khóa (như Chasseloup Laubat), các cuộc biểu tình (như bến Nhà Rồng). Và, đáp lại khi Ninh bị bắt giam thì thợ thuyền nhiều nơi bãi công, học sinh nhiều nơi bãi khóa để đòi thả Ninh.

Một chuyện lớn lâu nay ít được kể: Việt Nam quốc dân đảng mạnh ở Bắc mà không có cơ sở ở Nam, muốn hợp nhất tổ chức với đoàn thể Ninh. Ninh cự tuyệt, đoàn thể Ninh, trái lại, rất gần gũi với Tân Việt. Khi Đông Dương Cộng sản liên đoàn gia nhập Đảng Cộng Sản Việt Nam (đầu 1930) thì nhiều người ở tổ chức hội kín Nguyễn An Ninh gia nhập Nông hội và Đảng Cộng Sản. Anh Ninh ở tù thì chị Ninh làm việc giới thiệu cần thiết. Ra tù, anh Ninh đi bán dầu cù là, cũng là một cách giới thiệu những cơ sở mà chị Ninh không biết.

Những năm 1932, 1935 ở Sài Gòn những người cộng sản lần đầu tiên vận động tranh cử Hội đồng thành phố, sử dụng công khai hợp pháp để gây dựng lại phong trào quần chúng, thì sáng kiến và công lao của Nguyễn An Ninh là rất đáng kể. Tranh cử Hội đồng thành phố, Nguyễn Văn Tạo có nhiều kinh nghiệm ở Paris. Biết luật pháp

của chế độ thuộc địa, còn có ai hơn Nguyễn An Ninh? Ra đời một chiến thuật mới vận động sau cao trào 1930-1931 để vượt qua thoái trào 1931-1932 gắn liền với tên tuổi của Ninh tuy anh không lần nào ghi tên trong sổ lao động của Tạo. Hồi đó chúng tôi gọi Tạo – Ninh là một tăng-đem (xe đạp hai người cùng đạp). Miếng đất được chuẩn bị đầy đủ cho năm 1936, khi Mặt trận bình dân thắng cử ở Pháp thì Ninh và vài bạn có sáng kiến tổ chức Đông Dương đại hội, sáng kiến đó đã được Đảng Cộng Sản chấp nhận và từ đó phong trào Dân tộc dân chủ lại lên cao trước nay chưa từng thấy. Đông Dương đại hội bị Pháp cấm. Một số bạn của Ninh và Ninh bị bắt giam: Ninh, Tạo mở cuộc đấu tranh bãi thực dài 30 ngày – dài nhất trong lịch sử Khám Lớn – Sài Gòn. Thành ủy tổ chức tổng đình công, ủng hộ Ninh, Tạo. Dưới các áp lực, Pháp phải thả Ninh ra và Ninh tiếp tục đóng vai trò của mình trong Mặt trận dân chủ, hợp tác chặt chẽ với Nguyễn Văn Tạo, Hà Huy Tập. Chiến tranh thế giới lần thứ hai sắp nổ, Pháp lại bắt Nguyễn An Ninh. Lần này chúng đày anh ra Côn Đảo. Ở đây anh bị bệnh nặng mà không có thuốc men, anh từ trần tháng 8-1943. Vòm trời còn đen, một ngôi sao rụng.

Anh Ninh, anh không cầm cự nổi thêm hai năm nữa sao anh?

Lịch sử tư tưởng Việt Nam thời kỳ hiện đại chép tên tuổi Nguyễn An Ninh là một trong số những người đầu tiên, nếu không phải chính anh là người đầu tiên, đã tuyên truyền cổ động có bề sâu, có bề rộng, có hệ thống những tư tưởng lớn của Đại cách mạng Pháp 1789-1792. Ninh là người Việt Nam đầu tiên ở Sài Gòn hô hào thanh niên hãy thoát ra khỏi cái hẹp hòi của Khổng giáo, thoát ra khỏi cái ràng buộc của gia đình mà đi xa, đi thật xa ngõ hầu trang bị được cho mình một lý tưởng cao cả, không lý tưởng cao cả thì không làm nên việc lớn nào. Anh cho rằng thanh niên phải học tư tưởng tiến bộ phương Tây thì mới có thể trở lại tốt đẹp với văn hóa phương Đông. Đó là vào năm 1929, Ninh chưa nói rõ cho thanh niên chúng tôi vậy chớ lý tưởng cao cả mà thanh niên phải có là lý tưởng nào, nhưng anh đã

đăng trên báo *Chuông Rè* toàn văn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" của Mác và Ăng-ghen. Thuở ấy giữa những năm 20, Ninh còn hoài nghi chưa biết con đường cách mạng (bao gồm khởi nghĩa vũ trang) có thể đánh đuổi nổi đế quốc thực dân không, nhưng anh luôn luôn nói lên rằng nếu phải lựa giữa cái sống chung thân làm nô lệ với cái chết vì đấu tranh giải phóng thì nên lựa cái chết vì đấu tranh thì hơn vì cái chết ấy là thành nhân, là vinh dự.

Nguyễn An Ninh chưa hề là đảng viên cộng sản, vậy mà ít ra từ những năm 1929-1930 anh đã như là một người mác-xít, lê-nin-nít hoạt động quần chúng, hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng. Trong những năm 1930 có thể nói rằng sách phê bình Phật giáo của Ninh có chiều sâu lý luận tư tưởng hơn nhiều so với các luận văn cùng đề tài của Hải Triều (Nguyễn Khoa Văn) và của Hồ Nam (Trần Văn Giàu). Ở tác phẩm lớn này, Nguyễn An Ninh tỏ ra là một nhà triết học duy vật biện chứng – duy vật lịch sử. Trong đấu tranh chính trị, anh Ninh tỏ ra là một nhà lý luận theo sát đường lối của Đảng, sát chủ nghĩa Mác – Lênin. Và, bây giờ đọc lại cuộc bút chiến sôi nổi, kéo dài giữa Nguyễn An Ninh và Tạ Thu Thâu trên báo *Tranh đấu* năm 1937 sẽ thấy Ninh sâu sắc, vững vàng như thế nào khi anh khẳng định đường lối Mặt trận dân tộc dân chủ, bác bỏ chủ trương mặt trận vô sản của Thâu. Ninh phán rằng: Thâu tuy nói nhiều nhưng kỳ thực Thâu không có lập trường giai cấp công nhân, và không hiểu học thuyết đấu tranh giai cấp của Mác, Lê-nin. Ninh nhất trí với Hà Huy Tập, gần gũi với những người cộng sản. "điều đó càng quý".

Trong mắt, trong lòng người Sài Gòn – thành phố Hồ Chí Minh, chí sĩ Nguyễn An Ninh là một người cách mạng, xứng đáng được lưu danh bằng bia đá tượng đồng.

(*) Báo *Nhân dân* số ra ngày 13-8-1993

Chí sĩ Nguyễn An Ninh

TRẦN BẠCH ĐẰNG

Từ trong tấm lòng, tôi tự thấy mình không đủ tư cách viết về chí sĩ Nguyễn An Ninh – một trong những khuôn mặt lớn của Việt Nam hiện đại. Bởi vì khi tôi chào đời, Nguyễn An Ninh đã là một ngôi sao trên vòm trời yêu nước – khoảng cách 26 tuổi không thể xem như cùng thế hệ. Nguyễn An Ninh chỉ kém Nguyễn Ái Quốc 10 tuổi – đó là những người có thể trao đổi với nhau về một cái gì ngoài cơm áo cho bản thân. Lẽ ra, anh Trần Văn Giàu làm việc này nhân Ngày sinh thứ 90 của Nguyễn An Ninh - anh Sáu Giàu thua chí sĩ 10 tuổi; đại khái còn ngồi được chung suy tính thế thái nhân tình nếu không kể hai người "vừa là đồng hương lại đồng hương". Rủi thay, anh Giàu đang ở Tây Ban Nha, trình bày luận đề "Cách mạng tháng Tám, những nét độc đáo" trong một hội nghị sử học quốc tế. Người hiểu chí sĩ Nguyễn An Ninh là anh Hà Huy Giáp – cũng rủi thay – sức khỏe không cho phép. Thế là Nguyễn An Tịnh, con trai của chí sĩ, đùn gánh nặng quá sức cho tôi, một hậu bối. Khi tôi tham gia cách mạng, chí sĩ đã vào tù. Mối liên lạc còn lại chắc vì tôi có đọc các bài của Nguyễn An Ninh; vì khi tôi vào cách mạng thì hành vi Nguyễn An Ninh vẫn còn vang vọng; vì tôi và vợ tôi biết – và rất thân – bà Nguyễn An Ninh; vì con tôi lớn lên trong tình thương của bà Ninh dưới mái trường ; và vì tôi quen biết Tịnh, Minh, con của chí sĩ.

Tôi viết bài này theo ý nghĩa đó – ý nghĩa pha trộn lòng ngưỡng mộ chí sĩ, lòng biết ơn bà Ninh, tình đồng đội với con cái của chí sĩ.

Chín mươi năm ngày sinh của một nhân vật cỡ lớn của lịch sử hiện đại đòi hỏi một hội thảo khoa học – và Hội đồng Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh dự định làm việc đó cho nên bài viết của tôi hạn chế trong một vài suy nghĩ thiếu mạch lạc, xoay chung quanh vấn đề đánh giá cụ Nguyễn An Ninh.

Trước hết, tôi muốn làm sáng tỏ một luồng dư luận. Trong thời kỳ miền Nam bị tạm chiếm, cũng có một số người nghiên cứu thân thế sự nghiệp Nguyễn An Ninh. Không ít ý kiến đáng trân trọng. Đó là những ý kiến đặt Nguyễn An Ninh lên tầm vóc chí sĩ, một nhà yêu nước nuôi nhiều cao vọng – mà tên Đảng Thanh niên Cao vọng do cụ sáng lập thể hiện hoài bão của cụ. Một số người khác tìm đủ mọi cách chứng minh Nguyễn An Ninh là một "phần tử theo chủ nghĩa quốc gia thuần túy", có quan điểm chống chủ nghĩa Cộng sản. Động cơ "lôi kéo" cụ Nguyễn An Ninh về một trận địa xa lạ với cụ không phải ngẫu nhiên. Người ta đề cao Nguyễn Thái Học cũng theo chiều hướng ấy.

Đúng, ở Việt Nam có chủ nghĩa quốc gia, có tổ chức chính trị theo chủ nghĩa quốc gia. Ở đây, chúng ta không làm công việc phân tích những mặt tích cực cũng những mặt hạn chế của xu hướng dân tộc chủ nghĩa Việt Nam vào thời đại phải đương đầu với ách thống trị tư bản; mà ghi nhận vai trò lịch sử của phong trào, tổ chức, cá nhân đóng góp to lớn vào sự nghiệp thức tỉnh quốc dân; chính Đảng Cộng sản thừa kế cả khí thế lẫn kinh nghiệm của trào lưu tiền bối này theo cách riêng của mình và không ít người đi vào Đảng Cộng sản qua giác ngộ yêu nước; thậm chí, qua tổ chức có xu hướng dân tộc chủ nghĩa. Chúng ta có thể kể Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Trần Hữu Độ, Trần Xuân Độ, Tôn Quang Phiệt và nhiều vị khác.

Nhưng, khoác cho cụ Nguyễn An Ninh chiếc áo đối lập với chủ nghĩa và Đảng Cộng sản lại xuất phát từ một động cơ rõ rệt bởi một số người sau khởi nghĩa Yên Bái thất lạc; hoặc đào vong sang Trung Quốc và mất dần bản sắc dân tộc, hoặc đầu hàng thực dân Pháp; khi

Cách mạng tháng Tám nổ ra, dựa hơi quân Lư Hán mong giành địa vị, khi kháng chiến bùng nổ, lại dựa hơi quân xâm lược hết Pháp rồi Mỹ; bán rao chiêu bài "quốc gia" – số người ấy "khủng hoảng" các nhân vật tiêu biểu. Nguyễn Hải Thần hay Vũ Hồng Khanh hay Trương Bội Công đã chết từ lâu trong ký ức của nhân dân. Trọng điểm của trường chính trị từ năm 1954 về sau lại là miền Nam, cho nên "suy tôn" cụ Nguyễn An Ninh – suy tôn một cách xuyên tạc – tức tìm hậu thuẫn cho quá khứ.

Cụ Nguyễn An Ninh không phải là đảng viên Đảng Cộng sản – chúng ta sẽ đề cập ở phần sau – nhưng không có gì hiển nhiên hơn việc cụ không bao giờ chịu xếp chung hàng với những "bao bì" quốc gia; dù là Ngô Đình Diệm, chứ không nói Nguyễn Văn Thiệu.

Càng nói thẳng rằng trong hệ thống nghiên cứu giai đoạn lịch sử Việt Nam hiện đại của các cơ quan khoa học và giáo dục nước ta, kể cả Lịch sử Đảng và Học viện Đảng cao cấp, cụ Nguyễn An Ninh chưa được một chỗ đứng đúng với tầm vóc của cụ. Tôi không tin chỉ vì thiếu tư liệu mà vì thái độ đánh giá nhân vật lịch sử của chúng ta ít nhiều vẫn còn mang tính biệt phái. Đánh giá một con người quan trọng nhất là thông qua tư tưởng và hành vi cụ thể của con người đó trước các vấn đề chủ yếu của xã hội – ở đây, trong điều kiện chúng ta mất nước, vấn đề chủ yếu là nền độc lập. Nguyễn An Ninh sớm có mặt trong hàng ngũ yêu nước, với nét đặc thù: một sinh viên học rất giỏi, chọn ngành luật (và ngành luật tại Paris); khi tốt nghiệp cử nhân thay vì vào bộ máy công chức, cụ hoạt động chính trị tự do – một năm sau khi về nước, cụ diễn thuyết cổ vũ cho việc nâng cao dân trí. Cũng năm đó, 1923, Nguyễn An Ninh trở sang Pháp gọi là sửa soạn bảo vệ luận án tiến sĩ luật; nhưng cụ lại làm khác: trao đổi ý kiến với bạn bè, đồng chí về bước đường phát triển của đất nước. Tháng 10 năm 1923, Nguyễn An Ninh đã ở Việt Nam và xuất bản quyển sách dịch tác phẩm *Contrat social* (Khế ước xã hội) của J.J. Rousseau; Tờ *Tiếng chuông rè* do Nguyễn An Ninh chủ trương ra đời trong lúc này. Rồi

Nguyễn An Ninh lập "hội kín", vào tù ra khám, bán cù là hiệu "Đồng bào". Một cuộc đời sôi nổi, cho đến ngày nhắm mắt ở Côn Đảo tuổi mới 43.

Thật quá vội vàng nếu chúng ta đánh giá Nguyễn An Ninh trong vòng non 25 năm hoạt động như một thể hoàn chỉnh của tư duy. Song, với non 25 năm ấy, một thanh niên rồi một trung niên gây sóng gió trên trường chính trị một xứ thuộc địa, hẳn không phải là hiện tượng phổ biến. Nguyễn An Ninh có tư tưởng xã hội chủ nghĩa không? Có. Nguyễn An Ninh có chống chủ nghĩa cộng sản không? Bất đồng điểm này điểm khác thì có; còn chống thì không. Liệt Nguyễn An Ninh vào hệ ý thức nào? Dân chủ tư sản? Quá hơn, cao hơn. Xã hội chủ nghĩa? Đang ở ngưỡng cửa. Tôi dám quả quyết: Nếu Nguyễn An Ninh sống đến Cách mạng tháng Tám và tham gia kháng chiến, cụ là một người Cộng sản, một người xã hội chủ nghĩa trung thực, dứt khoát. Cụ Huỳnh Thúc Kháng, cụ Phan Kế Toại v.v... còn xếp chung hàng ngũ với những người Cộng sản, nói gì Nguyễn An Ninh. Còn Nguyễn An Ninh không vào Đảng Cộng sản phải đâu như một chứng cứ "chống Cộng". Chẳng riêng cụ, nhiều nhà yêu nước khác vào Đảng Cộng sản trong một thời điểm thích hợp.

Vả lại, đây là một trí thức – vào những năm đầu của thế kỷ, cử nhân luật Paris thuộc loại trí thức "bự" – tiếp nhận nền dân chủ của Đại cách mạng Pháp; trong những hoàn cảnh hoạt động xác định, chúng ta không thể đòi hỏi cao hơn. Lấy Nguyễn Ái Quốc làm chuẩn, chúng ta sẽ khó tìm những nhân vật tạo ra lịch sử theo phong cách mà mỗi người giữ dấu ấn của chính mình. Tại sao chúng ta không so Nguyễn An Ninh với Nguyễn Thế Truyền chẳng hạn?

Từng cá nhân, tính xuyên suốt đôi khi gián đoạn trong quá trình hình thành bản lĩnh, những gián đoạn ngắn. Tôi cho rằng vẽ trước một khuôn trừu tượng để đo đạc con người cụ thể là "cửa quyền" trong nghiên cứu khoa học, một loại "học phiệt" bất kể nhân danh cho cái gì.

Trong đời sống thực, có người vào một lúc nào đó thối chí, ngã lòng khi vấp khó khăn – phải chăng như thế là hỏng tất cả? Tôi không nói trường hợp vận dụng sách lược nhằm mưu đồ cái lớn hơn.

Tôi không thuộc phái đánh giá Nguyễn An Ninh toàn bích. Song, tôi nghĩ đánh giá Nguyễn An Ninh phải tính đến điều kiện lịch sử mà Nguyễn An Ninh tồn tại và hoạt động. Tức, cách khác, người đánh giá Nguyễn An Ninh vẫn phải hiểu mình đang ở đâu và đang nói về ai.

Nguyễn An Ninh, một nhân vật lỗi lạc Việt Nam. Chúng ta kính trọng cụ như kính trọng các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Quyền, Huỳnh Thúc Kháng, Trương Gia Mô, Nguyễn Sinh Sắc, Trần Hữu Độ v.v... tức kính trọng những tầm vóc cuối cùng để lại cho hậu thế nhân cách và đôi điều về tư duy cần suy nghĩ.

Sau Cách mạng tháng Tám, ở miền Nam, có một cử chỉ đáng ca ngợi: đổi tên một số địa danh, như Huế là Hoàng Diệu, Quảng Ngãi là Lê Trung Đình, Trà Vinh là Trần Hữu Độ, Mỹ Tho là Thủ Khoa Huân, Rạch Giá là Nguyễn Trung Trực, Chợ Lớn (tức Long An hiện nay) là Nguyễn An Ninh... Lúc tâm hồn phơi phới, con người đánh giá lịch sử trong sáng hơn, công bằng hơn.

Tôi hy vọng giới khoa học lịch sử Việt Nam sẽ, theo đạo lý Việt Nam, đặt Nguyễn An Ninh tương ứng với cống hiến của bậc chí sĩ tầm vóc lớn này...

Nhà tưởng niệm Nguyễn An Ninh - Công trình tiêu biểu của nhiều thế hệ

LÊ HỒNG LIÊM

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà trí thức yêu nước Nguyễn An Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh long trọng làm lễ khởi công công trình nhà tưởng niệm Nguyễn An Ninh tại Trung Chánh, xã Mỹ Hòa, huyện Hóc Môn (nay thuộc quận 12, TP.HCM). Thay mặt Sở VHTT TP.HCM, tôi xin được ôn lại một số nét chính về thân thế và sự nghiệp của nhà trí thức yêu nước Nguyễn An Ninh.

Nguyễn An Ninh sinh ngày 15/9/1900 trong bối cảnh thực dân Pháp vừa mới áp đặt quyền thống trị trên toàn nước Việt Nam. Suốt thời niên thiếu đến năm 18 tuổi (1918) trước khi du học ở Pháp, Nguyễn An Ninh đã từng chứng kiến và hiểu rõ cảnh khổ của nhân dân ta bị mất tự do dưới sự đô hộ và nô dịch của thực dân Pháp.

Từ năm 1918 đến 1920, Nguyễn An Ninh học Đại học Luật và tốt nghiệp cử nhân Luật. Trong thời gian học và lưu lại Pháp, ông đã nghiên cứu và tiếp thu tư tưởng tiến bộ của cách mạng Pháp, đã đọc và nghiên cứu yêu sách 8 điểm của Nguyễn Ái Quốc gởi hội nghị Versailles năm 1919.

Ông nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, đặc biệt là "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" của Mác-Ăng-ghen.

Tháng 10-1922, ông về nước, mang trong mình một tư tưởng về quyền tự do-tư tưởng nhân quyền, dân chủ và dân quyền. Với lòng yêu nước, đã được khắc sâu trong tâm khảm, ông đã vận dụng tư tưởng tiến bộ của cách mạng dân chủ tư sản Pháp được ghi vào hiến

pháp của nước Pháp năm 1790 để làm vũ khí sắc bén, hợp pháp và công khai đấu tranh với chính quyền cai trị của Pháp ở Việt Nam. Ông lập tờ báo "La Cloche Fêlée" (tức tờ *Tiếng Chuông Rè*) làm phương tiện để tuyên truyền đòi quyền tự do độc lập cho quốc gia và dân tộc (về sau ông đã mời Tiến sĩ Luật sư Phan Văn Trường ở Pháp về làm chủ nhiệm chính trị để cùng đấu tranh hợp pháp). Nguyễn An Ninh cũng đã có những cuộc diễn thuyết trước đông đảo quần chúng nhằm tố cáo tội ác, bất công của chế độ cai trị thuộc địa, khơi dậy lòng yêu nước tinh thần đấu tranh đòi quyền tự do độc lập cho dân tộc. Tổ chức thành lập tổ chức "Thanh niên Cao vọng" để tuyên truyền lý tưởng yêu nước trong thanh niên bằng nhiều hình thức hoạt động phong phú như làm báo và sử dụng báo làm phương tiện tuyên truyền tinh thần yêu nước và đấu tranh với kẻ thù, đặc biệt là đăng toàn văn "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" trên báo "La Cloche Fêlée". Qua bài viết *ước mơ của chúng ta*, Nguyễn An Ninh cho rằng "Nói đến sự trường tồn của một giống nòi, trước hết là nói đến văn hóa, nói đến sức sống của dân tộc của giống nòi đó, nghĩa là tất cả những tiềm năng mà dân tộc đó đã để lại dấu ấn sâu đậm và tỏa sáng chói lọi trên tiến trình lịch sử của mình, và người Việt Nam đã từng có một sức sống tại một nền văn hóa như vậy". Việc nhận thức rõ sức mạnh của một dân tộc được bắt nguồn từ truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc là sức mạnh trường tồn của dân tộc của Nguyễn An Ninh ở thời điểm lúc bấy giờ, có thể được coi là sự nhận thức của một nhà văn hóa uyên thâm.

Quá trình hoạt động của Nguyễn An Ninh đã được đông đảo đồng bào hưởng ứng và kính phục, ông được thực dân Pháp xem là "phần tử nguy hiểm" chống lại chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam, nhưng chúng vẫn không làm gì được. Ngay cả lần diễn thuyết công khai trước đông đảo nhân dân (khoảng 3.000 người) tại nhà dì ruột - bà đốc phủ Nguyễn Tấn Tài tại xóm Lách ngày 21/3/1926 chúng mới "bắt nguội" ông tại nhà. Suốt từ 1923 đến 24/3/1926 là

thời kỳ hoạt động đối lập công khai chống lại chế độ cai trị của thực dân Pháp biểu hiện sáng ngời một khí phách và tinh thần yêu nước nồng nhiệt của Nguyễn An Ninh.

Năm 1928, Nguyễn An Ninh bị thực dân Pháp bắt lần thứ hai về tội lập Hội kín và bị chúng giam ở Khám lớn Sài Gòn cùng với Phạm Văn Đồng (cố Thủ tướng Chính phủ) và chịu án 3 năm đến tháng 10/ 1931.

Ra tù, Nguyễn An Ninh càng hoạt động sâu rộng đến các tầng lớp quần chúng và ngụy trang với hình thức "người đi bán dầu cù là" để tổ chức các cơ sở của tổ chức "Thanh niên Cao vọng" do ông sáng lập.

Năm 1939, Nguyễn An Ninh bị đế quốc Pháp bắt và đày ra Côn Đảo (1940). Tại đây, ông đã gặp Nguyễn Văn Linh (Cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam) và cùng đoàn kết với những người cộng sản để chống lại chế độ nhà tù tàn bạo của đế quốc Pháp. Năm 1943, Nguyễn An Ninh lâm bệnh nặng và đã yên nghỉ tại nghĩa địa Hàng Dương, Côn Đảo.

Các nhà lãnh đạo của Đảng và nhà nước ta đã đánh giá cao sự nghiệp của Nguyễn An Ninh: "Nhà chí sĩ Nguyễn An Ninh, nhà yêu nước vĩ đại" (Cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam-Nguyễn Văn Linh). "Nguyễn An Ninh là một chiến sĩ cách mạng giàu lòng yêu nước và ý chí đấu tranh" (Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng). "Nguyễn An Ninh là một chiến sĩ cách mạng... hy sinh cho sự nghiệp giải phóng đất nước, giải phóng con người" (lời Cố Ủy viên Trung ương Đảng - Hà Huy Giáp). "Nguyễn An Ninh chưa hề là Đảng viên Đảng Cộng sản, vậy mà ít ra từ những năm 1929-1930, đã như là một người Macxit-Lêninnít hoạt động trong quần chúng, hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng. Trong mắt, trong lòng người Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh, chí sĩ Nguyễn An Ninh là một người cách mạng, xứng đáng được lưu danh bằng bia đá tượng đồng" (Lời giáo sư - nhà giáo Nhân dân Trần Văn Giàu - nguyên Chủ tịch Ủy ban Hành chánh kháng chiến Nam bộ).

Hôm nay, trong không khí trang nghiêm này, tại mảnh đất quê hương của nhà trí thức yêu nước, Thành phố chúng ta tổ chức trọng thể lễ khởi công công trình xây dựng nhà tưởng niệm nhà trí thức yêu nước Nguyễn An Ninh với tấm lòng thành kính tri ơn. Công trình hoàn thành sẽ bổ sung vào hệ thống các di tích lịch sử-văn hóa của thành phố và đất nước một công trình có ý nghĩa giáo dục lịch sử-văn hóa truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mãi mãi mai sau.

Bước đầu tiếp cận cái đẹp Nguyễn An Ninh

DƯƠNG ĐÌNH THẢO

Giáo sư, Nhà giáo nhân dân Trần Văn Giàu, một nhà sử học uyên thâm, được giác ngộ cách mạng từ buổi thiếu thời và trưởng thành từ phong trào yêu nước Nguyễn An Ninh đã có lần căn dặn: "Tự Nguyễn An Ninh đã Đẹp rồi, không phải thêm bớt điều chi". Được tiếp cận nhiều nguồn tư liệu, trong đó có nguồn tư liệu rất phong phú, quí báu do những người con của Nguyễn An Ninh gia công sưu tầm, giới thiệu, đến nay tôi cũng chỉ dám nói mới hiểu được phần nào cái Đẹp của Nguyễn An Ninh.

Với tất cả lòng thành kính và biết ơn, tôi xin được trình bày những hiểu biết vốn có hạn của tôi về Nguyễn An Ninh và những bài học tiếp nhận từ một con người được Cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nguyễn Văn Linh tôn vinh "một nhà yêu nước vĩ đại", và được đồng bào Nam bộ, vốn có lòng trọng vọng chí sĩ, đã xếp vào hàng với Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh như lời truyền tụng của những người được sống trong lòng đồng bào ở thời buổi những năm 20 – 30 đầu thế kỷ.

Nguyễn An Ninh và dân tộc

Nguyễn An Ninh sáng lập tờ *La Cloche Fêlée* (LCF – Tiếng Chuông Rè hoặc Tiếng Chuông Nứt), luôn luôn giữ vai trò linh hồn, trụ cột của tờ báo, cả trong thời gian ông mời luật sư Phan Văn Trường, có quốc tịch Pháp, một nhà mác-xít uyên thâm rất được ông kính trọng, làm Chủ nhiệm chính trị của báo, như "chọn mặt gởi vàng". Ngay trên LCF số 1 ra ngày 10-12-1923, Nguyễn An Ninh đã khẳng định:

"Kiến thức mà nước Pháp trao cho chúng tôi chẳng những không hề làm cho chúng tôi xa cách, tách rời chúng tôi với giống nòi của chúng tôi, mà còn làm cho chúng tôi trở về với giống nòi".

Hai tiếng *giống nòi* đã từng hằn sâu trong tâm khảm của người dân, nay được khơi dậy nhiều lần dưới ngòi bút của Nguyễn An Ninh, đó là niềm kiêu hãnh dân tộc và là một cái tát vào mặt bọn thực dân quen miệng gọi dân ta là: "sale race annamite" (giống dân An-Nam dơ dáy)!

Vững tin ở sức mạnh của giống nòi, ông đã viết không phải chỉ một lần: "Chúng ta là một giống nòi đã luôn luôn trả giá đắt cho cái quyền được sống... đã bao phen chống chọi với những kẻ thù mạnh hơn và đã chiến thắng"*. Nhắc câu chuyện "trụ đồng" của Mã Viện, ông không chỉ đề cao ý chí và bản lĩnh giữ nước của ông cha, mà còn nhắc người đời, nhất là tuổi trẻ, đừng bao giờ quên cái họa diệt vong. Và ông chỉ rõ để chiến thắng "ông cha ta có đầu óc sáng tạo, chỉ dựa vào sức mình, chẳng phải dựa vào ai khác"*. Đó là bài học tự lực, tự cường, "đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", mà Bác và Đảng cũng đã dạy chúng ta hôm qua và cả hôm nay.

Do giống nòi chúng ta có truyền thống, bản lĩnh kiên cường như vậy, mà Nguyễn An Ninh đã tự hỏi mình và nhắn nhủ: "thế hệ hôm nay phải noi gương các thế hệ đi trước" "và bởi lẽ sự nghiệp của chúng ta phải được sáng tạo" cho nên "chúng ta chỉ có thể nói đến sáng tạo, chúng ta phải nghĩ trước hết đến sáng tạo, chúng ta trước hết phải là những đầu óc sáng tạo"**.

Trong quan hệ giữa quá khứ, hiện tại, tương lai giống nòi, Nguyễn An Ninh có cách nói rất hình tượng: "hiện tại phải được gắn liền mật thiết với quá khứ – và còn hơn là gắn liền, hiện tại sống từ quá khứ"** và "phải hướng cái nhìn về tương lai, để cho tương lai xích lại càng nhanh càng tốt. Phải có một chân trong hiện tại để đặt chân kia vào một tương lai gần, tương lai đó phải là cái hiện tại có thật đối với tuổi trẻ"**.

Để tuổi trẻ thấy hết trách nhiệm đối với giống nòi và có lòng tự tin, ông cho rằng: "Chỉ có dòng máu chảy trong huyết quản của chúng ta mới có thể phát hiện (révéler) các nhu cầu của giống nòi chúng ta"**.

Trong khi cổ võ thanh niên "những trí thức tương lai" cần phải học tiếng Pháp để thấu hiểu nền văn hóa châu Âu và qua đó để có được "một sự hiểu biết sâu sắc nền văn hóa Viễn Đông"**, Nguyễn An Ninh lại có lời cảnh báo: "Cái mà chúng ta phải có, không phải là lối học bắt chước một cách thấp hèn, những lối học như vậy còn lâu mới giúp giải thoát chúng ta, trái lại nó còn cột chặt chúng ta vào những người được chúng ta học theo lối bắt chước. Chúng ta cần những sáng tạo của cá nhân nảy nở từ dòng máu của chúng ta, hoặc là kết quả của một sự phản ứng diễn ra trong mỗi chúng ta"**.

Trở về nước ở tuổi 22, 23 với hoài bão lớn vì giống nòi, Nguyễn An Ninh canh cánh bên lòng nỗi lo làm gì đây để vực dậy lòng yêu nước của đồng bào, nhất là trong lứa tuổi thanh niên. Vận nước gặp thời đen tối, sau bao nhiêu lần nổi dậy, nghĩa khí có thừa, nhưng đều bị đàn áp đẫm máu, bao nhiêu phong trào nâng cao dân trí, chấn hưng dân trí, nhiệt huyết có thừa, nhưng đều lần lượt bị dập tắt! Đến những năm trước sau 1924, từ nước ngoài Nguyễn Ái Quốc cũng có bức thư "gửi thanh niên An-Nam" kết thúc bằng một lời kêu gọi thống thiết: "Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh" ("Hồ Chí Minh toàn tập" Nhà XBCTQG T.2 trang 133).

Tháng Giêng năm 1923, Nguyễn An Ninh có buổi diễn thuyết "*Chung đúc học thức cho người An-Nam*" (Une Culture pour Les Annamites.) Tháng 10 cùng năm 1923, Nguyễn An Ninh diễn thuyết lần thứ hai về "*Cao vọng (lý tưởng – ĐĐT) của Thanh niên An-Nam*"**, đặt ra nhiều vấn đề để thúc giục thanh niên dấn thân lo cho giống nòi có được một "tương lai tốt đẹp hơn". Ông tập trung nói về văn hóa, "một nền văn hóa tinh thần" (une culture intellectuelle) cho giống

nòi.

Ông cho rằng "văn hóa là tâm hồn của một dân tộc", từ văn hóa "tự nó mang ý nghĩa của một không gian rộng mở (étendue), ý nghĩa của một đỉnh cao, từ đó người ta có thú vui phóng tầm mắt đến những chân trời bao la". Ông lý giải "cũng như một con người có tâm hồn cao thượng thì nắm bắt được những lạc thú cao đẹp của cuộc sống, một dân tộc có được một nền văn hóa cao thì thấu hiểu được những đặc quyền không dành cho những dân tộc có nền văn hóa thấp kém hơn". Ông chỉ rõ: "Dân tộc nào bị thống trị bởi một nền văn hóa nước ngoài, thì không làm sao biết được nền độc lập đích thực" – Ông khẳng định: "Văn hóa của mỗi người là điều kiện cho cuộc sống, là điều kiện cho nền độc lập và sự lan tỏa của một dân tộc".

Nói đến cao vọng (lý tưởng), nói đến văn hóa, thì phải nói đến "nghĩa vụ đối với xã hội, "nhân cách". "khát vọng dời đời đạt tới cái khá hơn (le mieux), cái đẹp nhất (le meilleur)"; "tham vọng vượt đồng đội của mình, đứng lên hàng đầu (le premier)"**.

Trong khi ông nói "hiện tại sống từ quá khứ", ông cũng quan tâm làm rõ đòi hỏi của hiện tại: "Đáp ứng với hiện tại phải có những phương thuốc hiện tại... Đối với thế hệ hôm nay, phải có lý tưởng mới, lý tưởng của họ; một lối hoạt động mới, hoạt động của họ; những đam mê của họ. Theo điều kiện này và chỉ điều kiện này thôi – việc thực hiện một tương lai tốt đẹp hơn là điều có thể làm được"*. Tôi hiểu Nguyễn An Ninh đòi hỏi thanh niên phải có niềm tin. Dấn thân thì phải thấy trước: "Trong tất cả chướng ngại mà chúng ta sẽ gặp trên con đường đi tới, chướng ngại lớn nhất nằm ở chính trong bản thân của chúng ta; chúng ta thiếu sinh khí (souffle) nuôi dưỡng ước mơ của chúng ta, chúng ta thiếu ý chí để đi đến đích"**. Rất nhiều lần Nguyễn An Ninh nói phải có "sự đam mê tìm hiểu (curiosité) dưới mọi dạng, sự đam mê tìm hiểu là biểu hiện cuối cùng của sự sống... một sự đam mê tìm hiểu bằng mò mẫm (tâtonne), tìm tòi (cherche), đào xới (fouille), phân tích tỉ mỉ (dissèque) tất cả những gì

là sức sống ở người khác để tìm phương thuốc tạo ra những nghị lực mới trong dòng máu đã loãng (sang décoloré)"*.

Sứ mạng cứu lấy giống nòi "vượt quá sức của chúng ta"*, nó đòi hỏi phải có những bậc vĩ nhân (grands hommes) mà tôi hiểu là có đức rộng tài cao. Ông đặt câu hỏi: "Tại sao chúng ta không nói đến vĩ nhân, trong khi chúng ta cần có vĩ nhân, một mùa nở rộ (floraison) vĩ nhân, những người có bản lĩnh đó... thấu hiểu tâm hồn của giống nòi chúng ta, những đòi hỏi của tâm hồn và phù hợp với tâm hồn của giống nòi, chúng ta *cần có những con người để dẫn dắt bước đi của dân tộc và soi sáng con đường đi tới*".

Ông trân trọng nêu cao vai trò lịch sử của trí thức "nghệ sĩ, nhà thơ, sáng tạo hội họa, âm nhạc, nhà bác học" trong việc "làm phong phú hơn di sản tinh thần (patrimoine intellectuel) của chúng ta". Ông cũng có thái độ rõ ràng đối với vai trò lịch sử của "quần chúng" (masse), "nhân dân lao động". Trong bức thư ngỏ đăng trên báo *La Lutte* (Tranh Đấu) số 12 ngày 22-11-1934, với niềm tin ở "lòng trung thực của mình trong cuộc sống, tính chân thành, những cố gắng làm điều có ích cho đồng loại, để có cuộc sống có ý nghĩa...", ông cho biết "từ năm 1925 tôi (NAN) đã nghĩ đến việc giáo dục và tổ chức nhân dân lao động để tạo thành những lực lượng mới... Trong những hoạt động của mình năm 1927 và 1928, tôi (NAN) thường xuyên sát cánh với quần chúng". Và trong phong trào Đông Dương Đại hội, do ông đề xướng và được Đảng hết lòng ủng hộ hồi năm 1936, ông nghiêm khắc phê phán thói quen xem thường quần chúng, và đòi hỏi: "Hãy dứt khoát hướng về quần chúng, nếu lần này chúng ta không muốn phạm sai lầm. Quần chúng là thực tế (réalité). Trong quần chúng ẩn giấu một kho báu có hai giá trị. Trước hết là kho báu thông tin... những phần tử có ý thức, tiến bộ trong nhân dân có sức cung cấp cho chúng ta những chỉ dẫn bất ngờ nhất, chính xác nhất... và lường sao cho hết kho báu về ý chí tiềm ẩn, lực lượng dự trữ trong nhân dân! (*La Lutte* số 4 ngày 12/8/1938)".

Về sự thống nhất giống nòi, giang san, Nguyễn An Ninh khẳng định: "Sự chia cắt độc đoán đất nước thành ba khúc không thể chia rẽ được giống nòi. Trái lại quan hệ gần đây giữa miền Bắc và miền Nam có tăng phần năng động càng làm bền chắc hơn sợi dây liên lạc thắt chặt khối thống nhất của giống nòi" (LCF số 14 ngày 21-4-1924). Qua năm sau, một lần nữa ông nhắc lại: "Ngay đến ngày hôm nay, dân tộc An-Nam vẫn không chấp nhận ách thống trị của Pháp và, bất chấp sự chia cắt độc đoán nước An-Nam thành ba khúc, họ vẫn giữ ý thức thống nhất, có nghĩa là ý thức họ là một dân tộc" (LCF số 20 ngày 26/11/1925). Ông nêu rõ: đất nước An-Nam kéo dài từ "biên giới phía Bắc đến mũi Cà Mau" (CLF số 21 ngày 30/11/1925).

Tôi cảm nhận qua Nguyễn An Ninh, *giống nòi, đất nước là văn hóa – tâm hồn của dân tộc; là quá khứ quyện chặt với hiện tại, tương lai; là khối thống nhất gắn bó vì nhân, trí thức, đông đảo quần chúng nhân dân một lòng, một dạ vì giống nòi; là Bắc Trung Nam liền một dãi không thế lực nào chia cắt được.*

Nguyễn An Ninh với thời đại

Trên báo *Trung Lập*, Nguyễn An Ninh (dưới bút danh Thông Reo) có bài "Học lịch sử" và có lời tự thuật: "Vì sợ trọn cái đời mình đem dùng cả để học lịch sử cũng không đủ, cho nên hồi nhỏ lúc còn ở trường, Thông Reo không bao giờ học lịch sử". Sang Pháp được đọc những sách của Jean Jaurès, của Albert Mathiez nghiên cứu về sử học và "Học theo cách của A. Mathiez và J. Jaurès không học thuộc lòng những chuyện tích cá nhơn. Mà chỉ *lo hiểu cái đường tiến hóa của nhơn loại*". Cái điều mà Thông Reo muốn lưu ý người đọc là phải *"lo hiểu cái đường tiến hóa của nhơn loại"*. Không còn lo ngại thi môn sử, Thông Reo viết: "Như ngày nay đi thi, có ông giám khảo nào biểu Thông Reo kê những năm trọng hệ trong lịch sử, thì Thông Reo sẽ kê một dọc: 1789-1793, 1848-1871, 1905-1917 v.v...".

Năm 1789 là năm nổ ra Cách mạng tư sản dân quyền Pháp, một cuộc cách mạng được Lê-nin đánh giá: "Không phải không có lý do

mà cuộc cách mạng đó đã được gọi là Cuộc cách mạng vĩ đại... cả thế kỷ XIX, một thế kỷ đã đem lại văn minh và văn hóa cho toàn thể loài người, đã trôi qua dưới dấu hiệu của cuộc cách mạng Pháp" (*Lê-nin toàn tập* Nhà xuất bản Tiến bộ Mát-xcơ-va 1977, Tập 38 trang 440). 1848 và 1871 đánh dấu "hai cuộc khởi nghĩa anh dũng của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản... đã làm cho lịch sử thế giới phong phú lên rất nhiều" (Lê-nin Sđd trang 366); cuộc khởi nghĩa năm 1871 gọi là Ba-lê Công xã... "là tấm gương vĩ đại nhất của phong trào vô sản vĩ đại nhất trong thế kỷ XIX" (Lê-nin Sđd Tập 16, trang 577). Con số 1917 là năm diễn ra cuộc Đại cách mạng tháng 10 Nga "mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc và của cả loài người, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá với lòng biết ơn vô hạn (*Hồ Chí Minh toàn tập* Nhà xuất bản CTQG Tập 12 trang 301).

Qua lối "Kê một dọc" những cột mốc lịch sử được đánh dấu bằng mấy cuộc cách mạng vĩ đại từ Cách mạng tư sản dân quyền Pháp đến Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng 10 Nga, Nguyễn An Ninh bộc lộ niềm tin của mình và kêu gọi người đọc hãy nhìn thấy "cái đường tiến hóa liên tục" đã diễn ra rất biện chứng từ "lòng mong muốn... được làm việc một cách chân thành vì phúc lợi của quần chúng và hoạt động thực tiễn... đã dần dần làm sáng tỏ thêm những tư tưởng xã hội (idées sociales) của tôi" (*Bức thư ngỏ* LCF số 12 ngày 22/11/1934).

Qua năm tháng nghiên cứu và cố gắng tiếp cận cái ĐẸP của Nguyễn An Ninh, tôi dần dần mới hiểu được lời của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng: "Nguyễn An Ninh có tầm vóc một nhà lãnh đạo một cuộc cách mạng, cho nên chúng ta phải ghi nhớ những cống hiến quan trọng của một nhân vật có tầm vóc lịch sử" (báo *Sài Gòn Giải Phóng* số ra ngày 14/8/1993).

Thái độ của Nguyễn An Ninh đối với những nhà sáng lập chủ

nghĩa Mác Lê-nin và đặc biệt đối với nước Nga sau Cách mạng 1917 đã được thể hiện trên những lĩnh vực, đề tài và trong nhiều dịp khác nhau.

Trên báo LCF số 26 ngày 14/12/1925 trong bài *Hòa bình thế giới*, Nguyễn An Ninh đã viết: "Đến giờ phút này, có một người làm nhức đầu họ (những nước châu Âu – DĐT), đó là nước Nga bôn-sê-vích. Đó là một Nhà nước đầu tiên sản sinh từ học thuyết cộng sản để đập chết (abattre) con rắn bảy đầu tư bản chủ nghĩa (hydre capitaliste), và nó xuất hiện đúng vào thời điểm mà tất cả các dân tộc châu Á, bị châu Âu tài phiệt nô dịch và cướp bóc, đứng lên đấu tranh giành lại quyền tự do và nền độc lập của họ".

Nguyễn An Ninh đến với dân tộc Nga và nước Nga xô-viết non trẻ từ thuở ông còn lưu học ở bên Pháp với những kiến thức ngày thêm phong phú về văn học, lịch sử nước Nga, về những thành tựu bước đầu rất đáng trân trọng của nhân dân xô-viết.

Trong cuộc vận động chính trị góp phần nâng cao dân trí, ông rất quan tâm giới thiệu nước Nga sau Cách mạng tháng 10. Cả trong những chuyện tình của thuở ban đầu, chàng thanh niên Nguyễn An Ninh ở tuổi 24 đã hào hứng kể chuyện nước Nga "mới làm cách mạng đánh đổ chế độ phong kiến Nga hoàng, bây giờ thì đang xây dựng một xã hội mới, mọi người đều bình đẳng với nhau..." và cho xem "mấy tờ họa báo có hình ông Lê-nin, có hình mấy đứa trẻ con rất ngộ nghĩnh đang vui chơi..." (*Cùng anh đi suốt cuộc đời* Hồi ký của bà Nguyễn An Ninh, NXB Trẻ 1999 trang 19).

Ông còn "cố ý lần lần giới thiệu những văn sĩ trứ danh của Nga mà đã có quan hệ với văn chương của thế giới. Khởi đầu nói đến L. Tolstoi rồi cũng sẽ nói đến F. Dostoievsky, Tourgenev, Pouchkine, Gogol..." (báo *Trung lập* 23-24 tháng 4 năm 1938).

Qua những bài phê bình L. Tolstoi, F. Dostoievsky, Nietzsche... và sử dụng những nhân vật, những điển tích trong các tác phẩm đã đọc để minh họa những suy nghĩ rất phong phú và độc đáo của ông,

như dẫn chứng nhân vật Ivan Karamazov (trong *Anh em nhà Karamazov* của F. Dostoievsky) để chế nhạo sự ngu dốt của thống đốc Nam kỳ, tiến sĩ Cognacq..., người đọc cũng thấy được phần nào trình độ hiểu biết uyên thâm của Nguyễn An Ninh về lịch sử phương Đông, phương Tây, về những trào lưu "tiến hóa của nhơn loại" như ông nói. Để phê phán "Triết học của Nietzsche", ông viện dẫn những quan điểm lý luận của Mác để chỉ rõ "Cái thuyết trở đi trở lại của Nietzsche là một cái vòng tròn, một miếng đất bằng phẳng cho siêu nhân nhảy múa. Còn phép biện chứng của Mác như một vòng xoắn ốc, tiến hóa không ngừng" (Báo *Donnai* số 31 nă m1933).

Để bác bỏ luận điệu "tả" khuynh, biệt phái của Tạ Thu Thâu cầm đầu nhóm trốt-kýt ở Nam kỳ trong vấn đề mặt trận nhân dân, sau khi bọn phản động thuộc địa đàn áp, giải tán Phong trào Đông Dương đại hội, Nguyễn An Ninh trên báo *La Lutte* số 137 ngày 27/03/1937 đã chỉ rõ: "Chúng ta đang ở trong một nước mà nhiều lực lượng xã hội còn đang mong đợi được giải thoát khỏi ách nô lệ và chánh sách ngu dân", thì phải tính đến "phong trào công nhân, nông dân và giai cấp trung lưu, các giáo phái khác nhau, phong trào phụ nữ, đánh động tất cả các nhà trí thức sống bằng ngòi viết của họ, lực lượng dự trữ to lớn là nhân dân Đông Dương", không được bỏ sót lực lượng nào có thể tranh thủ được.

Và để tăng thêm sức thuyết phục cho những lập luận của mình, ông đòi phải dịch và công bố trên báo chí tác phẩm *Làm gì?* Chương III của Lênin, trong đó Lê-nin đặt rõ nhiệm vụ "phải tích cực tiến hành giáo dục chính trị cho giai cấp công nhân", "rèn luyện được ý thức chính trị và tính tích cực cách mạng của quần chúng", "đi vào tất cả các giai cấp trong dân cư; (Lê-nin Sdd, Tập 6, trang 72, 88, 105). Ông cũng nhắc tới tác phẩm *Marx và các nghiệp đoàn* để giới thiệu những bài học chống bệnh biệt phái trong phong trào công nhân.

Nhận thức được "cái dường tiến hóa của nhơn loại", Nguyễn An Ninh dành tâm trí tiếp cận chủ nghĩa Mác-Lênin thông qua tác phẩm

kinh điển Mác, Ăngghen, Lênin, báo chí, văn học, nghệ thuật, thông qua thực tiễn hoạt động cách mạng và tiếp xúc những nhân vật cộng sản tiêu biểu trên đất nước Paris và có người ông còn được gặp lại trên đất Sài Gòn như Marcel Cachin, Paul Vaillant Couturier, Gabriel Péri, Léon Werth, Andrée Viollis...

Ở Pháp Nguyễn An Ninh tiếp xúc và cộng tác với chí sĩ Phan Châu Trinh, luật sư Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền. Bốn nhân vật yêu nước này có thêm Nguyễn An Ninh hợp thành nhóm năm người, mà bà con Việt kiều thuở ấy với tình cảm thân yêu, tin cậy đã đặt cho cái tên "Nhóm Ngũ long". Về nước, Nguyễn An Ninh có tiếp xúc và làm việc trực tiếp với những đồng chí lãnh đạo Đảng như Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai..., có tổ chức giúp P. Vaillant Couturier, Gabriel Péri, Andrée Viollis... hoạt động, tiếp xúc quần chúng và ông trở thành gạch nối công khai giữa Đảng cộng sản Pháp với Đảng cộng sản Đông Dương hoạt động bí mật. Ông thông qua "Thanh niên Cao vọng đảng" còn gọi là "Hội kín Nguyễn An Ninh" để tập hợp, tuyển chọn những phần tử yêu nước giác ngộ cách mạng, trung kiên nhất để giới thiệu cho Đảng sau khi Đảng được thành lập.

Nguyễn An Ninh không nhìn sự vật một chiều. Khi ông đặt niềm tin ở nước Pháp, đó là nước Pháp của Cách mạng 1789, tôn trọng Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791, chớ không phải nước Pháp đại diện bởi những tên thực dân thô bạo, ngu xuẩn được cử đến thống trị, đàn áp nhân dân Đông Dương. Do có nhận thức rõ ràng như vậy, ông bác bỏ thuyết "Pháp-Việt đề huề" và cũng kêu gọi: "Đừng có đặt niềm tin ở chính sách liên hiệp mà người ta đang nói đến rất nhiều. Muốn liên hiệp ít nhất cũng phải có hai người, và chỉ có liên hiệp giữa các bên bình đẳng ngang nhau. Chúng ta nói với chính phủ hãy chờ đợi cho đến khi chúng ta có được quyền tự do và các quyền khác cũng giống như các bên mà chính phủ muốn chúng ta liên hiệp" (LCF số 21 ngày 30/11/1925).

Nguyễn An Ninh thiết tha kêu gọi tuổi trẻ "có sự đam mê tìm hiểu", "một sự đam mê tìm hiểu bằng *mò mẫm*", thì bản thân Nguyễn An Ninh cũng là một tấm gương về sự đam mê đó, về thái độ không ngừng "mò mẫm". Chính Lê-nin cũng đã từng nói đến "một thời kỳ *mò mẫm*, thí nghiệm, do dự, ngả nghiêng trong việc lựa chọn phương pháp mới đáp ứng đúng với tình thế khách quan mới", khi Người nói về một giai cấp mới xuất hiện trên vũ đài lịch sử "với tư cách là người lãnh tụ và người lãnh đạo xã hội" (Lênin, Sđd 36 trang 235).

Sau nhiều năm trăn trở, ưu tư về phương pháp đấu tranh, thông qua thực tiễn phong trào cách mạng ở Việt Nam, ở Ấn Độ, đến năm 1925 Nguyễn An Ninh đi đến những kết luận dứt khoát. Trên LCF số 20 ngày 26/11/1925 ông khẳng định: "Bạo lực bị lên án ở nơi nào không cần đến nó. Còn có những trường hợp phải chấp nhận bạo lực, bởi vì không còn có phương sách nào khác". Tôi nghĩ đó cũng là tư tưởng của Mác-Ăngghen về đấu tranh bằng phương pháp hòa bình hay bằng bạo lực. Cũng trên số báo đó, ông nhận xét: "Những cố gắng của Ấn Độ (theo thuyết "bất bạo động" – DĐT) đã thất bại trở thành chủ thuyết Gandhi bất lực". Và trên số báo LCF tiếp theo, số 25 ngày 11/12/1925, ông viện dẫn lời của chính Gandhi: "... ở nơi nào sẽ phải lựa chọn giữa hèn nhác (lâcheté) với bạo lực (violence), thì nên chọn bạo lực" và "Tôi ưng thấy nước Ấn Độ tự do nhờ bạo lực hơn là một nước Ấn Độ nô lệ bị trói buộc bằng xiềng xích bạo lực của kẻ thống trị".

Ghi nhận sự chuyển biến như vậy trong nhận thức về phương pháp đấu tranh diễn ra ở Việt Nam giữa những năm 1925-1930, nhà sử học Pháp có uy tín Philippe Devillers có viết: "... những phần tử giác ngộ nhất trong giai cấp trí thức (theo Tây học – DĐT) đã bắt đầu thấu hiểu vai trò của những kẻ sĩ mới (nouveaux Lettrés) phải như trong nước Việt Nam cũ, trở thành "*ánh sáng*" và "*dẫn đường*" cho dân tộc... Đến bây giờ rất nhiều nhà trí thức có niềm tin sâu sắc là không có điều gì đạt được nếu không sử dụng bạo lực (la force) và không

đấu tranh" (*Lịch sử Việt Nam từ 1940-1952*, Nhà XB Seuil 1957 trang 54-55). Một sự trùng hợp lý thú, nếu nhớ từ 1923 trong bài diễn thuyết "Cao vọng của thanh niên An Nam", Nguyễn An Ninh cũng đã có nói "cần có những con người dẫn dắt bước đi của dân tộc và soi sáng con đường đi tới" (xem trang 4 bài này).

Tôi chân thành cám ơn đồng chí Nguyễn Thị Minh, con gái của Nguyễn An Ninh, đã viết bài "Nguyễn An Ninh với báo *La Cloche Fêlée* (*Sài Gòn Giải Phóng* số ra ngày 15/9/2000) đã cung cấp những tư liệu qui báu về quá trình Nguyễn An Ninh tính toán, sắp đặt mọi bề, với sự nhất trí của luật sư Phan Văn Trường, chủ nhiệm của LCF để "Tuyên ngôn cộng sản" được đăng toàn bài, kể cả những bài giới thiệu cho mỗi lần xuất bản, mà không bị nhà cầm quyền Pháp tịch thu hoặc đình bản. Tôi nghĩ rất có thể Nguyễn An Ninh đã tính trước sẽ giới thiệu trên LCF những tác phẩm Mác – Lênin, trong đó có "Tuyên ngôn cộng sản" và những dòng tư tưởng tiến bộ khác ngay từ trong việc ông trân trọng mời luật sư Phan Văn Trường về làm chủ nhiệm báo LCF và tiếp tục làm Chủ nhiệm báo LCF đổi tên là báo *l'An nam*. "Điếu văn khóc Phan Văn Trường" (báo *Trung Lập* số ra ngày 27/04/1933) cho thấy rõ sự nhìn xa trông rộng của Nguyễn An Ninh khi ông viết: "Phan Văn Trường nghiên cứu chủ nghĩa "Mã Khắc Tư", nhờ nó mà hiểu rõ sự tiến hóa của xã hội... xã hội ngày nay còn xài ông được để giúp cho xã hội tiến hóa... Học hiểu như Phan Văn Trường xứ ta dễ có mấy ai"!

Thể hiện tính công bằng lịch sử, đồng chí Hà Huy Giáp đã từng gia công nghiên cứu "sự tiến hóa liên tục của Nguyễn An Ninh..." đã viết: "Chúng ta cần nghiên cứu Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường là những người, sau Nguyễn Ái Quốc, đã sớm có công gieo hạt giống yêu nước theo xu hướng xã hội chủ nghĩa vào buổi đầu trong thanh niên, trí thức, học sinh chúng ta" (*Sự tiến hóa liên tục của Nguyễn An Ninh* NXB Trẻ - TP. Hồ Chí Minh 1999 trang 13).

Tôi mong một vài sự việc kể trên phản ánh được phần nào quá

trình Nguyễn An Ninh tiếp cận chân lý của thời đại, "cái đường tiến hóa của nhơn loại" để cùng với luật sư Phan Văn Trường, thông qua *La Cloche Fêlée* và tiếp đó là tờ L'Annam, đem lại một luồng gió mới, một bước rẽ mới trong lịch sử chính trị – tư tưởng nước ta nói chung và trong lịch sử báo chí nói riêng" như nhà nghiên cứu Phạm Xanh đã nêu rõ trong *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin ở Việt Nam 1921-1930* NXB Thông tin lý luận, Hà Nội 1990 trang 193.

Xin có mấy lời kết thúc

Vừa qua được đọc trên báo *Nhân dân* ngày 22/9/2000 những lời phát biểu chân tình và rất sâu sắc của Tổng bí thư Đảng Lê Khả Phiêu với khách nước ngoài tham dự Hội nghị quốc tế "Việt Nam trong thế kỷ 20", và hình dung được những tình cảm hồ hởi, thân thương, tin cậy của các nhà khoa học bạn bè dành cho Việt Nam, tôi xúc động hồi nhớ những trang sử đau thương và oai hùng mà dân tộc ta đã viết nên trong những năm 20 đầu thế kỷ, trước ngày Đảng ra đời gánh lấy sứ mệnh lãnh đạo cách mạng. Cùng với các chí sĩ tiêu biểu bậc cao niên Phan Bội Châu, Phan Chu trinh, Nguyễn An Ninh cũng vì giống nòi, đã không ngớt tha thiết kêu gọi tuổi trẻ, trước hết là những người "có bản lĩnh... thấu hiểu tâm hồn của giống nòi": "Chúng ta sinh ra trong một thế kỷ mà sứ mạng đặt lên vai chúng ta là nặng nề và vượt quá sức của chúng ta. Chúng ta *hãy chấp nhận hy sinh để chuẩn bị một tương lai*, mà chúng ta sẽ không thấy, và nhiều lắm là chúng ta hy vọng sẽ thấy được những điều hứa hẹn (promesses)"*.

Trong lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Nguyễn An Ninh hôm nay, chúng ta tự hào và vô cùng biết ơn Nguyễn An Ninh cùng các bậc tiên liệt đầy tâm huyết đã xả thân để chuẩn bị cho *tương lai*, và càng tựa hào, cảm ơn biết bao Bác Hồ và Đảng đã tìm ra con đường cứu nước sáng suốt, đúng đắn lãnh đạo dân tộc ta, các thế hệ kế tiếp nhau biến "cái *tương lai*" đó từng bước thành hiện thực trên đất nước Việt Nam vô vàn thân thương. Đến lượt thế hệ chúng ta, bước vào

thế kỷ XXI chúng ta tiếp tục ra sức tô điểm hiện tại và chuẩn bị cho một *tương lai* rạng rỡ hơn vì hạnh phúc muôn đời của *giống nòi dân tộc*.

Chú thích:

* "Từ ước mơ đến hiện thực" LCF số 3 ngày 24/12/1923

** LCF số 6 ngày 14/1/1924

*** "Trật tự và hỗn loạn" LCF số 4 ngày 31/12/1923

Nguyễn An Ninh, người trí thức cánh mạng chân chính

ĐINH XUÂN LÂM

Tìm hiểu cuộc đời hoạt động yêu nước cách mạng của Nguyễn An Ninh – một cuộc đời sôi nổi, đầy biến động, nhiều kịch tính, tuy không được dài – trước sau chỉ trên 20 năm nếu tính từ khi ông sang Pháp năm 1917 đến khi ông mất tại Côn Đảo năm 1943 – chúng tôi trước đây vẫn có điều băn khoăn thắc mắc. Đó là: tại sao một nhân vật đã đi vào tình cảm trí nhớ đồng bào miền Nam thông qua hình ảnh quen thuộc người thanh niên trí thức bình dị cưỡi xe đạp đi bán báo *Tiếng chuông rè* quảng cáo "dầu cù là An Ninh" trên các đường phố Sài Gòn và đã được trí thức tiến bộ nước ngoài như Léon Werth dành cho những dòng đặc biệt trọng thị trong cuốn sách nói về chuyến sang Nam kỳ của mình (Léon Werth – *La Cochinchine*. F. Rieder và công ty xuất bản, Paris, 1926), cho tới nay vẫn chưa được đánh giá một cách rạch ròi, định vị một cách xứng đáng một số điểm trong cuộc đời hoạt động của ông, vẫn còn bị ngộ nhận hiểu sai một cách đáng tiếc, thậm chí có điểm còn bị cố tình xuyên tạc? Chỉ mãi tới gần đây, nhờ được tiếp cận một số tư liệu mới, nhất là trong hoàn cảnh lịch sử mới, chúng tôi mới có dịp suy nghĩ, tìm hiểu sâu hơn, và sau đây là một số thu hoạch của chúng tôi về nhân vật Nguyễn An Ninh.

Trước hết chúng tôi muốn nhấn mạnh tới các đặc điểm của thời đại ông.

Ông sinh năm 1900, đúng vào thời kỳ tư bản Pháp sau khi bóp chết phong trào đấu tranh vũ trang cuối thế kỷ 19 của nhân dân ta, đã

ra sức đẩy mạnh khai thác bóc lột nhân dân ta có hệ thống, trên quy mô cả nước, với tốc độ nhanh. Đó là thời khai thác thuộc địa lần thứ nhất của tư bản Pháp ở Việt Nam (1897-1918) do tên toàn quyền Đông Dương Paul Doumer được giới tư bản tài chính cầm quyền ở Pháp đặc cử sang với nhiệm vụ biến gấp Việt Nam (và cả Miên-Lào) thành một thuộc địa khai khẩn vào bậc nhất của chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Thời kỳ Nguyễn An Ninh sinh ra và lớn lên cũng là thời kỳ phong trào đấu tranh chung của cả nước, trong đó có phong trào miền Nam, đang trên đà chuyển hướng và phát triển mạnh mẽ. Quê hương ông thuộc vùng Long Hưng, Bà Điểm, Hóc Môn, Mười tám thôn Vườn Trầu, vốn là những trung tâm giàu truyền thống đấu tranh chống áp bức và xâm lược, điều kiện đó không thể không tác động mạnh mẽ tới tâm hồn nhạy cảm của một thanh niên học sinh xuất thân từ một gia đình từng gắn bó với các phong trào sôi động thời đó, hết Đông Du của Phan Bội Châu đến Duy Tân của Phan Châu Trinh, rồi Minh Tân của Gilbert Trần Chánh Chiếu v.v... Cuộc đấu tranh rầm rộ của các hội viên Thiên địa hội, nghĩa quân tràn vào định đánh chiếm Sài Gòn, sau đó tiến lên giải phóng các tỉnh, tuy cuối cùng thất bại trước sự phản công ác liệt của quân thù có ưu thế tuyệt đối về súng đạn, nhưng cũng nung nấu thêm lòng yêu nước thương nòi của ông. Còn phải kể tới các sự kiện Huế (5-1916) và Thái Nguyên (8/1917) cũng góp phần thúc giục anh thanh niên ưu tú thấy cần phải hành động.

Cũng đúng vào lúc tình hình cả nước đang sôi động như vậy thì Nguyễn An Ninh ra Hà Nội học. Thời gian anh học tại Hà Nội không lâu, không đầy hai năm, nhưng Hà nội bấy giờ là thủ phủ của cả xứ Đông Dương đã phản ánh đầy đủ bộ mặt thật của chủ nghĩa đế quốc Pháp, cũng như nhà trường cao đẳng anh theo học đã giúp anh nhanh chóng nhận rõ chính sách ngu dân, phân biệt đối xử của chúng. Vì vậy, anh đã quyết tâm bỏ học, lên đường sang Pháp. Tất nhiên đây chưa phải là một chuyến ra đi với mục tiêu xác định là tìm con đường

cứu nước thích hợp, vì thấy các con đường trước đều phá sản, mà chỉ mới là để có điều kiện học hỏi tìm hiểu nền văn minh nước Pháp ngay tại ngọn nguồn. Đối với Nguyễn An Ninh lúc đó, rõ ràng là các khẩu hiệu Tự do-Bình đẳng-Bác ái của cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1789 mà anh bước đầu làm quen trong nhà trường thực dân – dù rằng đã bị cắt xén mất nhiều phần tích cực – đã có sức hấp dẫn lớn, và chính vì chúng bị cắt xén mà càng thêm kích thích thúc giục anh sang tận quê hương của chúng để tìm hiểu cho được thấu đáo.

Đặt chân lên đất Pháp, tất nhiên những người Việt Nam đầu tiên anh tiếp xúc là những người mà lâu nay, ngay khi còn ở trong nước anh đã từng nghe nói tới và đã ngưỡng mộ như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Ái Quốc thường cùng nhau tụ họp tại ngôi nhà số 6 phố Gobelins ở Paris. Lúc này cũng chính là lúc lịch sử loài người đang bước đi những bước gấp và tình hình nước Pháp đang có những biến chuyển to lớn. Chiến tranh đế quốc lần thứ nhất (1914-1918) đang bước vào thời kỳ ác liệt trước khi kết thúc. Dưới ảnh hưởng Cách mạng tháng 10 Nga làm rung chuyển thế giới, thủ đô Paris đang sục sôi với phong trào phản chiến của binh lính Pháp và thuộc địa. Lúc đó cũng là lúc giai cấp công nhân Pháp – trước tiên là công nhân Paris sôi sục đấu tranh, phong trào công nhân nước Pháp đang trên đà phát triển mạnh mẽ.

Cách mạng tháng Mười Nga đã tác động đến các thành viên của nhóm 6 Gobelins không giống nhau, tuy họ đều là những người yêu nước. Đối với Nguyễn An Ninh, anh cũng có thiện cảm với cuộc Cách mạng Nga, đã tìm đọc các tài liệu, văn kiện về cuộc cách mạng đó. Nhưng là một sinh viên đại học luật của nước Pháp, lại không sống trong môi trường công nhân, anh không có điều kiện thực tế để thể nghiệm và tiếp tục triệt để chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đối với anh, lực hút trước sau vẫn là tinh thần nhân đạo, chủ nghĩa nhân văn của cuộc Đại cách mạng Pháp với bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền nổi tiếng toàn thế giới. Anh cần cù học tập, nghiên

cứu, tìm hiểu, và sau khi đỗ cử nhân Luật (1920) anh tiếp tục ở lại thêm hai năm trong thời gian đó anh hoạt động báo chí, mở rộng giao du, rồi đến năm 1922 thì về nước.

Căn cứ vào các hoạt động cứu nước sôi nổi của anh – diễn thuyết, ra báo, viết sách – chúng ta thấy rõ trong giai đoạn đầu anh phấn đấu cho việc thực hiện ngay ở Việt Nam những tư tưởng của nhóm Bách khoa toàn thư Pháp đã chỉ đạo cuộc cách mạng vĩ đại tư sản Pháp, và là nội dung chủ yếu của bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1789. Anh chủ trương trước hết cần phải có nền "văn hóa" cao rộng, khi trình bày bằng Pháp văn, anh dùng chữ "*Culture*" và giải thích đây là học thức để nâng cao trình độ cho nhân dân -nhất là cho thanh niên – bồi dưỡng cho họ có lý tưởng cao đẹp – anh gọi đó là "cao vọng" – dám hy sinh vì sự nghiệp giải phóng đồng bào. Theo anh, một dân tộc có một nền văn hóa cao vẫn tự do trong vòng nô lệ. Đây là một văn hóa tinh thần lấy chủ nghĩa nhân văn của Pháp làm cơ sở. Hoàn toàn không có ảo tưởng về chủ nghĩa thực dân Pháp, trong tập sách nhỏ *Nước Pháp ở Đông Dương* (Nxb A và F. Debeauve, Paris, 1925), anh viết: "Không phải vì tình cảm mà nước Pháp đã vượt qua con đường dài 14.000 cây số để sang Đông Dương. Nhưng người An Nam những năm gần đây, với mục đích làm bọn thực dân cảm động để nói tới lòng nhân đạo của nước Pháp, thì cũng ngây thơ như những người châu Âu tin tưởng vào sứ mạng khai hóa văn minh của châu Âu". Trên một số báo *Tiếng chuông rè*, anh mỉa mai: "Nói về vai trò giáo dục, vai trò khai hóa văn minh của các ông chủ xứ Đông Dương, thưa các Ngài, rõ ràng là chỉ làm cho người ta phì cười".

Đối với Nguyễn An Ninh, nền văn hóa tinh thần của dân tộc là một sự kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa nhân văn của Pháp được lấy làm cơ sở để thấu hiểu một cách sâu sắc nền văn hóa Viễn Đông, trong đó có nền văn hóa Việt Nam. Mà khi nói tới chủ nghĩa nhân văn của Pháp là nói tới việc đem lại những quyền tự do dân chủ của con người, trong hoàn cảnh một nước thuộc địa như nước Việt Nam

thì những quyền đó đã hoàn toàn bị bác trước. Vì lẽ đó nếu như Cách mạng Tháng Mười Nga từ những năm đầu sau chiến tranh kết thúc có tác động đến nhận thức và tình cảm của người thanh niên trí thức Việt Nam Nguyễn An Ninh, đó chính là ở chỗ cuộc Cách mạng đó tiếp tục và phát huy những tự do, dân chủ một cách rộng rãi hơn, triệt để hơn, một cách thực sự, đến tận giai cấp vô sản và nhân dân lao động, và xác nhận vai trò làm ra lịch sử của nhân dân lao động.

Để đạt tới mục tiêu cao cả đó, Nguyễn An Ninh đã hăng hái hoạt động, viết sách, ra báo, diễn thuyết, lập hội, anh chủ trương phải biến Đông Dương thành một nước Pháp thứ hai, nước Pháp – Á (France-Asie) đấu tranh cho việc thực hiện luật pháp của nước Pháp ở Đông Dương. Thế nhưng thực tế bất công và áp bức của một xứ thuộc địa trong đó những tên thực dân ngoan cố theo mẫu Cognacq, Outrey... mặc sức hoành hành, cũng như thực tế nước Pháp ở đó nền cộng hòa dân chủ tư sản cũng đã bị phá sản ngay từ bên trong, đã làm cho anh nhanh chóng nhận thấy cần phải thay đổi phương pháp đấu tranh: "Khi một dân tộc bị dồn vào chỗ chỉ còn có thể chọn một là cái chết, hai là thân phận nô lệ, thì trong hoàn cảnh đó thách thức cái chết là anh hùng hơn. Bạo lực bị lên án ở nơi nào nó chưa cần thiết. Nhưng có những trường hợp cần phải chấp nhận nó vì đó là phương sách cuối cùng. Nếu như quần chúng coi khinh cái chết hơn là chấp nhận sự bất công; và nếu như bọn thực dân không muốn từ bỏ chính sách áp bức và bóc lột trắng trợn thì một bổn phận đối với những người can đảm và tận tụy hơn trong nhân dân An Nam là phải nghĩ tới những phương pháp đấu tranh thích hợp với thời đại hiện đại, tới việc tổ chức một công cuộc chiến đấu có khả năng đánh bại sự áp bức. Người tù khổ sai trốn khỏi nhà tù không nghĩ tới cái chết đang theo đuổi anh ta trong cuộc thoát ngục. Con ngáo ộp Nhật Bản đế quốc không đủ để làm cho người dân An Nam từ bỏ tự do của họ" (*Nước Pháp ở Đông Dương*, trang 7).

Nguyễn An Ninh đã báo động nước Pháp: "Những người Việt được

đào tạo bởi các nhà trường Pháp mong muốn cho dân tộc họ một cuộc tiến hóa chậm và chắc dưới chủ quyền của nước Pháp, hướng tới chế độ lập hiến của các quốc gia châu Âu. Một vài người trong số họ, những người yêu nước sáng suốt, lại còn tận tụy tuyên truyền để cố chứng minh cho quần chúng thấy những hiểm họa của việc phục thù và những lợi ích của lòng yêu nước dưới chủ quyền của nước Pháp, sự tiến hóa tới tự do chính trị từng được hứa hẹn trong các bài diễn văn công khai. Họ tin vào một sự hợp tác có thể có được giữa người Pháp và người bản xứ. Nhưng nếu bọn thực dân ngoan cố khước từ những quyền tự do tối thiểu cho người An Nam thì họ sẽ buộc phải tán thành bạo lực của quần chúng và bạo động của những người đào vong ở nước ngoài (Bài đã dẫn, tr. 28).

Thất vọng vì thái độ ngoan cố của Pháp, từ năm 1925 Nguyễn An Ninh hướng về quần chúng, tin tưởng quần chúng, đi vào nông thôn lục tỉnh để xúc tiến việc tổ chức nông dân vốn bất bình đối với đế quốc, và sẵn sàng đứng dậy khi có người kêu gọi và lãnh đạo. Chính điều đó giải thích vì sao một trí thức tây học vào cỡ lớn như Nguyễn An Ninh đã được quảng đại quần chúng nông dân miền Nam nhiệt liệt hưởng ứng. Qua hành động thực tiễn cách mạng, ông càng ngày càng xích gần lại với chủ nghĩa Lênin, và càng về sau càng đi sát với Đảng Cộng sản Đông Dương. Mặc dầu trước sau chưa bao giờ đứng trong hàng ngũ của Đảng Cộng sản, nhưng trong hành động, qua các bài báo, lời tuyên bố của ông, có thể khẳng định quan điểm của ông trùng hợp với những quan điểm của Đảng hồi đó, ông đã làm đúng những điều Đảng đang ra sức thực hiện trong những năm 1930 về sau (mở Đại hội Đông Dương; vạch mặt bọn trốt kít, ứng cử vào Hội đồng quản hạt...) Tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở Nguyễn An Ninh là một sự thật không thể phủ nhận. Chính trong lúc Nguyễn An Ninh đang hăng hái hoạt động có lợi cho Đảng như vậy thì anh bị đế quốc Pháp bắt đày ra Côn Đảo, rồi mất ngoài đó, vào lúc mới 43 tuổi, lúc cuộc đời hoạt động nặng nề, nhiệt tình của anh đang có nhiều hứa hẹn có cơ

sở.

Tổng kết lại, cuộc đời Nguyễn An Ninh là cuộc đời một trí thức chân thành yêu nước và cách mạng. Để đánh giá ông một cách đúng đắn, tuyệt đối không thể vì tính biệt phái, vì ông không vào Đảng Cộng sản, để hạ thấp vai trò của ông trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta từ những năm 20 của thế kỷ này. Nhưng cũng tuyệt đối không nên mặc nhiên coi ông như là người có công đầu trong việc du nhập chủ nghĩa Mác-Lênin vào miền Nam nước ta. Đánh giá một nhân vật lịch sử là phải căn cứ vào các điều kiện lịch sử cụ thể trong đó người đó sống và hoạt động. Đồng thời cũng phải căn cứ vào tư tưởng và hành động cụ thể của người đó. Đối với nhân vật Nguyễn An Ninh, chúng tôi nghĩ rằng chỉ cần nói đúng, nói đủ, nói thật về cái tinh thần yêu nước độc lập, về cái bản lĩnh của ông thì ông đã là một nhân vật lớn của lịch sử, và càng đặt ông đúng vị trí của ông trong thời đại của ông thì càng làm sáng tỏ hơn vai trò to lớn của ông, làm sáng giá, sáng danh ông hơn trong lịch sử.

Ước mơ về một nền văn hóa đích thực Việt Nam

NGUYỄN PHAN QUANG

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về Nguyễn An Ninh của các bậc tiền bối, các bậc thầy, các bậc cha chú của chúng tôi. Kế thừa những công trình đó, bản thân tôi thâu nhận được nhiều điều sâu sắc về một Nguyễn An Ninh thời tuổi trẻ cách đây ngót 80 năm, sau khi ông nhận bằng cử nhân ở Đại học Sorbonne và chuẩn bị luận án tiến sĩ, nhưng rồi ông lại về nước sáng lập tờ báo *La Cloche Fêlée* nổi tiếng.

Trong bối cảnh Cách mạng Việt Nam đang chuyển mình sang một thời kỳ mới với sự xuất hiện Nguyễn Ái Quốc và tờ *Le Paria* ở Paris, người thanh niên trí thức Nguyễn An Ninh càng nhận rõ mặt kẻ thù đích thực của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp. Qua cuốn sách *Nước Pháp ở Đông Dương* (La France en Indochine), Nguyễn An Ninh vạch trần cái gọi là "sứ mệnh khai hóa" thuộc địa, "chỉ trong một thời gian hết sức ngắn ngủi đã đưa một dân tộc đến tận cùng của sự dốt nát, nô lệ, tối tăm dày đặc".

Nguyễn An Ninh thẳng thắn phê phán một số người mang ảo tưởng "liên hiệp", "đề huề" với thực dân Pháp: "Liên hiệp! Hợp tác! Người ta muốn liên hiệp với ai? Người ta muốn hợp tác với ai?" Một dân tộc đang bị ngoại bang thống trị mà lại tính chuyện "liên hiệp", đề huề" thì chẳng khác nào "muốn dựa vào ông chủ của mình để mong thoát ra khỏi vòng nô lệ", chẳng khác nào "họ đã tự quên đi quá nhanh cái lý do vì sao người ta biến họ thành nô lệ!".

Ngược về hàng ngàn năm trước, Nguyễn An Ninh nhắc nhở mọi người: "Lịch sử Việt Nam không hề chứng minh rằng nòi giống ta yếu hèn, bất lực, cam tâm cúi đầu nô lệ. Tuy nhỏ yếu trước một nước Trung Hoa hùng cường và phải mang ách đô hộ Trung Hoa, nhưng biết bao nhiêu lần nòi giống bất khuất này đã đứng lên chống lại họ... Chúng ta sinh ra từ một dân tộc luôn phải trả giá rất đắc cho quyền sống của mình. Tổ tiên ta đã làm như vậy, đã phải giành giựt hết sức gay go để giữ lấy non sông".

Nguyễn An Ninh thiết tha kêu gọi thế hệ trẻ phải dũng cảm vươn lên đảm nhận sứ mạng lịch sử: "Khi một nòi giống bị dồn đến chỗ không còn có sự lựa chọn nào khác giữa cái chết và kiếp nô lệ thì phải đương đầu với cái chết mới là thể hiện sức sống mạnh mẽ của mình". Và theo Nguyễn An Ninh, **nền tảng vững chắc tạo nên sức sống đó chính là di sản văn hóa của người Việt Nam sáng ngời đạo lý độc lập, tự do trải mấy ngàn năm:** "Dân tộc Việt Nam là một dân tộc tự do, đã từng có một nền văn hóa vào cái thời mà ở Pháp người ta còn sống tụ tập quanh những đầm nước".

Hẳn rằng Nguyễn An Ninh là một trong số ít những nhà yêu nước bấy giờ đã có một tư duy thật mới mẻ, thậm chí táo bạo, khi giải thích với dân chúng thế nào là văn hóa dân tộc, cần hiểu như thế nào về di sản văn hóa của cha ông và thế hệ thanh niên đang được lịch sử giao phó sứ mạng cao cả như thế nào để giữ gìn và phát huy di sản đó. Trong một bài viết với tựa đề "**Ước mơ của chúng ta**", Nguyễn An Ninh cho rằng: "*Nói đến sự trường tồn của một giống nòi, trước hết là nói đến văn hóa, là nói đến sức sống của dân tộc, của giống nòi đó, nghĩa là tất cả những tiềm năng mà dân tộc đó đã để lại dấu ấn sâu đậm và tỏa sáng chói lọi trên tiến trình lịch sử của mình. Và người Việt Nam đã từng có một sức sống tạo nên một nền văn hóa như vậy*".

Tưởng nhớ Nguyễn An Ninh, lớp hậu sinh chúng ta thầm cám ơn ông đã khai thông mạch dân tộc giữa cơn lũ áp đảo của văn hóa thực dân hồi đó bằng những bài viết tràn đầy tâm huyết thúc giục lòng

người, đánh thức thế hệ trẻ hãy tìm về nguồn cội văn hóa của chính mình, điều mà các thế hệ Việt Nam suốt hơn 1.000 năm bị Bắc thuộc đã từng làm và đã thành công: "Tôi cứ muốn được nói hoài về sự cần thiết phải xây dựng một nền văn hóa riêng của mình". Ông đặt hy vọng vào thế hệ trẻ "phải tìm cho được một *di sản trí tuệ vững chắc có thể dùng làm tảng đá gốc* để thực hiện ước mơ của chúng ta... Ngày nào thanh niên Việt Nam ta biết khinh thường mọi bề ngoài giả dối, mọi luận điệu xảo trá, biết ngẩng cao đầu tiến bước trên con đường cao đẹp, do chính lương tâm ta vạch ra..., thì ngày ấy chúng ta mới có thể giải bài toán khó về việc tạo lập một nền văn hóa của riêng mình", vì "văn hóa là linh hồn của một dân tộc..., dân tộc nào để cho văn hóa ngoại lai ngự trị thì không thể có độc lập thực sự".

Trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, giữa lúc toàn Đảng toàn dân ta đang nỗ lực bảo tồn và phát huy nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc làm cơ sở và động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữa lúc chúng ta đang điểm lại những bước ngoặt lớn trên chặng đường phát triển của Sài Gòn – TP Hồ Chí Minh trong thế kỷ 20 để vững bước tới tương lai, thì phải chăng những trăn trở và ước mơ của Nguyễn An Ninh ngót 80 năm trước vẫn còn nguyên ý nghĩa?

Nguyễn An Ninh - Sự quá độ

NGUYỄN HỒNG PHONG

Nguyễn An Ninh như là một nhân vật quá độ của hệ tư tưởng của phong trào yêu nước duy tân từ những sĩ phu Nho giáo chuyển sang lớp trí thức mới. Sự quá độ thể hiện ở một sự khước từ quan điểm duy tân của lớp trước và ý tưởng về một con đường cứu nước mới.

Trước hết, Nguyễn An Ninh làm một sự cắt đứt tư tưởng với "chủ nghĩa thực dân phương Tây", để phủ nhận mọi ảo tưởng có thể dựa vào đế quốc Pháp để canh tân. Cuốn *Nước Pháp ở Đông Dương* là một tác phẩm chống thực dân Pháp quyết liệt. Nó vạch trần "sứ mạng khai hóa" thuộc địa của đế quốc Pháp. "Chỉ có thực dân với nghĩa ngu xuẩn nhất của nó mới tin ở "sứ mạng khai hóa" của người Âu đang đô hộ ở Đông Dương".

Ông phê phán chế độ thực dân đã bóp nghẹt mọi quyền tự do của nhân dân ta. Ông nêu lên "hai nguyên nhân của tình trạng bất an ở Đông Dương là:

Thứ nhất: Nước Pháp chẳng những không áp dụng những nguyên lý vĩ đại mà nó đã tuyên bố, nó lại còn tiêu diệt tinh thần dân chủ của xã hội Việt Nam.

Thứ nhì: Pháp là nước đã ban bố tự do và dân quyền (quyền công dân) cho những người mới hôm qua là nô lệ, thì chính nước Pháp đó ở Đông Dương lại đặt ách nô lệ lên cổ một dân tộc tự do từng có nền văn hóa trong lúc người Pháp còn lạc hậu trong những làng xóm quanh ao hồ.

Khác với các sĩ phu lớp trước, thái độ Nguyễn An Ninh đối với Khổng giáo là một thái độ phê phán, một sự khước từ.

Như tất cả các sĩ phu yêu nước lớp trước, Nguyễn An Ninh cũng đánh giá cao giá trị nhân văn của Khổng giáo. Ông cũng cho Khổng Tử là một nhà tư tưởng lớn của thế giới. Rằng "tư tưởng Khổng giáo nếu được hiểu đúng đắn thì có thể nâng đỡ con người lên một quan niệm quảng đại và nhân từ về đời sống".

Tuy nhiên, khác với các sĩ phu lớp trước, Nguyễn An Ninh nhấn mạnh vào những hạn chế và tiêu cực của Khổng giáo như là tác nhân kìm hãm sự tiến bộ xã hội:

"Bọn cầm quyền bên Á Đông ngày xưa... dạy cho dân rằng mọi sự đau khổ ngày nay đều là tiền định".

Khổng giáo đã biện hộ cho chế độ quân chủ phong kiến. Nhờ Khổng giáo mà chế độ thống trị của bọn phong kiến tồn tại được khá lâu.

Ông phê phán cái đạo đức vi mô của Khổng giáo, nó cũng góp phần củng cố chế độ chuyên chế.

"Khi con người chỉ bằng lòng với những mảnh "hạnh phúc cỏn con" hạnh phúc gia đình thì đó chỉ là con đường cho độc tài và áp bức mà thôi".

Nguyễn An Ninh khẳng định học thuyết của Khổng Tử đã có tác dụng tiêu cực đối với sự phát triển của xã hội, mà nặng nề nhất là đối với lớp trí thức.

"Trật tự với bất cứ giá nào, dù cho phải làm liệt bại cuộc sống, đó là cái di sản nặng nề của học thuyết Khổng Tử. Và ngày nay không còn có ai không thấy tư tưởng Khổng giáo đưa đẩy tới đâu".

Ông khẳng định phải đi tìm một tư tưởng khác để tiến bộ chứ không còn trông cậy gì ở Khổng giáo.

"Phải tìm cho được một di sản trí tuệ vững chắc có thể dùng làm tảng đá gốc để thực hiện qúy ước của chúng ta... Không thể trông cậy vào Nho giáo cổ truyền được. Các cụ nhà Nho đã chẳng bám vào tư

tưởng Nho giáo như người chết bám vào rơm rác hay sao".

Điểm giống nhau của Nguyễn An Ninh với tất cả các sĩ phu yêu nước là lòng tự hào về những truyền thống dân tộc, những giá trị của văn hóa và con người Việt Nam, sức sống và sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

"Lịch sử đã chứng minh đầy đủ ý chí độc lập của dân tộc Việt Nam. Nước Trung Hoa biết rõ điều này. Họ không thắng nổi dân tộc Việt Nam, dù họ đã có những cố gắng đôi khi rất quyết liệt. Và người lính Pháp khi sang xâm lược Việt Nam hẳn là cũng đã được nếm trải thế nào là ý chí độc lập dũng mãnh đó".

Lòng tự hào với quá khứ anh hùng của dân tộc là cơ sở của niềm tin hướng về tương lai của dân tộc mà không phải là thứ chủ nghĩa tình cảm "uống nước nhớ nguồn".

"Bạn bảo rằng bạn yêu Tổ quốc, rằng bạn là người yêu nước. Nhưng bạn yêu nước như thế nào? Bạn có thể hiểu rằng yêu nước ca ngợi quá khứ chính là để củng cố niềm tin vào tương lai của Tổ quốc, để từ những kinh nghiệm trong quá khứ mà tăng thêm sức mạnh thực hiện những sứ mạng mới. Như vậy thực chất yêu nước là hướng về tương lai. Người yêu nước không chỉ tự hào về quá khứ vẻ vang mà phải nuôi hoài bão để chuẩn bị thắng lợi trong tương lai".

Chính là những giá trị truyền thống đã tạo nên bản sắc dân tộc. Bản sắc dân tộc là sức sống của dân tộc.

Nguyễn An Ninh khẳng định bản sắc dân tộc trong bài *Ước mơ của chúng ta*. Nguyễn An Ninh cho rằng:

"Nói đến sự trường tồn của một giống nòi trước hết phải nói đến văn hóa, nói đến sức sống của dân tộc, của giống nòi đó, nghĩa là tất cả những tiềm năng mà dân tộc đó đã để lại dấu ấn sâu đậm và tỏa sáng chói lọi trên tiến trình lịch sử của mình. Và người Việt Nam đã từng có một sức sống tạo trên một nền văn hóa như vậy".

Nguyễn An Ninh hiểu rõ sức mạnh của văn hóa nó trường tồn hơn mọi chính thể. Nó là linh hồn của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc

còn dù nước bị mất, bị đô hộ. Dân tộc còn thì quốcgia bị mất sẽ lấy lại. "Như Việt Nam đã làm suốt hơn một nghìn năm nô lệ". Vì lẽ đó Nguyễn An Ninh kêu gọi người Việt Nam phải quyết tâm bảo vệ phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nhất là trong hoàn cảnh nô lệ, mất nước.

"Tôi cứ muốn nói hoài về sự cần thiết phải xây dựng một nền văn hóa của riêng mình. Dân tộc nào để cho văn hóa ngoại lai ngự trị thì không thể có độc lập thực sự, vì văn hóa là linh hồn của dân tộc".

Nguyễn An Ninh dưới ánh sáng phương pháp luận sử học

THANH ĐẠM

Dùng phương pháp luận nghiên cứu nhân vật lịch sử để tìm hiểu con người Nguyễn An Ninh, tôi xin nêu ở đây ba vấn đề chính:

1. Thế nào là một nhân vật lịch sử? Và Nguyễn An Ninh là nhân vật lịch sử như thế nào?

Các nhân vật lịch sử không ai giống ai. Mỗi người một xuất xứ, một tính cách, một sự nghiệp, một kết cục, một ảnh hưởng khác nhau. Tuy vậy chúng ta sẵn sàng thừa nhận một quy chuẩn chung cho họ:

Đã gọi là nhân vật lịch sử thì nhất định người đó phải có những việc làm hay lời nói đáng ghi lại cho đời sau ngẫm nghĩ, không kể đó là nhân vật lịch sử tiêu cực và phản động hay tích cực và cách mạng.

Nguyễn An Ninh thuộc về loại nhân vật tích cực và cách mạng trong lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ 20. Ông lưu lại ảnh hưởng cho đời sau bằng dấu ấn hành động đầy tinh thần yêu nước và quan điểm tiến bộ cách mạng của mình.

Sinh năm 1900, đến 18 tuổi ông đã băn khoăn bứt rứt về cuộc tiến hóa của dân tộc Việt Nam đang sống dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, và tìm đường sang Pháp để tìm hiểu thêm về nền văn minh nước Pháp. 22 tuổi ông trở về nước, 23 tuổi bắt đầu lên diễn đàn trình bày luận đề "Về một nền học vấn cho nhân dân Việt Nam" (Une culture pour les Annamites). 26 tuổi ông bắt tay vào công việc tổ chức quần chúng, cổ động cuộc đấu tranh cho dân chủ tự do và cơm

áo của nhân dân. Từ báo *Tiếng chuông rè* (La cloche fêlée) của Nguyễn An Ninh xuất bản ở Sài Gòn, cùng một thời với *Le Paria* của Nguyễn Ái Quốc ở Paris, cùng một giọng phê phán chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương. Tổ chức hội kín "Thanh niên cao vọng" do Nguyễn An Ninh lập ra và sau này ông đem giới thiệu hội viên cho Đảng Cộng sản Đông Dương, là một hành động rất có ý nghĩa trong lịch sử.

Đi đôi với hành động, Nguyễn An Ninh để lại những lời nói rất hay, đáng cho đời nay và đời sau suy ngẫm:

- "Mọi dân tộc bị trị muốn có một nền độc lập thật sự thì phải tạo cho mình một nền văn hóa độc lập của mình". Đó là lời phát biểu trong bài diễn văn đầu tiên của ông năm 1923. (Xem Hà Huy Giáp *Sự tiến hóa liên tục của Nguyễn An Ninh...* – Thành phố Hồ Chí Minh 1989, tr. 18).

- Nguyễn An Ninh chủ trương Âu hóa, nhưng không nô lệ châu Âu. Ông nói: "Công cuộc này không thể dựa vào người đại diện nước Pháp ở Đông Dương... họ có mong gì việc đào tạo nhân tài cho ta!" và ông kêu gọi "Thanh niên Việt Nam phải có chí khí, phải có tham vọng, phải biết ước mơ để mà hành động" (Sđd, tr. 20).

- Nguyễn An Ninh thiết tha với độc lập dân tộc mà không chủ trương cách mạng bạo lực ngay từ đầu, tuy vậy ông có những lời tiên đoán chính xác về công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong tương lai: "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực người dân Đông Dương che giấu một cái gì đang sục sôi, đang gào thét và sẽ bùng nổ mãnh liệt khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú trong nhân dân có nhiệm vụ thúc đẩy thời cơ mau đến. Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất. Chủ nghĩa xã hội chỉ cần làm cái việc gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi". (Như trên, tr. 29).

- Trong việc vận động quần chúng, ông có một câu nói rất độc đáo: "Không phải làm cho mọi phụ nữ nghèo đều được sống như phụ nữ nhà giàu. Nếu tất cả đều sống như phụ nữ nhà giàu thì xã hội sẽ

chết đói hết. Vấn đề là đưa phụ nữ vào chức nghiệp và phải giúp cho phụ nữ nhà giàu biết hòa mình với phần đông chị em lao khổ kia (chứ không chỉ biết sống an nhàn trong nhung lụa)" (Như trên, tr. 46).

Bấy nhiêu việc làm, lời nói chưa diễn tả hết được cuộc đời rất phong phú của Nguyễn An Ninh, nhưng đã rất đủ để xác nhận Nguyễn An Ninh là một nhân vật lịch sử hoàn toàn tiến bộ và cách mạng.

2. *Trọng tâm của một công trình nghiên cứu nhân vật lịch sử là đi sâu xác định vị trí lịch sử, tầm mức lịch sử trong các giá trị tinh thần của con người lịch sử đó.*

Đối với Nguyễn An Ninh nhiều người cùng thời với ông đã viết khá nhiều về ông, đã phân tích và nêu cao giá trị tinh thần của ông. Tuy nhiên trong đó có những cách nhìn nhận hơi khác nhau. Bài tham luận này xin góp lời bàn đôi chút:

Trần Bạch Đằng gọi Nguyễn An Ninh là *"một chí sĩ cách mạng"*. Hà Huy Giáp gọi Nguyễn An Ninh là *"một lãnh tụ cách mạng hùng biện"*. Cả hai tác giả trên đều xác định Nguyễn An Ninh thuộc hệ cách mạng. Nhưng hình như cả hai cách "định vị" của hai ông còn có chỗ đáng bàn thêm:

- Căn cứ vào cuộc đời gồm cả hành động và lời nói của Nguyễn An Ninh, có nên coi ông là một *chí sĩ cách mạng không?*

Danh từ chí sĩ thường dành cho những người có chí lớn mà phải xử thế như một kẻ sĩ. Là chí sĩ, ắt có một quãng đời ôm chí lớn mà đành tự mình hay bị bó buộc phải lặng ngưng hoạt động chính trị xã hội thực tiễn của mình. Nguyễn An Ninh không có một quãng đời nào như thế. Ông không giống một Phan Chu Trinh từ Pháp trở về nước, hay một Phan Bội Châu ở Bến Ngự, hay một Huỳnh Thúc Kháng sau khi báo *Tiếng Dân* phải đình bản. Cuộc đời Nguyễn An Ninh sôi sục hành động, năm lần vào tù và chết trong nhà ngục Côn Đảo!

- Vậy thì Nguyễn An Ninh đã là *lãnh tụ cách mạng* chưa? Cách gọi này hiểu theo nghĩa rộng nhất, chung nhất thì không sao, nhưng định nghĩa theo nội dung chặt chẽ gắn với thời đại của nhân vật lịch sử thì

cũng nên bàn thêm: Rõ ràng Nguyễn An Ninh đã từng đứng ra hô hào hàng vạn quần chúng thanh niên, vạch đường cho họ đi tìm lý tưởng. Ông đã truyền bá chủ nghĩa nhân văn châu Âu, dịch một chương trong *Khế ước xã hội* của J.J. Rousseau, công bố *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp và sau đó công bố *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* của Mác – Ăngghel để cổ vũ quần chúng đòi dân chủ, tự do dưới chính quyền thực dân Pháp. Với tính cách hoạt động như trên, có thể gọi Nguyễn An Ninh là *lãnh tụ kiên cường của một phong trào quần chúng dân chủ tự do* thì đúng hơn là một *lãnh tụ cách mạng* với ý nghĩa là người cầm đầu một cuộc vận động cách mạng hay cầm đầu một lực lượng quần chúng cách mạng.

Công bằng mà nói từ lúc vào đời cho đến cuối đời Nguyễn An Ninh tuy kiên cường đấu tranh cho những cải cách chính trị xã hội văn hóa dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp; nhưng ông chưa hề nêu ra một cương lĩnh từng bước tiến tới đánh đổ thực dân Pháp. Trong các ngôn luận của ông thuật ngữ "tiến hóa" (évolution) được dùng phổ biến hơn là thuật ngữ "cách mạng" (révolution), và chúng ta bắt gặp một tần số khá cao về sự ngại ngùng đối với cách mạng bạo lực của quần chúng.

Nguyễn An Ninh không giống như một Nguyễn Ái Quốc hay một Trần Phú, ngay từ đầu đã quyết đánh đổ thực dân và phong kiến, tìm mọi cách tập hợp những phần tử ưu tú cách mạng, thức tỉnh công nông, bám chắc cái gốc của cách mạng là công nông để phát động phong trào cách mạng.

- Tuy chưa thể nâng Nguyễn An Ninh lên tầm một lãnh tụ cách mạng như người nghiên cứu lịch sử cần thanh minh, *làm rõ một điều đánh giá không chính xác đối với ông:*

Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương do Trần Phú thảo tháng 10-1930 đã ghi: "Các đảng phái tiểu tư sản trong cuộc cách mạng (như bọn Quốc dân đảng, Nguyễn An Ninh) đều dính dáng với giai cấp địa chủ và tư bản bản xứ... Đến lúc cách mạng phát triển

lên cao... thì họ sẽ bỏ cách mạng và chạy về cải lương hợp tác với đế quốc chủ nghĩa". (Xem "Văn kiện lịch sử Đảng, Tập I – NXB Sự Thật 1977, tr. 73).

Nhưng với một cách nhìn rộng rãi hơn, "Chánh cương sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam" do Nguyễn Ái Quốc thảo tháng 2-1930 đã viết: "Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông (Thanh niên, Tân Việt, phái Nguyễn An Ninh v.v....) để kéo họ về phe vô sản giai cấp" (Như trên, tr. 19).

Sự thật lịch sử đã chứng minh tính cách của Nguyễn An Ninh không có gì giống với Quốc dân đảng. Trong toàn bộ cuộc đời hoạt động của Nguyễn An Ninh không có một dấu vết nào thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc. Ông luôn tán thành chủ nghĩa Mác, tự coi mình là *một người cộng sản độc lập*, một "communiste sans parti". Trong phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương 1936-1939, ông đề xướng chủ trương phát động phong trào Đông Dương Đại hội, và Đảng Cộng sản Đông Dương đã chấp nhận, biến nó thành một cuộc vận động to lớn trong toàn quốc.

Giữa dòng xoáy của cuộc vận động dân chủ 1936-1939 Nguyễn An Ninh đối đầu với phái Trốt kít giả danh cách mạng. Ông vạch mặt Tạ Thu Thâu đang gào thét chỉ cần đi với vô sản, không cần lập Mặt trận dân chủ. Ông viết: "Chủ nghĩa xã hội không hạn chế hoạt động cách mạng trong công tác tổ chức giai cấp vô sản. Nó có ý định đưa toàn thể xã hội vào nền kinh tế xã hội chủ nghĩa không có khủng hoảng, không có chiến tranh, làm cho xã hội giàu có, bảo đảm đời sống hạnh phúc cho mọi người. Chủ nghĩa xã hội cứu văn văn hóa, phẩm giá con người, giải thoát cho những quần chúng không phải vô sản thoát khỏi lý tưởng xã hội và chính trị hiện hành của giai cấp thống trị" (Xem Hà Huy Giáp, sách đã dẫn, tr. 68).

Tinh thần kiên định chủ nghĩa xã hội của Nguyễn An Ninh như trên còn sống mãi đến ngày nay!

3. Một vài gợi ý thêm trong quá trình nghiên cứu.

Nghiên cứu nhân vật lịch sử có thể coi là một loại đề tài khó nhất và cũng thú vị nhất trong toàn khung sử học. Người xưa nói "Cái quan nan định" nghĩa là đậy nắp quan tài rồi vẫn còn khó bàn định về giá trị của một con người lịch sử. Nếu không có đủ tư liệu và nhất là nếu không có một phương pháp luận khách quan khoa học, nếu dùng một cách nhìn biệt phái, hẹp hòi, phe cánh thì khó mà định luận về một con người đa diện, trong một hoàn cảnh lịch sử phức tạp như trường hợp Nguyễn An Ninh.

Mấy lời nghị luận của tôi trên đây chẳng qua là tham góp bước đầu, chưa dám chắc đã nắm hết các tư liệu phản biện; nên tôi cũng sẵn sàng tiếp thu những ý kiến phản biện chính xác hơn.

Trong quá trình nghiên cứu các nhân vật lịch sử, tôi thường gặp những lỗ thủng về sử liệu, mà tôi gọi là *"những ô trống Mendêleep trong sử học"*. Ở đây phải đặt ra những câu hỏi để tìm tòi thêm, bổ sung vào nhận thức hiện tại của người nghiên cứu. Trong chuyên đề tìm hiểu về Nguyễn An Ninh, tôi xin gợi ý các bạn trong giới nghiên cứu nên tìm tòi thêm một hội kín *Thanh niên Cao vọng* của ông Ninh: Hệ thống tổ chức của nó thế nào? Có chương trình, điều lệ ra sao? Vì sao ông Ninh không kiên trì phát triển tổ chức của mình mà lại giới thiệu người của mình cho Đảng cộng sản trong khi bản thân ông không tham gia Đảng cộng sản?

Cũng nên tìm tòi thêm về tư thế chính trị và thái độ, hành vi của Nguyễn An Ninh trong những năm cuối cùng sống ở nhà tù Côn Đảo (1939-1943), những cuộc tranh luận hay trao đổi của ông với các đồng chí cộng sản trong tổ chức ở nhà tù như thế nào. Theo tôi, đó là những "ô trống Mendêleep" cần được bổ sung để có một định luận đáng tin cậy hơn nữa về một con người rất đẹp, một lãnh tụ của phong trào quần chúng, một chiến sĩ kiên cường của cuộc đấu tranh cách mạng vì dân chủ tự do trong lịch sử Cách mạng Việt Nam.

Nguyễn An Ninh nhà trí thức yêu nước

Hải Ngọc THÁI NHÂN HÒA

Cách đây vừa tròn 100 năm, Nguyễn An Ninh, sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước. Thân sinh của ông là cụ Nguyễn An Khương, một nhà Nho, dạy chữ Hán, viết báo, sống thanh bạch, giản dị. Ông là bạn thân của Gilbert Trần Chánh Chiếu, mở khách sạn Chiêu Nam Lầu, vừa làm kinh tế cho phong trào Minh Tân, vừa là nơi đi lại của các nhà yêu nước đương thời...

Xâm lược, chống xâm lược

100 năm qua, lịch sử nước nhà có biết bao đổi thay, chuyển động lớn: từ Hiệp ước Nhâm Tuất – 1862 đến Hiệp ước Patenotre – 1884, nước ta mất, dân ta khổ. Thực dân Pháp chia nước ta ra làm 3 kỳ để cai trị, rêu rao *"khai hóa văn minh"* dưới chiêu bài *"Tự do-Bình đẳng-Bác ái!"*.

Ngay ở tuổi 15, 16, tuổi hoa niên đang cắp sách đến trường sơ trung học tại làng quê, Nguyễn An Ninh không chỉ quen thuộc với tiếng trống trường vọng vang đầu thôn, mà còn nghe râm ran câu chuyện về chiến công *Lửa hồng Nhựt Tảo* của Nguyễn Trung Trực năm xưa (10-12-1861), về cuộc khởi nghĩa của Trương Định rộng mạnh dưới ngọn cờ *"Bình Tây đại nguyên soái"* (1862-1864), về hào khí bất khuất của Thủ Khoa Huân ở Mỹ Tho, về tấm gương kiên trung của Thiên Hộ Dương ở Đồng Tháp v.v... Nhất là từ đầu thế kỷ này, phong trào Duy Tân của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh xuất hiện dưới vòm trời miền Trung (1904-1905) rồi kế đến phong trào

Đông Du (1905-1908) và Đông Kinh Nghĩa Thục (1908), Việt Nam Quang Phục hội (1912) của Phan Sào Nam (tức cụ Phan Bội Châu)... Chí sĩ Phan Chu Trinh biệt hiệu Tây Hồ đã cùng với cụ Phan Sào Nam mở rộng phong trào Duy tân , tuy có khác nhau về phương sách đấu tranh ("bạo lực" với "cải cách"), nhưng cùng một chí hướng "canh tân đất nước", giải phóng dân tộc, thoát khỏi ách nô lệ lầm than! Vào thời điểm này, phong trào kháng thuế nổ ra ở Trung kỳ năm 1908 và ngày càng lan rộng ra các tỉnh xa gần miền Trung của đất nước. Có thể nói, từ vùng đất mới hình thành địa bạ hành chính sau ngày Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam (1689), trên sông Tiền, sông Hậu, với sông nước Cửu Long không ngừng dậy sóng, hòa nhịp với khí thế đấu tranh của nhân dân Nam kỳ lục tỉnh, đến miền quê Trung bộ và cả miền Bắc bộ ruột thịt, lòng dân ta không ngừng ngơi nghỉ, luôn âm ỉ đấu tranh, bùng lên ngọn lửa cứu nguy dân tộc. Tất cả những hình ảnh thân quen ấy và biết bao kỷ niệm và sự kiện lịch sử – nhân vật lịch sử tiêu biểu dưới chế độ xã hội đương thời, ít nhiều thôi thúc chàng trai Gia Định - Nguyễn An Ninh có thêm nghị lực và trĩu nặng hành trang lên đường đấu tranh cho tự do, dân chủ của nhân dân.

Từ quê ngoại: Cần Giuộc – Long An đến quê nội Hóc Môn – Gia Định xưa, rồi du học phương Tây, Nguyễn An Ninh đã sớm ý thức về tình cảm nước nhà và chứng kiến những cuộc nổi dậy của nhân dân cả nước chống thực dân Pháp xâm lược.

Tại quê nhà, hai sự kiện tác động không ít đến tuổi trẻ Nguyễn An Ninh là cuộc nổi dậy do Nguyễn Hữu Trí cầm đầu, đánh phá Khám Lớn Sài Gòn (đêm 14, rạng 15/2/1916), và cuộc khởi nghĩa ở Huế (tháng 5/1916) dưới sự chỉ huy của Thái Phiên và Trần Cao Vân đều diễn ra trong năm 1916. Cả hai đều thất bại. Qua năm sau, nghĩa quân Thái Nguyên – Bắc kỳ dưới sự lãnh đạo của Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến, làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên trong 7 ngày của tháng 8/1917. Về sự kiện này, Ngô Đức Kế có câu thơ:

"Thành quách Nam, người Nam chủ lấy

Bảy ngày dai dẳng xếp ngàn thu"

(Thái Nguyên thất nhật quan phục lý - Huỳnh Thúc Kháng dịch)

Đọc câu thơ của Ngô Đức Kế, Nguyễn An Ninh suy nghĩ: Muốn hành động thành công, trước hết phải trang bị cho mình những kiến thức cần thiết. Nguyễn An Ninh từ giã gia đình ra Hà Nội học trường Cao đẳng về Luật, rồi sang Pháp học tiếp tại Đại học Sorbonne - Paris. Giữa tuổi 18, đôi mươi tràn đầy ước mơ và hoài bão lớn, Nguyễn An Ninh vốn tính hiếu học, nên càng giỏi tiếng Tây, viết thông đọc thạo chữ Pháp. Nguyễn An Ninh sớm hòa nhập vào tầng lớp trí thức Việt Nam đang có mặt ở Pháp, nhất là sau khi tốt nghiệp cử nhân Luật năm 1920. Nguyễn An Ninh kết thân với luật sư Phan Văn Trường (sang Pháp từ năm 1908) và càng quan tâm nghiên cứu chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lênin, trao đổi thời sự với Phan Chu Trinh, tiếp xúc với Nguyễn Ái Quốc (hơn Nguyễn An Ninh 10 tuổi). Từ đó, Nguyễn An Ninh ngày càng nhận rõ bản chất của cái gọi là "chính quốc văn minh" đối với "bản xứ lạc hậu".

Tìm phương giúp nước

Với kiến thức ngày một mở rộng, sống giữa trời Âu với thủ đô Paris tráng lệ, Nguyễn An Ninh càng lao vào con đường tìm phương giúp nước. Có những ngày ông đi vào xóm chợ, đến xí nghiệp, nhà máy gần xa; có ngày thâm nhập thực tế và dành nhiều giờ cho việc xem sách báo tiến bộ xuất bản ở Paris. Nguyễn An Ninh còn tìm đọc sách báo từ nước Đức - quê hương của Mác với *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* - 1848; sách báo từ Liên bang Xô Viết về *Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga* (7/11/1917) và Luận cương về Vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin (Luận cương của Lênin được đăng trên tạp chí *Quốc tế Cộng sản* số ra ngày 14/7/1920 và báo *Nhân Đạo* (L'Humanité) cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp đăng liền hai số ngày 16 và 17/7/1920). Nguyễn Ái Quốc viết bài "*Con đường dẫn tôi tới chủ nghĩa Lênin*" sau khi đọc Luận cương của Lênin và Nguyễn Ái Quốc sớm phác họa con đường cứu nước: "*Muốn cứu*

nước giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản", tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp lần thứ 18, tháng 12/1920[1].

Chính vì vậy, Nguyễn An Ninh không chỉ gắn bó với Phan Văn Trường, gặp gỡ bàn bạc với Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Trân, không chỉ trân trọng Phan Sào Nam và Phan Tây Hồ mà càng ngưỡng mộ, kính phục Nguyễn Ái Quốc từ những ngày ở Pháp.

Năm 1921, Nguyễn An Ninh đã tham gia hoạt động trong Hội Liên hiệp thuộc địa cùng với ông Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc (đại diện cho Đông Dương trong Hội Liên hiệp thuộc địa), nhằm góp phần truyền bá cho *nhân dân các thuộc địa Pháp ý thức được quyền lợi của mình, yêu cầu chính phủ Pháp cải tổ nền cai trị ở các thuộc địa, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống tinh thần và mức sống cho dân thuộc địa*"[2].

Sau những năm du học với bằng Cử nhân Luật tại Pháp, Nguyễn An Ninh về nước ngày 5/10/1922. Đây là lần đầu tiên Nguyễn An Ninh có dịp ra mắt công chúng ở quê nhà và diễn thuyết tại Hội khuyến học Nam kỳ vào đầu tháng 1/1923 về đề tài *Chung đúc nền học thức cho dân An Nam* (Une culture pour les Annamites) và lần thứ hai vào tháng 10/1923 với đề tài "*Lý tưởng của thanh niên Việt Nam*" (L'idéal de la jeunesse Annamite) tại số nhà 34 đường Aviateur Garros (tức đường Thủ Khoa Huân ngày nay). Đầu năm 1923, Nguyễn An Ninh thành lập Đảng Thanh niên Cao Vọng nhằm quy tụ đông đảo nông dân ở làng xã vào tổ chức đấu tranh cho mục tiêu "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" theo tinh thần của Cách mạng tư sản Pháp năm 1789.

Đi đôi với tổ chức, Nguyễn An Ninh xuất bản tập *Dân ước, Dân quyền, Dân đạo*, (dịch của J.J. Rousseau) nhằm truyền bá tư tưởng tiến bộ của tác giả: "*Người ta sinh ra tự do, mà ở xứ nào con người cũng bị đóng còng cả, sống trong xiềng xích... Nhà nước là một tổ chức cai trị theo "khế ước xã hội", vì thế nó phải phục tùng ý chí của*

toàn dân" (Paris, ngày 15/10/1923). Trong khi đó, tiếng vang của Nguyễn Ái Quốc về con đường giải phóng dân tộc ở nước nhà ngày càng sâu rộng từ sau Đại hội Tour tháng 12/1920.

Cuối năm 1923, Nguyễn An Ninh tiếp tục đi diễn thuyết nhưng bị nhà cầm quyền Pháp cấm đoán. Không có con đường nào khác, ông quyết định ra tờ báo tiếng Pháp lấy tên là *La Cloche Fêlée* (Tiếng Chuông Rè). Số đầu tiên ra ngày 10/12/1923 đến số 62 ngày 3/5/1926, vừa tròn 3 năm rưỡi. Tờ báo đề cập nhiều vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa và giáo dục. Về giáo dục, Nguyễn An Ninh vạch rõ: *"Toàn quyền Merlin đã ra một Nghị định hủy bỏ quyền tự do giảng dạy. Chính phủ nói là bảo hộ nhưng lại tước mất quyền đó của chúng tôi. Kết quả là hàng trăm ngàn người An Nam không biết đi học ở đâu vì không có trường"*. (La Cloche fêlée – 1925). Nguyễn An Ninh còn nêu lên vấn đề *"Tiếng mẹ đẻ, nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức"*. Ông viết: *"Những người hiểu biết vững một nền văn hóa dân tộc rồi mới có đủ khả năng thưởng thức một nền văn hóa ngoại bang. Từ bỏ văn hóa cha ông và tiếng mẹ đẻ, phải làm cho người An Nam lo lắng cho tương lai giống nòi"*. Ông còn vạch rõ: *Dân tộc Việt Nam là một dân tộc yêu tự do, đã từng có một nền văn hóa vào cái thời mà ở Pháp người ta còn sống tụ tập quanh những đầm nước.* Đặc biệt, Nguyễn An Ninh cho đăng toàn văn ***Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*** do Karl Marx và Fredrich Engels khởi thảo năm 1848 trên tờ báo của mình.

Không chỉ viết sách, viết báo, Nguyễn An Ninh còn tổ chức mít tinh ngày 24/3/1926 tại đường Lanzarotte (nay là đường Kỳ Đồng), phê phán chủ trương "Pháp-Việt đề huề" của Bùi Quang Chiêu. Ngay chiều hôm ấy, Nguyễn An Ninh bị bắt tại Sài Gòn. Ngày 7/1/1927, ông ra tù và trở về Hóc Môn quê nội, tiếp tục vận động nông dân vào Hội kín của ông. Tại đây, Nguyễn An Ninh viết vở tuồng *Hai Bà Trưng* để cổ xúy tinh thần yêu nước bất khuất của quần chúng nhân dân tham gia hội kín của ông. Hoạt động ngày càng rộng mạnh của

Thanh niên Cao Vọng làm cho thực dân Pháp căm tức, như cái gai trước mắt chúng. Ngày 1/10/1928, nhà cầm quyền Pháp đã ra lệnh truy nã Nguyễn An Ninh. Đầu năm 1929, ông bị bắt tại Bến Lức, giam tại Khám Lớn, Sài Gòn về tội "dính dấp với cộng sản". Ngày ra tòa, Nguyễn An Ninh kiên cường dũng cảm tuyên bố rằng: không có sức mạnh nào làm cho ông từ bỏ con đường đấu tranh cho tự do, dân chủ, xã hội, bình đẳng bác ái như Tuyên ngôn nhân quyền của nước Pháp.

Viết đến đây, tôi nhớ đến người bạn đời của Nguyễn An Ninh là bà Trương Thị Sáu, cùng quê ngoại với ông (Cần Giuộc, tỉnh Long An). Bà Nguyễn An Ninh giác ngộ cách mạng sớm, vừa đảm đang việc nhà vừa góp phần chung lo việc nước, chia xẻ ngọt bùi với ông Nguyễn An Ninh ngót 20 năm dài (ở Sài Gòn hoặc ở Paris và kể cả những năm ông ở Khám Lớn Sài Gòn, nhà tù Côn Đảo). Khó khăn vất vả không ít, nhưng cuộc sống của gia đình Nguyễn An Ninh thật hạnh phúc, 5 người con (3 trai 2 gái) đều học hành đỗ đạt.

Ngày 3/5/1926 tờ *La Cloche fêlée* đổi thành tờ *L'Annam* từ số 63 trở đi cho đến ngày 2/2/1928 mới bị đình bản. Sau ngày báo *L'Annam* của Phan Văn Trường bị đình bản từ số 182 (2/2/1928), Nguyễn An Ninh cùng đồng nghiệp của mình nhanh chóng xuất bản tờ báo *Đông Pháp* sau đổi thành tờ *Thần Chung*, nhằm khơi dậy lòng yêu nước trong thanh niên và giới trí thức. Tờ báo đã nêu lên những yêu sách chính đáng của người lao động trước hiện tình đất nước.

Với cao trào dân chủ

Sau mỗi lần ra tù, chí khí Nguyễn An Ninh càng vững vàng, lập trường càng kiên định. Ông sát cánh với Nguyễn Văn Tạo (một chiến sĩ cộng sản từng tham dự Đại hội lần thứ VI Quốc tế cộng sản ở Matxcơva) và các nhà cách mạng khác, ra tờ *La Lutte* (Tranh Đấu), ứng cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn để hoạt động với tư cách công khai hợp pháp.

Tháng 5/1936, Mặt trận Bình dân Pháp lên cầm quyền, chính phủ

liên minh cánh tả do Léon Blum làm Thủ tướng. Nguyễn An Ninh đưa ra ý kiến triệu tập Đại hội Đông Dương. Sáng kiến của ông được Trung ương Đảng tán thành, lúc này do đồng chí Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư (1936-1938). Nhận rõ tình hình thuận lợi đó, Nguyễn An Ninh đề xuất lập Mặt trận Bình dân, thực hiện quyền đấu tranh cho tự do, dân chủ của nhân dân lao động. Các ông Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Trân v.v... đang hoạt động ở Pháp đều nhất trí quan điểm của Nguyễn An Ninh và thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương. Mặt trận dân chủ Đông Dương quy tụ một số trí thức có mặt tại Pháp, đi vào hoạt động từ ngày 8/6/1936, giữa lúc phong trào dân chủ đang phát triển, thực dân Pháp bắt Nguyễn An Ninh vào ngày 27/09/1936, sau đó bắt Nguyễn Văn Tạo ngày 3/10/1936. Trong tù các ông Ninh, Tạo... đấu tranh quyết liệt, tuyệt thực, buộc chúng phải trả lại tự do.

Sau khi ra tù, các ông tiếp tục tham gia hoạt động. Báo *Dân Chúng*, cơ quan ngôn luận của Đảng ta ra mắt độc giả ngay tại Sài Gòn. Đầu năm 1837, Tổng trưởng thuộc địa cử Justin Godart sang Đông Dương thị sát tình hình và "giải quyết yêu sách cho người bản xứ". Nắm lấy thời cơ đó, Xứ ủy chủ trương huy động quần chúng nhân dân hưởng ứng đón Godart khi ông ta đặt chân đến Sài Gòn. Nguyễn An Ninh đã góp phần tích cực của mình trong những ngày đấu tranh trực diện với Godart. Tờ báo *Dân Chúng* tăng trang, diễn đàn khắp chốn, lao động và trí thức Sài Gòn xuống đường biểu dương lực lượng, biểu tình đòi Tổng trưởng thuộc địa giải quyết yêu sách chính đáng cho người dân thuộc địa. Giữa lúc cao trào đang lên mạnh, Nguyễn An Ninh lại bị địch bắt vào ngày 5/9/1937 và cho đến ngày 18/2/1939 ông mới ra tù lần thứ tư. Ngay sau khi ra tù, Nguyễn An Ninh tìm cách liên lạc với đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Đảng chủ trương đưa Nguyễn An Ninh tham gia Hội đồng Quản hạt Nam kỳ và thông qua ứng cử có cả Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai, Võ Công Tồn... Riêng Nguyễn An Ninh, nhà cầm quyền Pháp cho rằng ông là người mới ở tù ra, không được ứng cử. Khi chính phủ Pháp phê chuẩn thì cuộc bầu cử

Hội đồng quản hạt đã xong. Nguyễn An Ninh tuy không phải Đảng viên, nhưng được Đảng giao nhiệm vụ cùng bà Nguyễn Thị Lựu (Xứ ủy Nam kỳ) trực tiếp tham gia phong trào chung và có chân trong cơ quan báo *Dân Chúng* của Đảng. Đối với nhóm Trốtxkít, Nguyễn An Ninh đã mềm dẻo hợp tác với họ trong sự nghiệp chung, nhưng khi thấy có biểu hiện lệch lạc, ảnh hưởng đến phong trào dân chủ, ông đã phê phán thẳng thắn những quan điểm của Tạ Thu Thâu là có hại cho phong trào, cho cách mạng. Trước những hoạt động sôi nổi của Nguyễn An Ninh, thực dân Pháp đánh giá ông là một nhân vật rất nguy hiểm cho chế độ thuộc địa. Vì vậy, ngày 4/10/1939, Nguyễn An Ninh bị bắt lần thứ năm, cũng là lần cuối cùng của ông trong cuộc đời hoạt động chính trị. Tòa án binh Sài Gòn kết án 5 năm tù giam, 10 năm biệt xứ và đày ông ra Côn Đảo.

Gần 4 năm dài, bị kẻ thù giam cầm, tra tấn dã man, ăn uống kham khổ, thiếu thốn mọi bề trong địa ngục trần gian Côn Đảo, sức khỏe của ông ngày càng yếu dần và ông trút hơi thở cuối cùng vào ngày 4/8/1943 tại nhà tù Côn Đảo. Giờ đây, mộ phần của nhà trí thức yêu nước Nguyễn An Ninh nép mình dưới Hàng Dương Côn Đảo, nơi bốn bề sóng vỗ và lộng gió ngàn phương!

Hơn 20 năm hoạt động (1922-1943), chiếm nửa đời người (1900-1943) ở độ tuổi trung niên dồi dào niềm tin và sức sống, nhiệt tình yêu nước như Nguyễn An Ninh là quá hiếm. Ông đã nêu cao phẩm chất trong sáng của một nhà trí thức ở Nam kỳ lục tỉnh ở nửa đầu thế kỷ XX. Đúng như nhận xét của đồng chí Nguyễn Văn Linh (Cố Tổng Bí thư Đảng): "*Nguyễn An Ninh nhà yêu nước vĩ đại, một trí thức tầm cỡ, nếu chịu khuất phục bọn đế quốc chắc chắn ông sẽ giàu có và sống vương giả. Nhưng vì yêu nước thương dân, ông đã đi vào quần chúng lao khổ, vận động họ chống lại đế quốc và tay sai... Là một trí thức, thế mà ông lại đi bộ bán dầu cù là ở các bến xe, các phố phường Sài Gòn với ý định cổ động đồng bào chống lại bọn đã làm khổ mình*"[3]. Thủ tướng Phạm Văn Đồng lúc sinh thời, đã khẳng định: "*Nguyễn An*

Ninh là một nhà yêu nước, một chiến sĩ kiên cường, kiên quyết đấu tranh vì Tổ quốc và dân tộc cho đến hơi thở cuối cùng"[4].

Là một nhà trí thức, trí thức yêu nước - Nguyễn An Ninh còn có khả năng tiếp xúc, kết thân, làm bạn với trí thức trong Đảng hay chưa vào Đảng, kể cả người nước ngoài như Marcel Cachin (phụ trách tờ *L'Humanité* của Đảng Xã hội Pháp). GS. Trần Văn Giàu (nguyên Bí thư Xứ ủy Nam kỳ) thường nói chuyện với mấy anh em trong giới sử học thành phố: *Nguyễn An Ninh chưa hề là đảng viên cộng sản vậy mà ít ra từ những năm 1929-1930 anh đã như là một người Mát-xít – Lê-nin-nít hoạt động trong quần chúng trên lĩnh vực tư tưởng. Trong đấu tranh chính trị, anh Ninh tỏ ra là một nhà lý luận theo sát đường lối của Đảng, sát với chủ nghĩa Mác-Lênin. Đặc biệt anh Ninh nhất trí với đồng chí Hà Huy Tập và gần gũi những người cộng sản, điều đó đáng quý!... Chí sĩ Nguyễn An Ninh là một người cách mạng, xứng đáng được lưu danh bằng bia đá tượng đồng*"[5].

Đồng chí Hà Huy Giáp (nguyên Xứ ủy viên Xứ ủy Nam kỳ) đã viết: "*Cả cuộc đời của anh Ninh là cuộc đời đầy hy sinh, gian khổ, bị tù đày năm lần cho đến chết trong địa ngục Côn Đảo, hy sinh cho sự nghiệp giải phóng đất nước, giải phóng con người... Nhân dân Nam bộ coi anh như một lãnh tụ cách mạng, hơn nữa họ sùng bái anh như một thần tượng*"[6]. Đặc biệt, Nguyễn An Ninh còn sớm ý thức giá trị đích thực của nền văn hóa dân tộc. Ông viết: "*Vững nền văn hóa dân tộc mới có đủ khả năng thưởng thức một nền văn hóa ngoại bang*". Nhận thức cơ bản đó cách nay hơn nửa thế kỷ vẫn mang tính thời sự thực tiễn sinh động. Từ Hội nghị quốc tế sử học lần thứ XIX ở Oslo – Na Uy (6-13/8/2000) và Hội thảo *Việt Nam trong thế kỷ XX* tại Hà Nội (18-21/9/2000), các nhà khoa học nước ngoài đều quan tâm đến vấn đề này và đánh giá cao nền văn hóa Việt Nam. Các nhà khoa học Nga, Nhật, Bungari, Mỹ, Ấn Độ, Lào, v.v... đều khẳng định: *Văn hóa dân tộc là nền tảng tư tưởng xã hội, kinh tế xã hội xây dựng trên cơ sở đó. Sức mạnh của nó sẽ trở thành lực lượng vật chất khi thâm nhập*

sâu vào đời sống xã hội. Kinh tế xã hội có thể khủng hoảng và có thể sụp đổ, văn hóa dân tộc luôn luôn đứng vững. Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng nền văn hóa dân tộc mình, cội nguồn từ nền Văn hóa Văn Lang cách đây hàng nghìn năm lịch sử cho đến ngày nay. Các bạn đã khẳng định: "Xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc" là hoàn toàn đúng đắn, vững chắc đưa sự nghiệp đổi mới của đất nước các bạn bước vào thiên niên kỷ mới và sớm trở thành "siêu cường" trong thời gian tới[7].

(1) (2) Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II tại TP. Hồ Chí Minh và Thư viện Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

(3) (4) *Nguyễn An Ninh*, NXB Trẻ, 1996, tr. 31.

(5) *Báo Nhân Dân* ngày 18/8/1993.

(6) *Sự tiến hóa liên tục của Nguyễn An Ninh*, NXB Chính trị Quốc gia, 1988.

(7) Kỷ yếu Hội nghị quốc tế sử học thứ XIX tại Oslo – Na Uy, tháng 8/2000 và Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam trong thế kỷ XX, tại Hà Nội tháng 9/2000.

Dấu ấn Nguyễn An Ninh trong làng báo

NGUYỄN MẪN

Từ đầu năm 1924, người dân Sài Gòn không ngớt bàn tán về Nguyễn An Ninh. Mọi người khâm phục chàng thanh niên 24 tuổi, không màng sang giàu, không hợp tác với nhà cầm quyền thuộc địa. Đỗ cử nhân luật tại trường Sorbonne Pháp, mùa thu năm trước, Nguyễn An Ninh trở về Sài Gòn diễn thuyết, làm báo khơi dậy ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước của dân chúng, nhất là giới thanh niên. Anh chạy vạy lập nhà in tại số 29 đường Pierre Flandin (nay là đường Bà Huyện Thanh Quan – Đây cũng là tòa soạn tờ tuần báo *La Cloche Fêlée* (Chuông Rè), số đầu tiên xuất bản ngày 10-12-1923.)

1. Hình thức đấu tranh mới:

Trước đó, tại trụ sở Hội Khuyến học, Nguyễn An Ninh diễn thuyết về một đề tài quan trọng "Cao vọng của thanh niên An Nam" hô hào tự do, người bản xứ được quyền dân chủ, đòi dân quyền.

Từ lúc Nguyễn An Ninh xuất bản tờ *La Cloche Fêlée* đối lập với chính quyền thực dân dũng cảm như thế, giới trí thức và thanh niên rất ngưỡng mộ nhà báo "tóc bombé, mắt xếch rất sắc, miệng rộng cười nói có duyên..."[1]

Hàng tuần, báo in xong, ông ôm xuống đường bán dạo nhằm vận động thức tỉnh giới trẻ, khuấy động dư luận. Người ta bàn tán về những bài báo nói về tự do, dân chủ hay công kích nhà cầm quyền trên tờ *La Cloche Fêlée* của Nguyễn An Ninh. Như bài "Sự bảo vệ

quyền lợi của đồng bào", những tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do lao động, tự do hội họp những điều còn quá mới mẻ lúc ấy. (số 8, 28-1-1924). Tờ báo phê phán "Những cuộc Hội nghị của Hội đồng quản hạt Nam kỳ" (số ra mắt) thực chất chỉ chăm lo quyền lợi cho thực dân Pháp hay nhóm tư sản Việt hơn là quyền lợi đồng bào. Càng ngày, Nguyễn An Ninh càng công kích mạnh nhà cầm quyền, thậm chí chỉ trích ngay Thống đốc Nam kỳ "Những thành tích phi thường của bác sĩ Cognacq" (số 15, ngày 19-5-1924).

Tờ báo phát hành được 19 số, Nguyễn An Ninh thông báo tự đình bản. Trong lời tòa soạn đăng trên số báo ra ngày 14-7-1924 này ông tố cáo hiện trạng mấy tờ báo ca tụng chính sách Pháp Việt đề huề được nhà cầm quyền hay tài phiệt trợ cấp tiền bạc "Bổn báo chủ nhiệm không phải là nhà triệu phú, cũng *không được tài trợ* (...) Chính phủ thuộc địa đã gây áp lực, hăm dọa chủ nhà in. Vì vậy chúng tôi *buộc lòng phải sắm nhà in riêng*. Ngoài ra báo chúng tôi không được nhà *đương cục xuất tiền* mỗi kỳ mua một mớ, như trường hợp vài tờ báo khác". (..)

Chủ nhiệm Nguyễn An Ninh tâm sự với người đọc từ số ra mắt "Chúng tôi chỉ có trí óc và bầu nhiệt huyết để phụng sự đất nước, (...) Nỗi khó khăn lớn lao nhất (với tờ *La Cloche Fêlée*. NM) vẫn là vốn liếng ít ỏi, nói như thế chúng tôi không có gì là xấu hổ cả." Bốn tháng sau khi tờ *La Cloche Fêlée* đình bản (11-1924) Nguyễn An Ninh sang Pháp đón chí sĩ Phan Chu Trinh về nước tiếp tục hoạt động chống nhà cầm quyền thuộc địa.

Về đến Sài Gòn cuối tháng năm 1925, Nguyễn An Ninh đưa cụ Phan về nhà mình ở Trung Chánh, xã Mỹ Hòa, Hóc Môn. Được tin chí sĩ Phan Chu Trinh về nước, nhiều người đã tìm đến. Bà Nguyễn An Ninh nhớ lại "Cụ Phan, anh Ninh và cha chồng tôi (cụ Nguyễn An Khương) thay phiên nhau tiếp khách. Có nhiều khi trong nhà chậtních người, sôi nổi bàn luận tranh cãi. Khi sức khỏe cụ Phan khá hơn, anh Ninh đưa cụ về Sài Gòn ở nhà ông Huỳnh Đình Điển tại đường

Pellerin (nay là Pasteur) vào tháng tám năm ấy".[2] Trước đây, tham gia phong trào Minh Tân của ông Trần Chánh Chiếu hồi đầu thế kỷ, năm 1907 cụ Nguyễn An Khương mở Chiêu Nam Lầu ở đường Nguyễn Huệ Sài Gòn, còn cụ Huỳnh Đình Điển là chủ nhân Minh Tân khách sạn Mỹ Tho.

Thời gian này, Nguyễn An Ninh gặp luật sư Phan Văn Trường tại Sài Gòn. Một cử nhân, một tiến sĩ luật khoa chung tay góp sức tục bản tờ *La Cloche Fêlée* làm vũ khí đấu tranh chống thực dân Pháp.

Giáo sư Trần Văn Giàu, người thanh niên chứng nhân của thời kỳ này nhận định: "*Từ Pháp, Nguyễn An Ninh đem về hai hình thức cổ động mới đối với Sài Gòn, với cả Đông Dương: làm báo đối lập với chính phủ thực dân và diễn thuyết trước đông đảo công chúng*".(3)

Tưởng cũng nên nhắc đến chi tiết "tủ sách có một không hai, toàn là sách cách mạng" của ông Ninh. Chính điều này giúp chúng ta hiểu rõ hơn những chuyển biến hoạt động đấu tranh của chí sĩ yêu nước Nguyễn An Ninh.

"Tủ sách có đến mấy ngàn cuốn. Mấy lần đi Tây* anh Ninh mang về rất nhiều sách, thỉnh thoảng lại nhờ anh em thủy thủ đem về thêm."

Theo lời bà Nguyễn An Ninh, có được tủ sách cách mạng là nhờ "anh Ninh có người em rể là com-mi sở đoan (Hải quan), sách nào bị cấm, thì cứ để tên dượng ấy không bị khám xét." Nhờ vậy, "có khi anh em hoạt động liên lạc ở lại vài ba hôm để đọc sách".[4]

2. Làm báo với Luật sư Phan Văn Trường

Luật sư Phan Văn Trường rời Pháp về nước cuối năm 1923. Khoảng tháng Ba 1925, ông mở văn phòng luật sư tham vấn tại số 119, đường Mac Mahon (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa). Nhưng "hoạt động sôi nổi nhất và cũng thành công nhất của Phan Văn Trường là trên trường báo chí".[5] Sau khi gặp lại Nguyễn An Ninh (nhỏ hơn ông 22 tuổi) tại Sài Gòn, Phan Văn Trường là chủ nhiệm mới của tờ *La Cloche Fêlée*. Nguyễn An Ninh tiếp tục viết cho báo, phê phán chế độ thực dân Pháp mạnh mẽ hơn. Tòa soạn dời về số 273, đường Espagne (nay là

Lê Thánh Tôn). Tờ La Cloche Fêlée tục bản ngày 26-11-1925, mỗi tuần hai lần vào thứ hai và thứ năm. Báo ra lại mấy ngày sau khi cả nước xôn xao vì Hội đồng đề hình Hà Nội vừa kết án khổ sai chung thân chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu.

Trên trang nhất tờ báo, Phan Văn Trường - Nguyễn An Ninh yêu cầu nhà cầm quyền Pháp trả tự do cho cụ Phan: "Phan Bội Châu có nỗi bất hạnh là quá yêu Tổ quốc của mình, ông công khai hoạt động cho đất nước và đồng bào của ông trong phạm vi khả năng của mình, chấp nhận hiểm nguy đối với sinh mạng mình (...) Theo ý chúng tôi Phan Bội Châu không có tội gì. Sự vô tội có cần đến ân xá chăng?" (số 30, ngày 31-12-1925).

Năm 1926, năm có những biến động chính trị tại Sài Gòn, Nguyễn An Ninh nhận xét "ngọn lửa tranh đấu dày công nhen nhúm mới bắt đầu cháy bùng". Cuối tháng ba đầu tháng tư năm ấy không khí chính trị sôi động qua những sự kiện:

1/- Lệnh trục xuất ký giả Trương Cao Động ** khiến các nhà báo Nguyễn An Ninh, E. Dejean de la Bâtie (*La Cloche Fêlée*), Lâm Hiệp Châu (*Le Jeune An nam*), Trần Huy Liệu (*Đông Pháp thời báo*), Cao Văn Chánh (*Tân Thế kỷ*) quyết định tổ chức mít tinh và diễn thuyết phản đối quyết định độc đoán của Thống đốc Cognacq . Buổi mít tinh được cổ động trên báo La Cloche Fêlée, trên truyền đơn phân phát cho người dân Sài Gòn.

"Từ 70 năm qua, chúng ta sống dưới ách nô lệ... Từ 70 năm, bao nhiêu nhà yêu nước của dân tộc đã bị tù đày, ngược đãi (...)

"(...) Ớ đồng bào! Ớ đồng bào! Gục đầu mãi mà làm trâu ngựa hay sao? Ai đâu là người biết thương, biết giận, biết tức, còn giữ một chút đứng đắn làm người.

Xin ngày chúa nhựt 21 mars này đây, tám giờ sáng mai, đến tại miếng đất của bà đốc phủ Nguyễn Tấn Tài, đường Lanzarotte (Xóm Lách). Chỗ đãi tiệc tiễn chơn ông Monin hôm trước."

Khoảng 3.000 người tham dự mít tinh thông qua bản nghị quyết

phản đối việc trục xuất các nhà báo và khẩn thiết đòi chính phủ Pháp ở Đông Dương phải tôn trọng:

1. Tự do báo chí viết bằng tiếng bản xứ.

2. Bỏ câu thúc thân thể về dân sự và thương sự.

3. Tự do học tập, hội họp và tự do đi lại(5).

2/- Nhà cầm quyền Pháp không dám bắt diễn giả Nguyễn An Ninh tại cuộc mít tinh Xóm Lách vì đông đảo quần chúng. Bà Nguyễn Tấn Tài là dì ruột ông. Mấy ngày sau (24-3) họ đã "bắt nguội" Nguyễn An Ninh tại nhà ở Hóc Môn.

3/- Sau thời gian bệnh nặng, chí sĩ Phan Chu Trinh qua đời lúc 21 g 30 đêm 24-3-1926 ấy.

"Đám tang cụ Phan Chu Trinh (4-4-1926) đã gây ảnh hưởng rất lớn, rất rộng cho phong trào yêu nước và dân chủ hồi ấy". Về sau trong *Hồi ký*, ông chủ bút *Đông Pháp thời báo* Trần Huy Liệu đánh giá "Đây là độ cao nhất của phong trào".

Chính giữa lúc những cuộc đình công, biểu tình đòi thả Nguyễn An Ninh cuối tháng tư, Tòa kết án ông 18 tháng tù vì tội "mưu mô bạo động và xúi giục dân chúng khởi loạn." Bên ngoài, chủ nhiệm Phan Văn Trường đăng trên báo toàn văn bản tiếng Pháp *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (từ 29-3 đến 26-4-1926). Rõ ràng Phan Văn Trường, "người chịu ảnh hưởng khá đậm của Cách mạng tháng Mười Nga" đã phổ biến công khai, truyền bá chủ nghĩa Mác.

Từ số 63 ra ngày 6-5-1926, báo đổi tên *L'Annam*, tiếp tục đường lối táo bạo, biết vận dụng kẽ hở trong luật báo chí thời thuộc địa đăng nhiều bài báo kích thích mạnh mẽ tinh thần yêu nước của đông đảo thanh niên thời đó. Theo giáo sư Trần Văn Giàu, một bài báo "động trời" đăng trên tờ *L'Annam* ra ngày 9-6-1927 "Đông Dương hiện giờ chưa có cộng sản mà sở dĩ như vậy là vì chưa có ai tuyên truyền cộng sản, chớ dân chúng thì sẵn sàng hoan nghênh cộng sản". Nguyễn An Ninh cũng khai thác khả năng công khai hợp pháp để tập hợp lực lượng tranh đấu đòi tự do dân chủ "Tự do là cái mà ta phải giành lấy

mới được. Không ai đem bán tự do cho ta đâu. Mà, để giành tự do tự tay của một thế lực có tổ chức, ta phải đối đầu với nó bằng một sức mạnh có tổ chức của ta" (LCF số 21, ngày 30-11-1925).

Như vậy, những tờ báo công khai *La Cloche Fêlée* và *L'Annam* nổi tiếng "đúng là những tờ báo tiên phong, những ngôi sao sáng của lịch sử báo chí Sài Gòn"(6). Với hai chủ nhiệm Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường.

3/- Lời bạt

Mọi giới đồng bào khâm phục Nguyễn An Ninh bao nhiêu, thì ngược lại thực dân Pháp xem ông là "phần tử nguy hiểm", mạnh tay đàn áp khủng bố tìm cách bắt bớ giam cầm. Ngày 2 tháng 2-1928, tờ *L'Annam* đình bản hẳn. Cuối tháng 3-1928, Phan Văn Trường ra Tòa thượng thẩm Sài Gòn về tội "xúi kích làm phản, kêu dân Việt Nam nổi loạn". Nguyễn An Ninh ngồi tù khám lớn Sài Gòn lần thứ hai, 3 năm tù giam (1928-1931). Dù bị đàn áp, bị ba lần tù đày sau nữa cho đến khi mất tại Côn Đảo ngày 14-8-1943, Nguyễn An Ninh chưa bao giờ buông lơi lý tưởng đấu tranh cho tự do dân tộc. Ông lại cùng Nguyễn Văn Tạo viết cho báo *Trung Lập, La Lutte*, lập hội kín, đề xuất *Đông Dương đại hội* để lập bản dân nguyện - Nguyện vọng của người dân Việt Nam sau bao năm dưới chế độ thuộc địa.

Thật sự, hai chí sĩ yêu nước "hoạt động sôi nổi nhất và cũng thành công nhất là hoạt động trên trường báo chí". Nguyễn An Ninh đã làm nhà cầm quyền Pháp lúng túng trước sức mạnh của tờ báo đối lập, hoảng sợ trước những lời diễn thuyết hùng hồn tập họp đông đảo quần chúng đấu tranh cho tự do, cho dân chủ. Nơi nghĩa trang Hàng Dương còn đó những vòng hoa tưởng niệm Nguyễn An Ninh, người để lại dấu ấn sâu đậm trong làng báo.

Chú thích:

* Đi du học Pháp (1918 và 1923), đón cụ Phan Chu Trinh (1925) và đón ông Nguyễn Thế Truyền (1927).

** Ông Phan Văn Trường có viết cho tờ *L'Indochine*. Năm 1925.

luật sư Paul Monin và nhà văn trẻ André Malraux xuất bản tờ *L'Indochine*, đứng về phía những người bị áp bức và chống lại chế độ thuộc địa. Tòa soạn ở số 39, đường Mac Mahon. Báo ra được 49 số bị đóng cửa (17-6 đến 14-8-1925). Hai ông lập tờ báo mới *L'Indochine enchaînée* (tháng 11-1925) được 23 số lại bị đình bản (tháng 2-1926). Báo chết, luật sư P. Monin, nhà văn A. Malraux bị trục xuất về Pháp, ký giả Trương Cao Động bị buộc trở về nguyên quán Đà Nẵng.

Tham khảo:

(1) (3) (6) GS Trần Văn Giàu chủ biên, *Địa chí Văn hóa TP Hồ Chí Minh*, tập I, II, Nxb TP.HCM.

(2) (4) Bà Nguyễn An Ninh, *Cùng anh đi suốt cuộc đời*, NXB Trẻ TP.HCM.

(5) GS Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng, *Luật sư Phan Văn Trường*, NXB TP.HCM.

Nguyễn An Ninh với báo La Cloche Fêlée

NGUYỄN THỊ MINH

Ba tôi mất đã gần sáu mươi năm, thời gian quá dài với một đời người, nhưng quá ngắn với lịch sử một dân tộc. Trong sáu mươi năm đó có hơn ba mươi năm chiến tranh. Vì vậy việc đánh giá đầy đủ một nhân vật lịch sử như Nguyễn An Ninh không đơn giản khi mà cả thời kỳ hoạt động của ba tôi là sự đương đầu với một bộ máy cai trị khổng lồ, đòi hỏi sự dũng cảm và cả mưu lược để vượt qua màn lưới mật thám dày đặc, từng bước đi đều bị theo dõi, từng việc làm đều bị rình rập, ngục tù luôn ở trước mắt. Vì vậy mà có nhiều việc ba tôi đã chủ động đối phó, đánh lạc hướng mật thám.

15-9-2000, là kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ba tôi. Tôi xin kể lại một việc làm của ba tôi trên tờ báo *La Cloche Fêlée* để đối phó và đánh lạc hướng mật thám trước lần ở tù thứ nhất của ba tôi vào năm 1926, trong giai đoạn cuối của tờ *La Cloche Fêlée*.

Giai đoạn này là thời gian má tôi mới về làm dâu, nên má tôi chỉ lo toan việc nhà, phụng dưỡng ông nội tôi, chăm lo vườn tược và trà nước khi có khách. Bao nhiêu việc đó đối với má tôi cũng đủ mệt nhoài.

Từ ngày ba tôi sang Pháp đón cụ Phan Châu Trinh về nước năm 1925, rồi đưa cụ Phan lên ở Hóc Môn tại nhà ba tôi để má tôi chăm sóc cụ, thì công việc của má tôi phải luôn tay luôn chân từ mờ sáng đến tối mịt.

Vậy mà đêm má tôi cũng không ngủ được vì ba tôi đêm nào cũng

thức tới sáng để viết báo và tính toán gì đó. Sáng ra má tôi thấy ba tôi gom giấy nháp lại đốt. Mỗi đêm ba tôi chỉ ngả lưng một chút rồi lại chồm dậy.

Má tôi kể những đêm ba tôi không ngủ đó, chính là lúc suy nghĩ tính toán để làm sao đưa được *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Mác Ăng-ghen lên báo *La Cloche Fêlée* mà không bị thực dân buộc tội. Khó khăn là ở chỗ làm sao đăng được một tuyên ngôn dài như vậy lên báo trót lọt, chớ đăng được một vài đoạn rồi báo bị tịch thu, bị đóng cửa thì không đạt yêu cầu mà còn làm ảnh hưởng tai hại tới hoạt động của tờ báo.

Sau bao đêm trằn trọc, ba tôi mới nghĩ ra cách đối phó là giới thiệu trước "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền" của chế độ cộng hòa Pháp như giới thiệu một học thuyết cho độc giả tham khảo, rồi sau đó mới giới thiệu "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản". Nếu mật thám có bắt bẻ là ba tôi tuyên truyền cho cộng sản thì ba tôi cũng có lý lẽ trả lời, báo chỉ nhằm giới thiệu hai tuyên ngôn để cho độc giả nghiên cứu so sánh cái hay cái dở mà thôi. Vì vậy mà ba tôi đã viết lời giới thiệu như sau:

"Từ lâu nay trong nước An-nam của chúng ta, người ta thường nói đến chủ nghĩa cộng sản, và ở đây cũng như mọi nơi khác, có nhiều người nói đến nó mà vẫn không biết chủ nghĩa cộng sản một chút nào. Trong những trường hợp như vậy, chúng tôi cho rằng bổ ích là nên tái bản cho độc giả của chúng tôi bản Tuyên ngôn Cộng sản nổi tiếng của Các Mác và Ăng-ghen nhằm giúp những ai trong số độc giả chưa nghiên cứu học thuyết này có được một suy nghĩ tổng quát đúng đắn. Dù ai đó tán thành hay phản đối một học thuyết thì cũng nên tìm hiểu ít nhất những nguyên lý của nó để có thể đánh giá được giá trị đích thực của nó".

Nhưng *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* quá ngắn mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* lại quá dài. Đề phòng báo đăng dứt *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* thì chúng nó bắt phải dứt luôn *Tuyên*

ngôn của Đảng Cộng sản, ba tôi cho đăng kéo dài *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* làm 27 kỳ, từ số báo 42 đến số báo 68, mỗi kỳ chỉ 13-14 dòng với cỡ chữ to nhất. Còn *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cho đăng trong 8 kỳ, từ số báo 53 đến số báo 60. Như vậy thời gian đăng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ở giữa thời gian đăng *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*.

Còn một khó khăn nữa là *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có 4 chương với độ dài gấp năm lần *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*, mà phải đăng nhanh trong 8 kỳ báo, nên phải in chữ nhỏ nhất, do đó khó cho độc giả tra cứu. Ba tôi nghiên cứu nội dung *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chia thành 78 đoạn nhỏ có đánh số thứ tự để độc giả khi cần tra cứu không phải tra cứu lâu, cắt ở báo ra có thể bỏ túi được.

Năm 1926, ở Việt Nam chưa có Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản là một tổ chức chính trị bị cấm ở xứ thuộc địa này. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vào những năm đó là hàng quốc cấm. Đến năm 1930, khi nước ta đã có Đảng Cộng sản, Đảng vẫn hoạt động bí mật. Mãi đến năm 1932 mới có hai người cộng sản hoạt động công khai ở Sài Gòn, đó là Nguyễn Văn Tạo và Dương Bạch Mai đều là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp.

Ba tôi còn dự định trước ngày 29-3-1926 là ngày đăng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* một vài hôm, ba tôi sẽ tổ chức một buổi diễn thuyết với những lời lẽ nảy lửa, lên án toàn quyền mới là Varenne đã bắt cóc cụ Phan Bội Châu ở Thượng Hải đưa về Hà Nội xét xử. Buổi diễn thuyết đó sẽ thu hút dư luận báo chí cả tuần lễ, và bọn mật thám cũng chăm chú vào đó mà mất cảnh giác việc theo dõi báo *La Cloche Fêlée*. Nhưng bọn chúng đã bắt ba tôi vào ngày 24-3-1926, trước khi đăng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* năm ngày.

Việc đăng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, ba tôi đã bàn trước với hai người: ông Phan Văn Trường là người ba tôi nhờ đứng tên chủ nhiệm báo và bác Tư Vân là người rất tin cậy của ba tôi chuyên lo tổ chức in ấn phát hành. Còn Dejean de la Bâtie, người ba tôi nhờ đứng

tên quản lý tờ báo, là người lúc đó bị đảng Lập Hiến mua chuộc, hoàn toàn không hay biết trước. Vì vậy khi ba tôi bị bắt, kế hoạch đăng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do ba tôi thảo ra không có gì cản trở, mà vẫn được thực hiện đúng như đã chuẩn bị chu đáo từ trước.

Nhờ có tính toán nhiều bề, chuẩn bị công phu, có bài bản nên số báo 52 đăng tin Nguyễn An Ninh bị bắt thì ngay số báo 53 *La Cloche Fêlée* đã đăng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Bạn bè của ba tôi thời đó đều không lạ gì sự kiện "La Cloche Fêlée" đăng toàn văn *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là do sự xếp đặt có tính toán, có kinh nghiệm làm báo của Nguyễn An Ninh và có sự đồng tâm nhất trí giữa Nguyễn An Ninh với Phan Văn Trường.

Từ ngày ba tôi bị bắt đến lúc ra tòa tiểu hình rồi tòa đại hình, suốt hơn hai tháng đó, cả Sài Gòn náo động vì hai sự kiện: đám tang cụ Phan Chu Trinh và phong trào đòi thả Nguyễn An Ninh. Hai sự kiện này thu hút dư luận báo chí và làm mất ăn mất ngủ cả lũ mật thám, chúng chẳng còn hơi sức đâu mà quan tâm xem tờ *La Cloche Fêlée* đăng cái gì.

Nguyễn An Ninh trên báo "Việt Nam Hồn"

HỒ SONG

Việt Nam Hồn là một tờ báo của người Việt Nam xuất bản tại Pháp. Ở nhan đề, dưới tên báo *Việt Nam Hồn* bằng chữ Việt là tên báo bằng chữ Hán.

Cùng một dòng với tên chữ Hán, ở bên trái ghi: "Tự do diễn đàn của Học sinh và Lao động Việt Nam", ở bên phải cũng với nội dung ấy lại ghi bằng chữ Pháp. Ở góc trái của nhan đề ghi rõ: Báo xuất bản mỗi tháng một kỳ bằng chữ Việt, chữ Pháp và chữ Hán; Tòa Quản lý: 7 Rue Galleron Paris (20è); giá đồng niên: 6 quan ở góc phải, cũng với nội dung như trên, ghi bằng chữ Pháp. Trên mặt báo không thấy ghi tên Chủ nhiệm, Chủ bút hay Thư ký Tòa soạn. Chỉ biết ở Tờ quảng cáo, dưới lời rao: món quà năm mới, có báo tin bằng chữ Pháp: *Việt Nam Hồn* sẽ phát hành vào ngày 1-1-1926, và ghi bằng chữ Pháp: "mọi chi tiết, hỏi ông Nguyễn Thế Truyền, 6 đường St Louis - en - l'île, Paris (4è)".

Theo Daniel Hémery, ý kiến xuất bản báo *Việt Nam Hồn* có thể là do nhóm người Việt trong "Hội Liên hiệp thuộc địa" ("Union intercoloniale") đề xuất, hay chính xác hơn là do Nguyễn Ái Quốc (lúc bấy giờ Người đã ở Quảng Châu - TQ) và Nguyễn Thế Truyền là người chịu trách nhiệm xúc tiến, điều hành công việc. Cũng theo Daniel Hémery, báo *Việt Nam Hồn* lưu hành công khai, hợp pháp từ tháng 1-1926 đến tháng 7-1926, ít nhất đã có 7 số báo được phát hành. Sau đó báo ra bí mật từ tháng Hai đến tháng Tư năm 1927,

mang tên *Hồn Nam Việt*[1].

Việt Nam Hồn cùng với những nội dung riêng của mình đã đưa đến cho Việt kiều tại Pháp một cách khá kịp thời và trung thực những tin tức về những cuộc vận động chính trị ở Việt Nam và động viên Việt kiều hưởng ứng. Chính vì thế, ngay sau khi Nguyễn An Ninh và Lâm Hiệp Châu bị chính quyền Pháp bắt tại Sài Gòn ngày 24-3-1926, trên số 4, ra tháng 4-1926, *Việt Nam Hồn* đã đưa tin ngay về vụ này.

Dưới đầu đề: "Hồn cố quốc tới nay đã tỉnh!"", trong bài có đoạn viết: "Các ông tuy bị bắt, nhưng cái chủ nghĩa chính đại của các ông đã lan khắp trong Lục tỉnh. Bởi thế hôm 24 tháng Ba này, khi ông Bùi Quang Chiêu tới Sài Gòn [2], mấy mươi ngàn đồng bào ra bến tàu tiếp đón, không phải vì ông Chiêu mà quốc dân tỏ ra như thế, nhưng vì một cái chủ nghĩa "thoát ly đô hộ" vậy".

Đến số 5, ra tháng 5-1926, gần như trên toàn bộ trang nhất của "Việt Nam Hồn" được dành cho vụ Nguyễn An Ninh, Lâm Hiệp Châu. Dưới đầu đề "Tha ngay ông Ninh, ông Châu!", Hoàng Hiến báo tin Nguyễn An Ninh bị kết án 2 năm tù, Lâm Hiệp Châu bị kết án 1 năm tù, đồng thời cho biết: "Đến 20 này, anh em Nam Việt bên Pháp sẽ mở một cuộc mít tinh phản kháng quân thuộc địa để yêu sách tha ông Ninh và ông Châu. Song việc là việc chung, cần phải nhiều người biết đồng tâm thì quân cướp nước mới chịu nhường". Cũng dưới đề mục trên báo đăng thư của cụ Nguyễn An Khương, thân sinh của Nguyễn An Ninh, gửi cho đồng bào ngụ tại Pháp. Trong thư có đoạn viết: "Nguyễn An Ninh diễn thuyết bên này, mỗi khi diễn có tới 3.000 người nghe. Coi dèo lòng dân có đổi khác lắm.

Ý nó nhất định nài xin Chính phủ để cho làm báo quốc ngữ, cho lập Hội, cho đi học; lại xin bỏ luật chủ nợ đặng phép giam thâu người thiếu nợ, người mướn đặng phép bỏ tù người làm công, bỏ các luật muốn bắt ai thì bắt, không có bằng cớ gì cả.

Xin có bấy nhiêu điều, Chính phủ đã không nhận lời, lại còn bắt nó mà giam lại.

Ôi thôi! Nghiêm cấm thái quá, áp chế thái quá, hành hạ thái quá, khổ biết bao nhiêu!...".

Tiếp đó, *Việt Nam Hồn* đăng bài "L'Indochine et l'opinion de la Presse", trích từ "Le Journal du Peuple, du 15 Mai 1926"[3]. Tác giả của bài báo này có nhắc đến việc Nguyễn An Ninh cùng với nhiều nhân vật khác đã lên tiếng vạch trần những sự dối trá trắng trợn, đạo đức giả trong chính sách của thực dân Pháp.

Cũng ở trang đầu của báo, dưới dòng chữ lớn trải dài trên ba cột: "À bas le Docteur Cognacq! Vive Nguyễn An Ninh! Vive Lâm Hiệp Châu!"[4] đã đăng hai tờ truyền đơn của Nguyễn An Ninh do Phan Văn Trường dịch sang chữ Pháp, với dòng chữ lưu ý trên đầu bằng chữ Pháp của Phan Văn Trường: "Hai tờ truyền đơn không có gì là "bôn sơ vích" cả; mọi người hãy thẩm định".

Sau đấy, dưới đầu đề "Le meilleur article de Nguyễn An Ninh" đã đăng lại bài "On ne mendie pas la liberté"[5]. Trong bài này, trước hết Nguyễn An Ninh phê phán việc chính quyền Pháp dưới chiêu bài "quân chủ lập hiến" giả dối đã buộc Hội đồng Phụ chính Nam triều ký điều ước ngày 6-11-1925[6]. Nguyễn An Ninh viết: "... Chúng tôi muốn xóa bỏ triệt để cái vật thối nát là triều đình An Nam đang làm bình phong cho những kẻ chịu trách nhiệm về chế độ dã man mà những người An Nam ở miền Trung phải đau khổ. Nhưng người ta đã trao cho chúng tôi cái nền "quân chủ lập hiến" đặc biệt ấy để duy trì dưới một cái tên lừa dối một tình trạng giả cỗi". Kế đó, Nguyễn An Ninh vạch ra cho nhân dân ta cần phải nhận thức rằng sẽ không có một chút tự do, dân chủ nào, dù là với Varenne, vì Varenne cũng chỉ là một tên đầy tớ (un valet) của một nhóm tài chính nắm toàn bộ quyền hành tại Đông Dương. Cuối cùng, Nguyễn An Ninh viết: "Tự do phải giành lấy, nó không thể được trao cho... Đừng tin vào chính sách hợp tác mà người ta đang nói nhiều lúc này. Muốn hợp tác, ít nhất phải có hai, và người ta chỉ có thể hợp tác giữa những người bình đẳng. Nói với Chính phủ là hãy chờ cho đến khi chúng ta có tự do và

những quyền giống như những người mà chúng ta muốn hợp tác".

Trong số này, ở trang đầu báo còn trích đăng từ *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc đoạn vạch mặt đểu cáng của Outrey, nguyên Quyền Thống đốc Nam kỳ, đại biểu cho Nam kỳ tại Nghị viện Pháp.

Đến tháng 5-1926, *Việt Nam Hồn* còn ra thêm một phụ san toàn bằng chữ Pháp, với lời giới thiệu: "Đây là phụ san dành cho việc bảo vệ Nguyễn An Ninh và Lâm Hiệp Châu, và tặng cho Thống đốc Cognacq, tên đao phủ"[7].

Dưới tiêu đề: "Varenne, đừng chơi trò phản động! Hãy thả Nguyễn An Ninh và Lâm Hiệp Châu!", đó là một bài báo phản đối việc phạt tù Nguyễn An Ninh, Lâm Hiệp Châu, buộc Varenne phải chịu trách nhiệm, chứ không phải chỉ có Cognacq, kẻ trực tiếp quyết định án phạt: "Ông Varenne phải chịu trách nhiệm, bởi vì ông chịu trách nhiệm về những hành vi của những người dưới quyền ông; ông cũng phải chịu trách nhiệm, chịu trách nhiệm chủ yếu vì đã đưa ra vài lời hứa hẹn trước khi sang Đông Dương... Nhiệm vụ của ông là phải trả tự do ngay tức khắc cho Nguyễn An Ninh và Lâm Hiệp Châu, và đó cũng là lợi ích của ông, vì chính bằng cách ấy, ông sẽ chấm dứt việc phải hành động theo lợi ích của bọn phản động quấy rầy ông!".

Thư của cụ Nguyễn An Khương cũng được trích dịch để giới thiệu kèm theo thư của *Việt Nam Hồn* gửi cho cụ Nguyễn An Khương hứa sẽ làm hết khả năng của mình để giải thoát Nguyễn An Ninh khỏi nhà lao của chính quyền thuộc địa.

Dưới đầu đề: "Hãy dừng lại, các ông Cognacq, De La Pommeraye, Fontaine và đồng hội!", bài báo đã lên án những thành tích bất hảo của Cognacq, Fontaine, Darles, De La Pommeraye. Ở đây chúng tôi chỉ xin lược thuật lại những đoạn có liên quan đến Nguyễn An Ninh.

Báo trích đăng một đoạn trong cuốn sách nhỏ *La France en Indochine*[8] của Nguyễn An Ninh như sau: "Bác sĩ Cognacq, Thống đốc Nam kỳ có một mưu sĩ núp trong bóng tối (éminence grise) là

Darles, tên "cướp" khét tiếng ở Thái Nguyên, một tên dã man thật sự, thông minh hơn Thống đốc... Tên Darles này, đến lượt mình lại dưới quyền uy của đám Fontaines, chủ các hãng rượu ở Đông Dương, đám Fontaines này được tiếp tục giữ độc quyền nấu rượu mà không cần hỏi ý kiến của tổ chức đại diện bản xứ...

Cái tam vị nhất thể này[9] là biểu trưng của quyền lực chế ngự Đông Dương".

Tiếp đó, bài báo dẫn lại nguyên văn lời thuật của Nguyễn An Ninh trong tác phẩm nói trên về cuộc gặp gỡ giữa Nguyễn An Ninh với Cognacq: "Tôi nhận được một giấy triệu tập của Thống đốc Nam kỳ, ông Cognacq. Trong quá trình tranh luận giữa chúng tôi tại phòng làm việc của ông, ông ta đã thẳng thừng buông ra một câu: "Không nên có trí thức ở xứ này!" Câu nói ấy đúng y như với chương trình giáo dục theo mặt phẳng nằm ngang của ông Merlin. Toàn quyền, bộc lộ rõ chính sách mà bọn thực dân theo đuổi ở Đông Dương. Cũng ông Cognacq ấy còn đe dọa tôi là trong trường hợp tôi tiếp tục công việc tuyên truyền, ông ta sẽ sử dụng những biện pháp cuối cùng"[10].

Bài báo còn nêu lên hai câu hỏi cho Cognacq, có một câu liên quan đến Nguyễn An Ninh như sau: "Không phải đúng là sự thật hay sao, thưa ông Thống đốc, rằng vào tháng 6-1925, sau một thời gian ở Paris, Nguyễn An Ninh về Sài Gòn, ông lại triệu tập anh ấy một lần nữa; rằng lần này thay đổi đột ngột phương pháp, ông đề nghị anh ấy lãnh chức vụ Chủ sự[11] trong bộ máy cai trị; rằng Nguyễn An Ninh thay cho mọi câu trả lời đã mỉm cười; rằng ông đã tái mặt vì giận dữ (tái mặt là một cách nói), ông đã nói: "Tôi cấm anh cười!"; đáp lại, Ninh có lẽ đã trả lời: "Nhưng mà thưa ông Thống đốc! ông đã cấm chúng tôi đi du lịch, đi ra nước ngoài, hội họp, lập hội, ông đã tước đoạt của chúng tôi quyền tự do phát ngôn, tự do tư tưởng, tự do viết; vậy ông hãy làm ơn để cho chúng tôi được tự do cười"[12].

Số 6, ra vào tháng 6-1926, dưới đề mục "L'opinion des personnalités françaises"[13], *Việt Nam Hồn* đã đăng bài phát biểu

của Romain Rolland, kèm theo ảnh của ông[4]. Bài báo của Romain Rolland đề cập đến nhiều vấn đề, ở đây chúng tôi chỉ xin giới thiệu đoạn có liên quan đến Nguyễn An Ninh. Romain Rolland viết: "Các bạn sinh viên và lao động Đông Dương ở Pháp, tôi xin gửi đến các bạn mối thiện cảm anh em của tôi.

Tôi cùng với các bạn đòi tự do cho Nguyễn An Ninh. Tôi cho rằng anh ấy đã làm nghĩa vụ của mình trong khi bảo vệ quyền của đồng bào anh. Tôi cho rằng bằng cách tố giác những sự lạm quyền của chế độ thuộc địa, anh ấy đã phục vụ chẳng những cho người Đông Dương mà cho cả nước Pháp nữa.

Bởi vì nước Pháp có lợi khi biết được sự thật. Nó có lợi khi người ta khuyến cáo cho nó biết những lầm lỗi và sai trái mà nó phạm phải. Nó có lợi khi người ta tố giác với nó những sự lạm quyền làm ô danh nước Pháp. Nó có lợi khi một sự cộng tác chân thành được thiết lập giữa người Đông Dương và người Pháp".

Tiếp tục mục "L'opinion des personnalités francaises", trong báo *Việt Nam Hồn* số 7 ra tháng 7-1926 đã đăng phát biểu của Léon Werth[5]. Dưới đầu đề "Vì Nguyễn An Ninh", Léon Werth viết: "Vì đã ký vào hai tờ truyền đơn... mà Nguyễn An Ninh bị Tòa án Tiểu hình Sài Gòn phạt hai năm tù. Rõ ràng là các quan tòa đã tuân theo những mệnh lệnh. Sự kết án này là công lao của Thống đốc Cognacq, ông này đáng phải bị bỏ tù từ lâu và không phải vì tội tự do tư tưởng.

Nguyễn An Ninh, bạn thân Nguyễn An Ninh của tôi đang ở trong ngục và trong cái ngục Sài Gòn ấy có ba loại tù khổ sai, người Châu Âu, người Ấn Độ, người An Nam. Ninh, bạn thân của tôi, tôi chưa bao giờ nghi ngờ châu Âu hôm nay như trong những giây phút mà chúng tôi nhận thấy sự bất lực của chúng tôi không thể giải phóng được cho bạn ngay tức khắc. Thật là những nghịch lý kỳ quặc của thời hiện tại. Bọn thực dân vô học, những kẻ đã bỏ tù Ninh, không biết gì về Châu Âu, trong họ không còn có chút gì là người châu Âu. Còn Ninh, người tù của họ, lại có một nền văn hóa châu Âu mà chính

họ cũng không nghi ngờ. Ninh, bạn thân của tôi, liệu sự thanh thản miền Viễn Đông (Sérénité extrême-orientale) có còn cho phép bạn, ngay trong tù ngục vẫn phân biệt được giữa những người thực dân và người châu Âu hay không? Nhưng điều mà bạn không được nghi ngờ, trong nhà lao của bạn là tại đây vài người chúng tôi đang nghĩ đến một người anh em đang bị hành hạ tàn khốc".

Như thế là ngay sau khi vụ đàn áp của thực dân Pháp ở Nam kỳ đối với Nguyễn An Ninh xảy ra, báo *Việt Nam Hồn* đã kịp thời và liên tục vận động đòi trả lại tự do cho Nguyễn An Ninh. Với 4 số báo cuối cùng và thêm 1 số phụ san đặc biệt nữa, *Việt Nam Hồn* đã tận dụng khả năng công khai, hợp pháp mà nó có thể có để vận động dư luận trong Việt kiều và cả trong một số nhân sĩ tiến bộ Pháp đấu tranh đòi chính quyền thuộc địa Pháp phải thả Nguyễn An Ninh ra khỏi nhà tù. Cuộc đấu tranh đòi trả tự do cho Nguyễn An Ninh tuy không đạt được kết quả như mong muốn[16], nhưng với những hoạt động của mình, báo *Việt Nam Hồn* đã góp phần thiết thực vào cuộc đấu tranh chung vì tự do, dân chủ ở Việt Nam lúc bấy giờ.

Chú thích:

(1) Daniel Hémery - *Du patriotisme au marxisme: l'immigration vietnamienne en France de 1926 à 1930* (Extrait de *Le mouvement social*, No 90-Janvier-Mars 1975. Les Éditions ouvrières - Paris, tr.16).

- Ở phụ lục III của luận văn này, Daniel Hémery còn dẫn: "Appel à la Société des nations - Pour le droit du peuple annamite à disposer de lui-même". Cuối lời kêu gọi, bên trái ghi: "Hanoi, le 25-7-1926 - Le Phục Việt", bên phải ghi: "Paris, le 30 Août 1926 - Le *Việt Nam Hồn*... fondateur: Nguyễn Ái Quốc (những chỉ dẫn về báo "Việt Nam Hồn" ở đây giống như trình bày bên trên).

- Chúng tôi đã tiếp xúc được với 7 số chính thức và 1 số phụ san của báo *Việt Nam Hồn* công khai, hợp pháp. Có số báo ở phần góc trái của nhan đề (chữ Việt) được thay bằng một danh ngôn hay một lời lưu ý khác. (Archives d'Outre-mer, Aix-en-Provence, F7-13403).

(2) Theo thư của cụ Nguyễn An Khương:

- 9 giờ sáng 24-3-1926, Nguyễn An Ninh bị bắt.

- 6 giờ chiều 24-3-1926, Bùi Quang Chiêu về Sài Gòn.

- 10 giờ tối 24-3-1926, Phan Châu Trinh mất.

(3) Trong số 5 của báo *Việt Nam Hồn* có cả bài chữ Việt, bài chữ Pháp. Để bạn đọc dễ phân biệt, chúng tôi ghi nguyên văn đầu đề chữ Pháp của bài chữ Pháp và dịch chú thích ở cuối trang:

- *Đông Dương và dư luận báo chí - Tờ báo của Dân chúng*, ngày 15-5-1926.

(4) "Đả đảo Bác sĩ Cônhắc, Nguyễn An Ninh vạn tuế! Lâm Hiệp Châu vạn tuế"!

(5) "Bài báo hay nhất của Nguyễn An Ninh" "Người ta không thể ăn xin tự do".

(6) Năm 1925, Khải Định chết, Bảo Đại đang ở Pháp đã về nước chịu tang, được đưa lên nối ngôi vua bù nhìn, rồi Bảo Đại lại trở sang Pháp. Lúc ấy một Hội đồng Phụ chính đã được thành lập gồm có những viên đại thần già nua, đứng đầu là Tôn Thất Hân. Dưới áp lực của Toàn quyền Monguillot, Hội đồng Phụ chính này đã phải ký Hiệp định ngày 6-11-1925 giao những quyền hạn cuối cùng về nội chính của Triều đình Huế cho Khâm sứ Trung kỳ, Hoàng đế An Nam chỉ còn giữ nhiệm vụ lễ nghi và phong sắc thần cho các làng xã mà thôi.

(7) Phụ san này toàn bằng chữ Pháp. Những đầu đề bằng chữ Việt bên trên do chúng tôi dịch.

(8) *Nước Pháp ở Đông Dương*. Theo Daniel Hémery, *La France en Indochine* của Nguyễn An Ninh được đăng trong *La Cloche fêlée*. 20-11-1925 (Xem: Daniel Hémery - *Révolutionnaires vietnamiens et pouvoir colonial en Indochine*. Maspéro - Paris, 1975, tr.64.

(9) "Cette trinité". Trong đạo Thiên chúa, sự thống nhất giữa ba người khác nhau (Cha, Con và Thánh thần) hợp thành một Đức Chúa duy nhất, còn gọi là Đấng Ba Ngôi.

Nguyễn An Ninh dùng chữ "Cette trinité" ở đây với nghĩa bóng,

mìa mai.

(10) Theo Daniel Hémery (dựa theo báo *La Cloche fêlée*, 7-1-1924), ngày 15-10-1923, Nguyễn An Ninh đã diễn thuyết ở "Société d'enseignement mutuel" ("Hội Ái hữu học đường") về "L'idéal de la jeunesse annamite" (Lý tưởng của thanh niên An Nam). Sau đó Thống đốc Nam kỳ Cognacq đã triệu tập Nguyễn An Ninh đến và nói như sau: "Không nên có trí thức ở xứ này. Nếu ông muốn tìm họ, hãy sang Mốt-xcu!".

(Daniel Hémery - *Révolutionnaires vietnamiens et pouvoir colonial en Indochine*. Sđd, tr.167.

(11) Rédacteur: một chức vụ ở các Tòa Tham biện (tức Tòa Sứ), thuộc ngạch tây (cadre latéral); ngạch này chỉ dành cho những công chức cao cấp người Việt Nam được ưu đãi.

- Năm 1923, Thống đốc Nam kỳ Cognacq muốn bổ dụng Nguyễn An Ninh làm Magistrat (Quan Tòa - Thẩm phán), nhưng Nguyễn An Ninh từ chối - (xem Daniel Hémery - *Révolutionnaires vietnamiens et pouvoir colonial en Indochine*. Sđd, tr.70).

(12) Trong đoạn nói về Darles ở báo *Việt Nam Hồn*, tác giả ghi là đã đọc trong "Le procès de la colonisation francaise" của Nguyễn Ái Quốc. Ở bài "Hãy dừng lại, các ông Cognacq, De La Pommeraye, Fontaine và đồng hội", có đoạn kết thúc nói về Pommeraye như sau: "Đó là một con cá mập già, cũng phàm ăn như những con khác, nhưng thô bạo hơn vì hay làm om xòm.

Ông De La Pommeraye thù oán ông Varenne và đòi triệu hồi ông ta, thì đó là chuyện giữa ông Varenne và ông De La Pommeraye, nhưng khi ông ấy có ý đồ yêu cầu phái ông Sarraut sang (Đông Dương) thì chúng tôi bảo: "Hãy dừng lại!"

(13) "Dư luận (ý kiến) của các nhân sĩ Pháp".

(14) Romain Rolland (1866-1944): Đại văn hào Pháp, tác giả của *Jean Christophe* và *L'âme enchantée*, sáng lập ra tạp chí "Europe", được giải thưởng Nobel 1915.

Phát biểu của Romain Rolland có nhiều ý kiến rất đáng được tham khảo về mối quan hệ giữa văn minh Tây phương và văn minh Đông phương. Chúng tôi mong được giới thiệu toàn văn bài này trong một dịp khác.

(15) Léon Werth: Nhà văn, tác giả của *La Cochinchine* (Xứ Nam kỳ), Paris, 1926.

(16) Nguyễn An Ninh (1900-1943): Sinh ở Mỹ Hòa, Hóc Môn, Gia Định, nay thuộc ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh. Học ở Pháp: 1918-1922. Đậu cử nhân luật ở Paris: 1921. Tham quan các nước: Đức, Áo, Thụy Sĩ, Ý. Về Sài Gòn: 1923. Trở lại Pháp hai lần trong thời gian ngắn: 1924 - tháng 6-1925; 8-4-1927 - 7-1-1928.

Ở Sài Gòn, Nguyễn An Ninh không đi làm cho Pháp, ra báo *La Cloche fêlée*. Viết các báo *La Cloche fêlée*, *l'Annam*. Diễn thuyết, vận động đấu tranh đòi tự do, dân chủ. Sau buổi diễn thuyết ở đường Lanzarotte (Sài Gòn) ngày 21-3-1926, Nguyễn An Ninh bị bắt cùng với Lâm Hiệp Châu. Đây là lần đầu tiên ông bị bắt và bị phạt tù. Lần cuối cùng, ông bị bắt vào tháng 10-1939, bị đày ra Côn Đảo, mất tại đây năm 1943 (Theo: Daniel Hémery - *Révolutionnaires vietnamiens et pourvoir colonial en Indochine*. Sdd; và Đinh Xuân Lâm - Chương Thâu. *Danh nhân lịch sử Việt Nam*, tập 2 - NXB Giáo dục, Hà Nội, 1988, tra.230-232).

- Về Lâm Hiệp Châu: (Xem: Nguyễn Thành - *Báo chí cách mạng Việt Nam: 1925-1945* - NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984, tr.37).

- Về vụ án Nguyễn An Ninh và Lâm Hiệp Châu: (Xem: Trần Văn Giàu - *Giai cấp công nhân Việt Nam*. NXB Sự Thật, Hà Nội 1958, tr.423).

- Nguyễn Thế Truyền (1898-1969): Sinh ở làng Hành Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (nay là huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà). Sang Pháp học: 1919. Đậu kỹ sư hóa học. Tham gia "Hội Liên hiệp thuộc địa". Cộng tác với báo *Le Paria*. Đề tựa cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc. Mất tại Sài Gòn: tháng 9-1969.

Nguyễn An Ninh với phong trào Đông Dương Đại hội 1936

PHAN VĂN HOÀNG

Thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp trong cuộc bầu cử Quốc hội Pháp[1] đưa Chính phủ liên minh cánh tả[2] - do Léon Blum (Đảng Xã hội Pháp) làm thủ tướng - lên nắm quyền (4-6-1936).

Trong chương trình công bố trước cuộc bầu cử, Mặt trận nhân dân Pháp chủ trương "thành lập một ủy ban điều tra của nghị viện về tình hình chính trị, kinh tế và tinh thần trong các lãnh thổ hải ngoại của Pháp, đặc biệt là ở Bắc Phi thuộc Pháp và ở Đông Dương"[3].

Đảng Lập hiến nắm ngay cơ hội này. Trên Báo Việt Nam số 202 (26-5-1936), Nguyễn Phan Long - một trong những thủ lĩnh của Đảng Lập hiến, đồng thời là phó chủ tịch Hội đồng quản hạt Nam kỳ - hô hào "Tổ chức một ban trị sự lãnh phần nghinh tiếp phái bộ điều tra bên Pháp qua, trực tiếp giao thiệp với các phái viên mà bày tỏ những nguyện vọng của toàn quốc Việt Nam ngày nay". Trong suy nghĩ của các thủ lĩnh Đảng Lập hiến, ban trị sự ấy chủ yếu gồm các địa chủ, tư sản, "thượng lưu", phần lớn có chân trong các Hội đồng địa hạt, Hội đồng thành phố, Hội đồng quản hạt... do thực dân Pháp lập ra.

Đảng Cộng sản Đông Dương phản đối ý đồ đó. Các văn kiện của Đảng viết:

"Nếu chỉ chủ trương triệu tập các đại biểu bản xứ ở trong các cơ quan do Chính phủ thuộc địa lập ra (...) *mà không có quảng đại quần chúng làm sức chủ động, thì bản chương trình ấy đã không đại biểu được ý chí của toàn dân, mà nó chỉ là một tập giấy xếp từ tàng cổ của Bộ thuộc địa*"[4].

"Các cơ quan được bầu ra ở Đông Dương đại diện chưa đến 7 phần nghìn dân chúng, vì vậy các nghị viên trong xứ không đủ tư cách phát biểu thay mặt nhân dân và gửi các tập dân nguyện hoặc cho chính phủ, hoặc cho ủy ban điều tra của nghị viện sắp tới"[5].

"Tập dân nguyện gửi tới phái đoàn điều tra phải bao gồm những nguyện vọng chung cho toàn thể Đông Dương và những nguyện vọng riêng cho từng xứ, từng dân tộc"[6].

Các văn kiện của Đảng chỉ lưu hành bí mật. Cần có người tung vấn đề lên mặt báo công khai để quan điểm của Đảng đi vào quần chúng. Người đó là Nguyễn An Ninh. Theo lời bà Nguyễn An Ninh kể lại, "anh Ninh có nói chuyện với anh Trương Văn Bang, lúc đó là quyền bí thư Xứ ủy Nam kỳ và là cháu của chị Ninh. *Anh Ninh cho biết đã bàn bạc chủ trương vận động Đại hội Đông Dương với Trung ương Đảng và đã được Đảng ủng hộ*"[7].

Trên báo *La Lutte* số 92 (29-7-1936), Nguyễn An Ninh nêu vấn đề: "Tiến tới một Đông Dương Đại hội". Tuần sau đó, cũng trên báo *La Lutte* (số 93 - 5-8-1936), ông thúc giục mọi người: "Hãy bắt tay vào Đông Dương Đại hội"[8].

Nguyễn An Ninh lên án ý đồ của Đảng Lập hiến "muốn chiếm lĩnh chính trường mà lâu nay họ độc quyền" khi họ chỉ "muốn triệu tập các đại biểu trong các hội đồng của chính quyền thuộc địa tham gia Đông Dương Đại hội". Ông vạch rõ: "Đảng viên Đảng Lập hiến là những người lo bảo vệ những lợi ích của các giai cấp thống trị trước hết và không dám làm mếch lòng chính quyền thuộc địa". "*Trong các bản dân nguyện liên tiếp của họ, họ đã khéo léo và nồng nhiệt bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, chứ họ chẳng đoái hoài đến yêu sách*

của các giai cấp cần lao". Lần này, "một bản dân nguyện được thảo ra và đệ trình lên bởi một vài cá nhân có quyền lợi đối lập với quần chúng đau khổ sẽ chẳng có giá trị gì trong hoàn cảnh hiện nay".

Nguyễn An Ninh đã kích đích danh "Nguyễn Văn Sâm tỏ ý tin chắc rằng đại biểu công nhân và nông dân, nếu có, chỉ làm trở ngại cho công việc của Đại hội", phê phán "Nguyễn Phan Long không đồng ý mở cửa Đại hội để đón những đại biểu của công nhân và nông dân". Ông hô hào: "Làm sao cho Đại hội sắp tới không phải là một cuộc họp trong đó đa số thuộc về những đại biểu của các giai cấp hữu sản", "làm sao cho tại Đại hội sắp tới, chúng ta được nghe tiếng nói của những đại biểu công nhân và nông dân". "*Để giành thắng lợi cho những yêu sách phù hợp với lợi ích và nguyện vọng sâu xa của đại đa số nhân dân Đông Dương, nhất là của quần chúng lao động*", ông kêu gọi "*triệu tập một Đông Dương Đại hội ở đó tất cả các giai cấp đều có đại diện để thảo ra một bản dân nguyện bao gồm được những yêu sách của các dân tộc Đông Dương*".

Trong buổi họp lúc 20 giờ ngày 13-8-1936 tại số 78 đường Lagrandière (nay là Lý Tự Trọng) Sài Gòn, có nhiều người lao động tham dự. Nguyễn An Ninh tuyên bố một cách thẳng thắn: "Chúng tôi không đồng ý với ông Long về sự tổ chức của ông, chúng tôi muốn sao cho trong Ủy ban, trong cuộc Đại hội, phải có cả đại biểu của thợ thuyền cử ngay trong giai cấp thợ thuyền" (báo *Đuốc Nhà Nam*, ngày 14-8-1936). Ý kiến của Nguyễn An Ninh được những người lao động hoan nghênh nồng nhiệt. Một Ủy ban lâm thời (gồm 19 thành viên, trong đó có đại biểu công nhân và nông dân) được cử ra để chuẩn bị cho việc triệu tập Đông Dương Đại hội. Nguyễn An Ninh cũng tham gia Ủy ban lâm thời với tư cách một đại biểu giới báo chí. Một tuần lễ sau, trong phiên họp tối ngày 21-8-1936, Nguyễn An Ninh được bầu vào Ban thường trực của Ủy ban lâm thời.

Một văn kiện của Đảng viết: "Ban dự bị Đại hội [tức Ủy ban lâm thời] thành lập ngày 13 tháng 8 [năm 1936]. *Lúc khai hội lần đầu có*

hơn một ngàn quần chúng tham gia nên trở thành một cuộc hội nghị quảng đại quần chúng. Ban ủy viên dự bị [tức Ủy ban lâm thời] này sẽ thành một cơ quan lĩnh đạo cuộc vận động này lan khắp toàn cả xứ Đông Dương"[9]

Các ủy ban hành động được lập ra ở các nhà máy, chợ búa, trường học, khu phố, thôn xã... để thu thập nguyện vọng của các tầng lớp dân chúng. Trong chưa đầy hai tháng, "ở Nam kỳ, mình có đến 600 ủy ban hành động"[10]. "*Phần lớn trong 600 ủy ban hành động ở Nam kỳ đều do Đảng tổ chức và lãnh đạo. Các ủy ban này đã phân phát hơn ba triệu truyền đơn hợp pháp*"[11].

Trong một thời gian ngắn, phong trào lan nhanh ra cả nước. Hai chi nhánh Trung kỳ và Bắc kỳ của Ủy ban lâm thời Đông Dương Đại hội được thành lập. Hàng loạt ủy ban hành động ra đời ở các tỉnh miền Trung và miền Bắc.

Lo sợ trước sự lớn mạnh của phong trào, chính quyền thuộc địa tìm cách đàn áp. Các giám đốc của xưởng Ba Son, hãng rượu Bình Tây, hãng dầu Socony... sa thải những công nhân tham dự buổi họp bầu Ủy ban lâm thời tối 13-8-1936. Ở một số địa phương, các ban hội tề được lệnh khủng bố những người tích cực tham gia phong trào, khám xét trụ sở các ủy ban hành động, cấm mít-tinh, tịch thu truyền đơn, gỡ biểu ngữ, xé áp-phích...

Nguyễn An Ninh và các thành viên khác của ban thường trực Ủy ban lâm thời đến gặp quyền thống đốc Rivoal để phản đối.

Song song với những biện pháp mạnh, thực dân Pháp dùng thủ đoạn "dùng người Việt (Việt gian) chống lại người Việt (yêu nước)".

Chúng ra lệnh cho Phạm Huy Lục (Viện trưởng Viện dân biểu Bắc kỳ) và Lê Thanh Cảnh (Phó viện trưởng Viện dân biểu Trung kỳ) tập hợp một số phần tử thân Pháp để thảo ra những bản nguyện vọng giả mạo ý dân. Một khi có trong tay các bản "dân nguyện" rồi, chúng buộc các ủy ban hành động và các chi nhánh Ủy ban lâm thời ở Bắc kỳ và Trung kỳ phải giải tán, lấy cớ sự tồn tại của những tổ

chức này là không còn cần thiết nữa.

Ở Nam kỳ, chúng chỉ thị cho 5 đại biểu của Đảng Lập hiến - Lê Quang Liêm, Trần Văn Khá, Trương Văn Bền, Thượng Công Thuận và Võ Hà Trị - rút khỏi Ủy ban lâm thời sau khi vu cáo Ủy ban này "làm việc ngoài phạm vi pháp luật và cố ý làm rối trị an" để tạo cớ cho nhà cầm quyền đàn áp. Sau đó, họ cũng nặn ra một bản "dân nguyện" để nộp cho thống đốc Nam kỳ.

Ngày 21-9-1936, thống đốc Nam kỳ yêu cầu Ban thường trực Ủy ban lâm thời trong thời hạn 4 ngày phải nộp các bản dân nguyện để thống đốc chuyển về Bộ thuộc địa Pháp vào đầu tháng 10-1936. Sau ngày 25-9-1936, Ủy ban lâm thời và các Ủy ban hành động phải ngừng mọi hoạt động.

Đến hạn, Ban thường trực trả lời: phải một tháng nữa mới tổng hợp xong các nguyện vọng của dân chúng. Về các ủy ban hành động, Ban thường trực cho biết: những tổ chức này "đã tự lập ra (...) *chúng tôi không có quyền gì đối với Ủy ban hành động*" *nên không thể giải tán chúng theo yêu cầu của thống đốc*.

Thấy không thể dọa dẫm được, trong các ngày 27-9 và 3-10-1936, thống đốc Nam kỳ Pagès ra lệnh bắt Nguyễn An Ninh (thành viên Ban thường trực), Nguyễn Văn Tạo (thành viên Ban thư ký) và Tạ Thu Thâu với tội danh "làm mất an ninh trật tự quốc gia, xúi dân làm loạn". Trong thư ngỏ gửi chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp (tháng 10-1936), những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương viết: "Khi chúng tôi đang viết cho các bạn những dòng này, hàng trăm người tổ chức Đông Dương Đại hội và Các ủy ban hành động như Nguyễn Văn Tiếp, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu đều bị bỏ tù; những chiến sĩ ấy chỉ phạm mỗi một tội là đã tin tưởng vào chính sách tự do của chính phủ các bạn nên tổ chức ra, trong trật tự và hợp pháp, một phong trào hoàn toàn có tính chất thỉnh cầu nhằm mục đích chuẩn bị các bản dân nguyện để đệ đạt cho Ủy ban điều tra của nghị viện sắp tới"[12]

Để phản đối hành động phát-xít này, từ 25-10-1936, ba ông quyết định không ăn, sau đó không uống nước. Sức khỏe của ba ông ngày càng suy yếu, dư luận quần chúng vô cùng xôn xao, Pagès phải trả tự do tạm cho ba ông để tại ngoại hầu tra (5-11-1936).

Ngày 29-9, ở Hà Nội, năm thành viên của ủy ban lâm thời chi nhánh Bắc kỳ cũng bị bắt.

Tương tự như vậy, những người cốt cán của nhiều ủy ban hành động bị giam giữ.

Đông Dương đại hội không triệu tập được, nhưng phong trào đấu tranh của quần chúng không vì thế mà bị dập tắt. Ngược lại, nó đi sâu vào các tầng lớp nhân dân và chỉ chờ cơ hội thuận lợi là bùng lên với khí thế mạnh mẽ hơn trong những năm sau. Rõ ràng là qua phong trào Đông Dương đại hội, nhân dân được tôi luyện, cán bộ và đảng viên cộng sản rút ra nhiều kinh nghiệm quý báu về vận động quần chúng trong đấu tranh công khai để vận dụng vào các phong trào kế tiếp, đặc biệt là cao trào đánh Pháp đuổi Nhật và tổng khởi nghĩa giành chính quyền (1941-1945).

Những đóng góp của Nguyễn An Ninh vào phong trào Đông Dương đại hội hết sức to lớn.

Ba năm sau Đông Dương đại hội, ông bị thực dân Pháp bắt trở lại (4-10-1939), bị đày ra Côn Đảo (10-12-1940) và hy sinh tại đó (14-8-1943) không kịp thấy nước nhà độc lập, dân tộc được giải phóng.

Nhưng công lao của ông luôn được nhân dân trân trọng. Trong không khí tiền khởi nghĩa, tại buổi lễ truy điệu ông lần đầu tiên tổ chức công khai ở Sài Gòn, Nguyễn Văn Tạo ca ngợi ông: "Nguyễn An Ninh sống vì dân chúng chết cũng vì dân chúng"[(3)]. Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, tỉnh Chợ Lớn - quê ngoại của ông - được đổi tên thành tỉnh Nguyễn An Ninh...

(1) Vòng 1 tổ chức ngày 26-4-1936; vòng 2 ngày 3-5-1936.

(2) Chính phủ Léon Blum gồm đảng viên Đảng xã hội Pháp, Đảng

cấp tiến Pháp và Liên hiệp xã hội và cộng hòa. Đảng cộng sản Pháp tuy nằm trong Mặt trận nhân dân nhưng không tham gia chính phủ Blum.

Trong "thơ công khai gởi các đồng chí toàn Đảng" (tháng 6-1936), Ban Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương nhận định: Chính phủ Blum "Không phải là chính phủ cách mạng... *chính phủ ấy vẫn ở trong phạm vi pháp luật của tư bản, vẫn kế tục thay mặt cho đế quốc Pháp mà quản lý quyền lợi của chúng*" nên chính phủ ấy "*không muốn và cũng không có thể giải quyết độc lập cho xứ Đông Dương*" (Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập VI, tr.22, 23).

(3) Báo L'Humanité (Nhân đạo), ngày 12-1-1936.

(4) Đông Dương Đại hội, Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, tập VI, tr. 111.

(5) Thư ngỏ của Đảng Cộng sản Đông Dương gửi Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp ở Paris, Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, tập VI, tr. 123.

(6) Đảng Cộng sản Đông Dương và Đông Dương Đại hội, Văn kiện Đảng toàn tập, sđd, tập VI, tr. 100.

(7) Nguyễn Thị Lựu, *Nguyễn An Ninh và phong trào Đại hội Đông Dương, trong Nguyễn An Ninh (nhiều tác giả)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 54.

(8) Xem bản dịch hai bài báo này trong cuốn *Cuộc vận động Đại hội Đông Dương*, năm 1936 của Nguyễn Thành (NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1985) tr. 205-214.

(9) *Đông Dương Đại hội*, Văn kiện Đảng toàn tập, sđd, tập VI, tr.109.

(10) *Chủ trương tổ chức mới của Đảng*, Văn kiện Đảng toàn tập, sđd, tập VI, tr. 225.

(11) *Báo cáo của Hội nghị toàn thể Đảng Cộng sản Đông Dương gửi Ban Trung ương Quốc tế Cộng sản*, Văn kiện Đảng toàn tập, sđd,

tập VI, tr. 308.

(12) *Thư ngỏ của Đảng Cộng sản Đông Dương gửi Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp ở Paris*, Văn kiện Đảng toàn tập, sdd, tập VI,tr, 117.

(13) Huỳnh Văn Tiểng, Bùi Đức Tịnh, *Thanh niên Tiền phong và các phong trào học sinh, sinh viên, trí thức Sài Gòn*, NXB Trẻ, TP.HCM, 1995, tr.110.

Nguyễn An Ninh - biên niên tiểu sử

15-9-1900: Sinh tại quê ngoại làng Long Thượng, tổng Phước Điền Thượng, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.)

Cha: Nguyễn An Khương, nhà nho yêu nước.

Mẹ: Trương Thị Ngự, "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" (được Nhà nước phong tặng năm 1995).

1900-1910: Sống ở quê ngoại. Học chữ Nho.

1911-1916: Sống với cha mẹ, học các trường Taberd và Chasseloup Laubat (Sài Gòn).

1916-1918: Học trường Cao đẳng Luật ở Hà Nội.

1918-1920: Học Luật tại Đại học Sorbonne (Paris, Pháp)

Hè 1920: Sau khi tốt nghiệp cử nhân Luật, về nước hỏi vợ, rồi qua Pháp trở lại để chuẩn bị Luận án tiến sĩ Luật.

1920-1922: Không làm luận án tiến sĩ, hoạt động yêu nước. Gia nhập Hội nhân quyền và Hội Liên hiệp thuộc địa. Viết bài cho báo *Le Paria*... Tham quan một số nước Tây Âu: Thụy Sĩ, Đức, Áo, Bỉ, Hà Lan...

3-10-1922: Về nước

25-1-1923: Lần đầu tiên diễn thuyết về "Chung đúc nền học thức cho dân An Nam" (bằng tiếng Pháp) tại hội quán Hội Khuyến học Nam kỳ.

2-1923: Đi Pháp (lần thứ 3)

8-1923: Rời Pháp về Sài Gòn.

15-10-1923: Diễn thuyết về "Cao vọng của thanh niên An Nam" (bằng tiếng Pháp) cũng tại hội quán Hội Khuyến học Nam kỳ.

10-12-1923: Ra báo *La Cloche Fêlée*" (bằng tiếng Pháp). Nguyễn An Ninh là chủ nhiệm kiêm chủ bút.

14-7-1924: Đình bản báo *La Cloche Fêlée* sau khi ra được 19 số.

1924: Viết cuốn *Nước Pháp ở Đông Dương* (bằng tiếng Pháp).

Cuối 1924: Kết hôn với Trương Thị Sáu, chủ tiệm may.

1-1925: Đi Pháp (lần thứ 4).

4-1925: In cuốn "Nước Pháp ở Đông Dương", phát hành tại Pháp 1.500 bản, đem về nước 150 bản.

25-5-1925: Diễn thuyết tại Hội quán Sociétés Savantes ở Paris về "Tinh thần dân chủ của dân An Nam".

6-1925: Cùng cụ Phan Châu Trinh, về nước.

24-11-1925: Tục bản báo La Cloche Fêlée với chủ nhiệm mới: Tiến sĩ - Luật sư Phan Văn Trường.

21-3-1926: Diễn thuyết tại cuộc mít tinh ở Vườn Xoài Xóm Lách (đường Lanzarotte)

24-3-1926: Lần đầu tiên bị bắt.

23-4-1926: Bị Tòa sơ thẩm kết án 2 năm tù về tội xúi giục dân chúng nổi loạn. Chống án.

6-5-1926: Báo *La Cloche Fêlée* đổi tên là báo *L'Annam* theo đúng thông báo trước đó của Ban lãnh đạo báo. Đưa cụ Phan về Hóc Môn để chữa bệnh. Cùng cụ Phan đi Trà Vinh. Cùng Mai Văn Ngọc thành lập tổ chức Thanh niên Cao Vọng.

8-6-1926: Tòa phúc thẩm giảm án còn 18 tháng tù.

7-1-1927: Được trả tự do sau gần 10 tháng ở tù Khám Lớn (Sài Gòn).

8-8-1927: Đi Pháp (lần thứ 5). Dự trại hè của sinh viên Việt Nam ở Pháp (tại Aix-en - Provence).

6-1-1928: Cùng Nguyễn Thế Truyền (cả vợ và con ông này) về Sài Gòn. Đưa Nguyễn Thế Truyền và vợ con về sống ở Hóc Môn một thời gian.

Từ tháng 2-1928: Cùng Phan Văn Hùm đi các tỉnh tiếp xúc tổ chức lực lượng Thanh niên Cao Vọng.

28-9-1928: Hai ông bị lính xét giấy tờ ở ga Bến Lức. Phan Văn Hùm cãi và đánh cai Trần Văn Nên. Hùm bị bắt. Nguyễn An Ninh lánh mấy ngày rồi đến nạp mình ở Phòng bồi thẩm, lại bị giam vào Khám Lớn (2-10-1928).

8-5-1929: Bị Tòa tiểu hình Sài Gòn kết án 3 năm tù giam, 5 năm mất quyền công dân và 1.000 quan tiền phạt về tội lập hội kín. Nguyễn An Ninh chống án.

17-7-1929: Tòa Đại hình xử phúc thẩm, y án sơ thẩm. Bị giam ở Khám Lớn chung với Phạm Văn Đồng.

3-10-1931: Ra tù sau 3 năm bị giam.

Cuối 1931: Tiếp đoàn nhà báo Pháp do bà Andrée Viollis dẫn đầu.

6-1932: Xuất bản cuốn *Tôn giáo*. Viết báo *Trung Lập* của Trần Thiện Quý (cùng với Nguyễn Văn Tạo).

24-4-1933: Ra báo *La Lutte* (đến 2-6-1933, được 4 số) cổ động cho Sổ Lao động ứng cử vào Hội đồng Thành phố Sài Gòn.

8-1933: Tiếp đoàn Pháp dự Hội nghị quốc tế bảo vệ hòa bình ở Thượng Hải (do Paul Vaillant Couturier, ủy viên trung ương Đảng Cộng sản Pháp, dẫn đầu) khi đoàn ghé Sài Gòn.

Đầu 1934: Tiếp đoàn Quốc tế cứu tế đỏ (do nghị sĩ Cộng sản Pháp Gabriel Péri dẫn đầu).

4-10-1934: Ra lại báo *La Lutte* (bộ mới từ số 5) do nhóm *La Lutte* chủ trì theo sự dàn xếp của Nguyễn An Ninh.

1936: Đề xuất tổ chức *Đông Dương Đại hội* và viết bài hiệu triệu đầu tiên ngày 29-7-1936 trên báo *La Lutte*.

28-9-1936: Bị bắt và bị giam tại Khám Lớn (lần thứ 3) với Nguyễn Văn Tạo và Tạ Thu Thâu. Nhịn ăn 11 ngày rồi nhịn uống để phản đối.

5-11-1936: Được trả tự do.

Cuối 1936 - đầu 1937: Viết cuốn *Phê bình Phật giáo*.

3-1937: Bút chiến với Tạ Thu Thâu trên tờ *La Lutte*.

7-5-1937: Có mặt ở Càng Long (Trà Vinh) cùng với Nguyễn Văn Nguyễn. Bị Pháp vu cáo là xúi giục dân chúng biểu tình. Thực dân Pháp ra 2 trát đòi Nguyễn An Ninh hầu tòa. Nguyễn An Ninh không chịu hầu tòa.

21-5-1937: Thống đốc Nam kỳ phát lệnh truy nã.

5-9-1937: Bị bắt tại nhà Hội đồng Võ Công Tồn ở Bến Lức. Bị kêu án 5 năm tù và 10 năm biệt xứ. Chống án. Án rút xuống còn 2 năm tù và 5 năm biệt xứ. Ngồi tù lần thứ 4.

Tháng 5-1938: Bà Nguyễn An Ninh xuất bản cuốn *Phê bình Phật giáo*.

18-2-1939: Mãn hạn tù, nhưng còn bị biệt xứ. Đưa vợ con xuống ở Mỹ Tho.

Tháng 4-1939: Theo đề nghị của đồng chí Minh Khai, Nguyễn An Ninh ra ứng cử Hội đồng quản hạt trong "Sổ dân chúng".

4-10-1939: Bị bắt (lần thứ 5).

27-7-1940: Tòa án quân sự xử kín, kêu án 5 năm tù và 10 năm biệt xứ.

10-12-1940: Bị đày ra Côn Đảo. Bị bệnh phù thũng.

14-8-1943: Hy sinh lúc 43 tuổi.

1-8-1980: Được Nhà nước truy nhận liệt sĩ.

(Dựa trên tư liệu của gia đình cụ Nguyễn An Ninh)

Phụ bản

Tính độc lập của dân tộc Việt Nam

Lịch sử đã chứng minh đầy đủ tính độc lập của dân tộc Việt Nam. Nước Trung Hoa biết rõ. Họ đã không thể thắng nổi nhân dân Việt Nam, mặc dù những cố gắng đôi khi quyết liệt, nhưng thông thường lại là kiên trì và đấu dịu. Khi sang xâm lược, người lính Pháp ắt cũng đã nếm được sức dũng mãnh của tính độc lập đó.

Cho đến hôm nay, dân tộc Việt Nam nào đã chấp nhận nền đô hộ của nước Pháp, cho dù đất nước của họ có bị chia cắt một cách hết sức tùy tiện ra thành ba khúc. Họ vẫn nhận thức, đầy đủ về khối thống nhất, nghĩa là ý thức rằng họ là một dân tộc.

Sự bất phục tùng đó, các ông thực dân biết rõ, cách đây sáu tháng, trong một phiên xử tại tòa án Sài Gòn, tôi đã nghe ông Chánh án tuyên bố để kết tội ông GAOUWSKY, một nhà báo hay ồn ào, ít được thực dân ưa chuộng. "Trước những người dân bản xứ, luôn hướng về nổi loạn ...v.v... và ...v.v...". Một khẩu súng lục, đưa "chui" vào trong nước đã làm cho cả tập đoàn người châu Âu phải hoảng sợ. Chánh phủ thực dân ở Đông dương nuôi dưỡng một bộ máy mật thám địa phương và liên bang khổng lồ. Tổ chức mọi phương tiện đàn áp tàn khốc, nhằm dìm trong

biển máu mọi cuộc nổi dậy, dù là nổi dậy hòa bình (không súng ống).

Bằng chứng: phong trào năm 1908, người ta đã xả súng bắn vào những đoàn người biểu tình tay không, chưa nói đến các cuộc thộn tính người mọi bằng cách dội bom từ máy bay xuống.

Suốt 70 năm đô hộ của người Pháp, các cuộc nổi dậy vẫn nối tiếp nhau không ngừng, cách khoảng đều đặn.

- Năm con hùm xám đã từng trừng trị phương Tây.

- Âm mưu lật đổ của Thầy Chim.

- Đề Thám, nhà yêu nước vừa là tướng cướp nổi danh vì những chiến công huyền thoại, cùng những người bạn chiến đấu đã rèn luyện cùng một trường hợp với Người.

- Giặc "búa rìu", giặc rựa.

- Phong trào do Phan Chu Trinh lãnh đạo năm 1908.

- Đông Kinh Nghĩa Thục.

- Quả bom Hà Nội.

- Vụ án Gilbert Chiếu.

- Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên.

- Loạn Phan Xích Long.

- Cuộc tấn công khám lớn Sài Gòn.

- Vua Duy Tân (vượt ngục) và gần đây quả bom nổ ở Quảng Đông, mà báo chí Trung Hoa đã khẳng định là do một người An Nam liệng.

Trong khi những người nông dân còng lưng trên mảnh ruộng và mong chờ thời cơ thuận lợi, để giành lại quyền độc lập bằng giáo mác, bằng tầm vông vạt nhọn, nhiều người Việt Nam khác, không sống nổi dưới chế độ thuộc địa, bỏ trốn ra nước ngoài và tự

hợp nhau lại, nhiều người nhẫn nhục ở lại trong nước nhưng từ chối không hợp tác với công cuộc thông tin. Ngay những người công chức An Nam vì cuộc sống bắt buộc, vì tinh thần yếu đuối buộc lòng phải phục vụ thực dân, vẫn háo hức trước những điềm báo hiệu ngày giải thoát giống nòi.

Chỉ còn lại có đám người đã từng làm bồi phòng hay thư lại trong các công sở, được chính quyền thực dân nâng đỡ lên một địa vị cao sang, những người An Nam đã ly khai với tư tưởng Khổng Mạnh, là ca ngợi công lao của nền đô hộ Pháp. Những người này đã cố chứng minh lòng trung thành của dân An Nam qua những cuộc tiệc với hai, ba trăm người dự, trong đó họ bắt buộc những người hội tề, cai tổng, phủ huyện đang nằm trong nanh vuốt của chính quyền thực dân, phải tham dự.

Nếu nhân dân có câm lặng hay nổi dậy, là vì họ đã chấp nhận luật chiến tranh, cái vinh quang thô bạo của người chiến thắng và sự nhục nhã của người chiến bại trên chiến trận, họ đã bị tước đoạt quyền sống, thì giờ đây, họ chỉ nghĩ đến việc giành lại quyền sống đó trên chiến trường mà thôi.

Cho đến mười năm gần đây, họ vẫn chiến đấu với sự giúp đỡ của những người điền chủ, do những sĩ phu lãnh đạo.

Ngày nay, trong đám họ, người thì cam tâm an phận, rút khỏi một cuộc chiến đấu không cân sức, kẻ thì chạy trốn ra nước ngoài.

Và nhân dân đành phải gởi gắm vận mệnh của mình cho một hạng người phiêu lưu, dốt nát, như Phan Xích Long, một người làm bồi cho Tây trước đây.

Chỉ vì dân chúng không có máy bay chở đầy bom đạn vì họ không có súng đồng, súng máy, ngay cả một khẩu súng trường cũng không, họ phải tin vào bùa chú để che chở cho họ chống đỡ lại súng gươm, dù như thế, họ vẫn xông lên, vững tin nơi các thần linh, một lòng hướng về cuộc chiến đấu chống bất công, bất chấp cả súng đạn, các súng máy đang chực sẵn, rình núp trong rừng, trong bụi rậm kia đang chờ đợi họ. Cuộc nổi dậy của dân chúng đã đi đến một tình trạng như vậy đó, cách bạo loạn mù quáng đó, những quan niệm đấu tranh lạc hậu, đã bị giới có ăn học theo Pháp lên án, kể cả các sĩ phu. Nhưng viên đạn bỉ ổi nào có phân biệt được thiện ác.

Trong một cuộc chiến đấu không cân sức, người có chánh nghĩa về mình, có ý nghĩ cần phải nổi dậy, để cho định mệnh phán quyết.

Trong một cuộc chiến đấu không cân sức, mà kẻ có chánh nghĩa lại hoàn toàn lâm vào thế kẻ bại trận, thì bạo lực mù quáng cũng chỉ là khí giới của một kẻ tuyệt vọng.

Chống trả lại một tổ chức đàn áp hiện đại ta phải có một tổ chức kháng cự hiện đại.

Khi một dân tộc đã bị dồn đến tình thế không còn có sự lựa chọn nào khác hơn là: chết hay là nô lệ, thì chống trả lại tử thần là thể hiện tính hàng cường, người ta chỉ lên án bạo lực khi nó chưa cần thiết, nhưng trong trường hợp đó là con đường duy nhất, thì ai cũng phải chấp nhận nó. Nếu quần chúng phải đương cự với tử thần còn hơn là chấp nhận sự bất công, nếu những người thực dân không chịu từ bỏ chính sách đàn áp và bóc lột tàn tệ, thì những người

An Nam biết hy sinh và can đảm phải biết nghĩ đến những phương pháp đấu tranh thích hợp với thời cuộc, phải biết tổ chức một cuộc chống trả (kháng chiến) có khả năng đánh lại cuộc đàn áp. Người tù cấm cố, khi vượt ngục không thể nghĩ đến cái chết sẽ đeo đuổi mình trong quá trình chạy trốn. Tên bù nhìn của nước Nhật đế quốc, không đủ để thuyết phục người An Nam nên từ bỏ cuộc đấu tranh cho Tự do.

Tuy vậy, khi quần chúng đã nổi dậy, là chỉ vì sự đàn áp đang đè nặng lên họ, chớ không phải vì căm thù kẻ ngoại bang. Họ đã theo Phan Chu Trinh để tranh đấu chống bọn quan lại suy đồi. Ông A. Lanaul, là Toàn quyền Đông dương trước đây, đã từng được cảm tình của dân chúng trong một thời gian, nhờ đã khéo nói dối và giả tạo. Bằng chứng khác, là người nông dân An Nam không hề tha cho cả anh em ruột của mình, nếu họ ăn ở bất công. Chỉ cần có một chánh phủ biết quan tâm đôi chút đến công lý là sẽ dễ dàng làm lắng dịu mọi ý đồ nổi dậy. Một dân tộc như vậy sẽ sẵn sàng nắm lấy mọi khả năng và thuận lợi của một cuộc tiến hóa, mở đường đến tự do chánh trị dưới chủ quyền của nước Pháp, tất nhiên là với điều kiện chính quyền đó phải biết tỏ ra trung thực và rộng rãi.

Suy nghĩ của tuổi trẻ học Pháp ngày nay là như vậy đó. Họ ưa thích những (phương pháp ôn hòa), phương tiện hòa bình, muốn cố gắng dung hòa giữa quyền lợi thực dân và nguyện vọng của dân An Nam. Nếu chừng hai, ba năm nữa họ nhận thức ra rằng những cố gắng của họ không mang lại lợi ích gì thì họ sẽ

đành im lặng tiếng để nhường bước lại cho những người khác có lợi hơn cho dân tộc An Nam. Trong những năm gần đây, mặc dù những người thực dân đã cố làm mọi cách để kềm hãm người An Nam trong đất nước của họ, dưới sự thúc đẩy của phong trào đưa thanh niên châu Á tìm đến với châu Âu. Nhiều người An Nam đã sang được đến nước Pháp để quan sát cuộc sống châu Âu, và bí quyết của sức mạnh vật chất của châu Âu, theo như họ đã nói.

Họ đã mang về (nước họ) những tư tưởng dân chủ châu Âu, ý thức phê phán của châu Âu, một sức sống đã được ngọn gió Tây phương làm sống lại. Họ cũng đã nhận được từ tay của người Pháp, bản kết án chế độ mà thực dân đã áp đặt cho Đông dương.

Bọn thực dân không thể ngăn cấm họ đọc Montesquieu, Rousseau và Voltaire. Nhiều người trong bọn họ đã ra mặt và khẳng định ý đồ của họ là làm cho quần chúng từ bỏ những hy vọng trả thù bằng bạo lực, muốn lôi họ sang một con đường khác, một mảnh đất chiến đấu mới. Họ thuyết phục nên đòi hỏi các quyền tự do sơ đẳng nhằm bảo vệ phẩm giá con người, đòi hỏi những cải cách dung hòa ý tưởng dân chủ của dân An Nam với những tư tưởng châu Âu. Họ không chấp nhận luật chiến tranh như quần chúng đã chấp nhận. Họ không chiến đấu bí mật và chỉ vì lòng yêu nước – họ chiến đấu công khai, nhân danh những tư tưởng nhân đạo và các nguyên tắc của năm 1789. Và những người thực dân không còn dám đưa vào lý do để bảo vệ chủ quyền của nước Pháp đang sợ đe dọa, mà đẩy những người An Nam đó vào ngục tối hay đến giá treo cổ.

Như thế, là báo hiệu cho sự thất bại không tránh khỏi của chính sách người bóc lột người ở Đông dương, chính sách... của hạng con buôn gian xảo phải bán rẻ vì thấy cuộc thất bại đã gần kề vì rằng, thế lực đàn áp, điên cuồng vì sẽ ngoan cố trước những tín hiệu báo trước sự kiện sắp xảy ra, cũng lồng lộn trên miếng mồi đang dãy dụa. Chừng đó sẽ là một tai họa chung trong đó nước Pháp sẽ mất hết danh dự lẫn quyền lợi của mình, và sứ mạng khai hóa của châu Âu, sẽ lộ ra nguyên hình, và lúc đó, nước An Nam mặc dù trải qua bao nhiêu khổ nhọc, bao nhiêu hãi hùng sẽ thoát ra tự do hơn, để hoàn thành vận mạng của mình. Hoặc giả, nước Pháp cộng hòa sẽ đến với Đông dương, để thay thế cho lũ người thực dân, được như vậy, thì không những quyền lợi mà cả danh tiếng của nước Pháp cũng được cứu vãn.

Cách đây 15 năm, bọn thực dân đã viết trong báo chí của họ, để trả lời cho những khiếu nại của những người họ đang áp bức, rằng: "Nước Pháp không đến đây với thanh gươm luật pháp, mà chỉ mang sang đây có mỗi thanh gươm".

Theo tôi, sau 70 năm đô hộ và gieo ảnh hưởng của Pháp đến nay, khi mà đất Nam kỳ này đã được tuyên bố trở thành đất Pháp rồi, thì người An Nam có quyền đòi hỏi nước Pháp, mang đến cho xứ Đông dương, pháp luật và một thanh gươm để phục vụ cho luật pháp đó.

Dung hòa giữa lý tưởng cộng hòa Pháp với ý thức dân chủ của một xã hội xây dựng theo tư tưởng Khổng Mạnh, không đi trước sự tiến hóa tự nhiên, như những người thực dân đã cho ta hiểu như vậy. Phong trào giải phóng ở Á Đông không theo những luật lệ bất

buộc cho sự tiêu hóa chậm từ một xã hội nguyên thủy đến một xã hội châu Âu văn minh. Phải hết sức "thực dân" theo nghĩa ngu xuẩn nhất của nó, mới nghĩ đến sứ mạng khai hóa của những người châu Âu đã chiếm Đông dương làm thuộc địa.

Ở Ấn Độ, khi tuyên bố về sứ mant khai hóa của châu Âu, đã gợi nơi Tagore, ý thức về một sứ mạng khai hóa của châu Au ở Trung Hoa, thanh niên Trung Hoa đã du học ở châu Âu, đã nêu vấn đề trên báo chí, như một thách thức đối với châu Âu: "Các ông có thể cho chúng tôi biết ở nước các ông có văn minh hay không?".

Người ta nhận xét về chính sách thực dân ở Đông dương như sau:

1/ Nước Pháp ở Đông dương không những không áp dụng những nguyên tắc lớn mà họ đã tuyên bố, mà lại còn phá hủy ý thức dân chủ của xã hội Việt Nam.

2/ Khi nước Pháp ban bố tự do và quyền công dân Pháp cho những người, hôm qua, vẫn hãy còn là nô lệ, họ đã áp đặt ở Đông dương một chế độ nô lệ cho một dân tộc tự do, dân tộc đó đã có một nền văn minh khi mà ở nước Pháp, con người vẫn hãy còn sống theo kiểu các thị dân ở trong chốn đầm lầy.

LA FRANCE EN INDOCHINE
Paris tháng 4-1925

Trước thềm năm mới

Ta đang đứng trước thềm sắp bước vào năm mới. Trong chốc lát, ta có thể quên đi, vứt bỏ những nhọc nhằn, đau khổ của năm qua, trui rèn sinh lực, để bước vào năm mới.

Tổ tiên ta sáng suốt khi cho chúng ta bảy ngày nghỉ ngơi, bảy ngày gia đình đoàn tụ vào dịp Tết.

Đối với những cái đầu nóng bỏng, của những kẻ sống trên lưng người khác, khai thác công sức lao động kẻ khác, thì bảy ngày có lẽ quá dài. Bảy ngày, ôi sao thật dài biết bao đối với cái hạng người chỉ biết nghĩ đến lợi nhuận hàng ngày... mà những con người "máy móc" phải mang đến cho họ.

Ở châu Âu đã từ lâu, người ta quen nhận xét giá trị con người qua sức mạnh của cơ bắp, của đôi tay.

Ở châu Á không quên được bao nhiêu nhọc nhằn, đau khổ trong cuộc sống của mỗi người, càng nặng trĩu đau buồn hơn đối với những ai mà lao động nhọc nhằn lại không phải là cho mình và cho những người thân.

Ngày Tết được đặt ra để tránh cho con người khỏi vòng lo âu hằng ngày và bao phủ họ trong tình yêu thương tốt đẹp nhất trong vòng 7 ngày.

Mỗi lần cuối năm, Tết đến đánh dấu một giai đoạn và tâm hồn ta lắng dịu xuống cho vơi hết nỗi sầu

thương lo sợ hằng ngày, và con tim được tắm mát trong nguồn yêu thương, trên đó, mang lại cho con người đủ sức mạnh để nắm vững lấy tay chèo, trút hết gánh ưu phiền cuốn trôi theo dòng đời.

Ngày Tết vừa qua đi. Chúng ta đã dừng chân để quên đi những tấn kịch phiền toái đã làm xáo động đời ta. Giờ đây ta lại dấn bước, không hề nuối tiếc khoảng thời gian ngắn ngủi để nghỉ ngơi đó. Chúng ta biết rằng trong lịch sử nhân loại, thời giờ để nghỉ ngơi rất hiếm và những tâm hồn vĩ đại không phải nhờ nghỉ ngơi mà sản sinh ra được. Chúng ta cũng biết rằng thời nhiễu loạn đau khổ luôn nhiều hơn thời yên tĩnh. Và do đó cái lặng lẽ quanh ta hôm nay, khổ thay nó chỉ bình thường đối với những con người mê muội, đang vùi trong giấc ngủ say của một xã hội đã quên đi quá khứ.

Anh em hãy nhìn dòng thác lũ đã mạn. Đừng để cho sức mạnh hung tàn chìm đắm chúng ta. Mọi thứ đó sẽ trôi nhanh như những gì là bạo lực. Đừng để cho dòng nước xoáy làm chúng ta mù quáng. Hãy giữ tâm hồn bình tĩnh và sáng suốt để cứu vãn những gì còn sót lại ra khỏi dòng nước cuốn.

Và giờ đây chúng ta mạnh dạn lao vào công việc! Mong sao một dòng tình thương thôi thúc chúng ta đứng lên bảo vệ tự do, lý trí và niềm tin nơi tương lai đất nước; Hỡi những ai đang âm thầm chịu đựng áp bức và đau khổ nhưng biết nuôi dưỡng niềm hy vọng. Hãy dũng cảm lên, đưa cuộc chiến đấu đến thắng lợi, cần xác định rõ mục tiêu chiến đấu của chúng ta là chống hận thù, dốt nát, chống bất công, bóc lột, chống lại sự nghèo đói đau khổ, tai họa mà chính

con người đã gieo cho con người.

Thế giới đang chìm đắm trong vực thẳm đau thương. Người cầm bút chúng ta cần thấy rõ nhiệm vụ của mình, đừng gieo thêm đau khổ vào đống khổ đau chồng chất, đừng gieo thêm hận thù trên giòng sông thù hận đang sục sôi.

Có người bạn Pháp hỏi tôi "về mối thù hằn dân tộc" mà nhiều tờ báo đã nêu. Tôi đã giải thích cho các bạn Pháp yên tâm.

Ở Á Đông từ xưa tới nay, người ta đã quen xưng hô với nhau là anh em.

Tuy vậy, vẫn còn có người lo lắng. Động cơ xử sự của họ trước đây không vì tình thương đồng loại, cho nên họ rất sợ một ngày nào đó, cuộc báo oán sẽ nổ ra, chống lại họ.

Nhưng ta khuyên họ hãy yên tâm. Nhưng vì lương tâm họ không yên thì họ cứ mãi sợ một ngày mai chân chính.

Người Á Đông chúng tôi có rất nhiều người mang tâm hồn rộng rãi, cao thượng đủ sức để thông hiểu rằng những kẻ bất chính, tung tàn cũng chẳng qua họ là nạn nhân của một nền văn minh, cái nền văn minh mà Ngài Tagore đã từng lên án trước trường Đại học Hoàng gia ở Tokyo: "Nền văn minh châu Âu chỉ là một chiếc máy nghiền. Nó tàn hại các dân tộc bị nó xâm chiếm, nó hủy diệt mọi chủng tộc dám cả gan gây cản trở trước bước đường xâm lược của nó. Đó là thứ văn minh của bọn ăn thịt người, áp chế kẻ yếu để làm giàu trên lưng họ. Đâu đâu nó cũng gieo sự ganh ghét và hận thù, đâu đâu nó cũng vơ vét sạch. Là một nền văn minh khoa học nhưng

nó lại vô nhân đạo. Nó trở nên hùng mạnh nhờ tập trung mọi sức lực vào mục tiêu duy nhất là làm giàu. Dưới chiêu bài yêu nước. Nó lật lọng, tung ra màng lưới dối trá mà không thấy tự hổ thẹn. Nó dựng lên những vị thần khổng lồ, dáng ghê tởm trong các đền thờ, đó là thần "Lợi nhuận", vị thần duy nhất mà nó tôn thờ

Và nền văn minh đó đã sang ngự trị bên nước ta. Tôn thờ đồng tiền bắt mọi người phải làm nô lệ cho đồng tiền. Chúng ta đã thấy nhiều tên bịp bợm cỡ bự, mang chiếc "mặt nạ ngây thơ" hay "đạo đức" đi giữa và trà trộn trong chúng ta, núp dưới tấm màn thân thiện. Chiếc mặt nạ đã che giấu những hành vi đốn mạt.

Ta đã thấy những lương tâm bị mua chuộc, tha hóa, xấu xa. Ta đã thấy những con người vứt đi những phẩm chất cao đẹp của nòi giống, phẩm chất ban sơ của loài người để từ bỏ Tổ quốc, phản bội lại anh em.

Ở đây như ở châu Âu, đều có những nhà độc quyền ngành tài chánh, hay những ngành công nghiệp lớn. Họ là những ông vua không cần phẩm tước, không cần chức vụ, nhưng núp sau hậu đài, họ lợi dụng những bản năng thấp kém của con người để phục vụ quyền lợi bỉ ổi của họ.

Thực ra từ ngàn xưa, đồng tiền vẫn đã chế ngự con người. Nhưng mãnh lực của nó hãy còn yếu so với ngày nay, khi nó được khoa học và mối quan hệ chặt chẽ giữa các dân tộc làm mâu thuẫn.

Nếu như tiếp xúc với nước Pháp, nước An Nam ta không được lợi lộc gì, thì thà rằng cứ ngây thơ ấu

trĩ, dốt nát, nai lưng trả phí tổn cho các nàng hầu bọn quan lại, còn hơn để cho nó bị đồng tiền chi phối đến mất hết phẩm giá, để cho nó bị bọn diều hâu tống tiền một cách khoa học và có hệ thống để thỏa mãn lòng tham, không đáy của chúng.

Nhưng đó cũng chưa phải là việc đáng buồn nhất. Trí tuệ con người, niềm tin duy nhất còn lại của chúng ta đã bị biến thành nô lệ.

Hiện tình đất nước đúng theo như lời ông Charles Maurras: "NHÀ NƯỚC – ĐỒNG TIỀN" cai trị, mạ vàng và tô điểm cho trí tuệ, nhưng nó cũng bịt miệng và ru ngủ trí tuệ. Nó có thể không cho trí tuệ thừa nhận chân lý chánh trị và khi nó đưa ra một "chân lý" thì mọi người đều phải nghe theo.

Như vậy, làm sao đất nước hiểu được nhu cầu của mình, khi những người nắm được nhu cầu đó bị buộc phải im lặng hoặc phải nói láo hay bị cô lập.

Ví dụ ngành báo chí nước ta mà ta hay gọi là "giới ưu tú" biết suy nghĩ "thử hỏi trong giới nhà báo, mấy ai quan tâm đến đất nước, quan tâm đến vận mệnh này?

Người ta chỉ biết phỉnh nịnh những ông chủ nhất thời. Người ta đâu dám để ý tới những người như ông Candelier đến đây để cạy tủ sắt của người An Nam.

Có tờ báo nào dám tự xưng là báo của người An Nam, ai có đủ can đảm xác định báo chí hiện nay là báo của Nam kỳ, bày tỏ những đau khổ, ước muốn, nguyện vọng của hơn ba triệu nhân mạng xứ này?

Và dù cho có nhà báo mà chỉ có một nhúm gần một trăm độc giả, thì làm sao khẳng định được là họ đại

diện cho một tầng lớp, cho quảng đại quần chúng. Còn các ông nhà báo tự xưng mình là đại diện cho một dân tộc xa xôi, họ chỉ là những con chó bị xích cổ dẫn đi để tô điểm thêm cho cái đoàn diễn hành của các ông vua tài chính. Họ không còn đủ tư cách để đại diện cho chính bản thân mình.

Chúng ta có một nhà báo Nam kỳ dám tự xưng là đại diện cho cả Đông dương. Ông ta không đủ tư cách đại diện ngay cho mấy ngàn cử tri đã đi bỏ phiếu cho ông ta.

Không! Chúng ta cần nhận thức rõ ràng không ai tính đến chúng ta, dù cho chúng ta chiếm đại đa số. Trong đầu các ông đầu cơ từ châu Âu sang, ngay dân tộc ta cũng không bao giờ được họ nhắc tới.

Nên nhớ rằng, một dân tộc dù đông cũng chỉ là con số không. Nó không có, nó không được ai kể tính đến, ngày nào mà bàn chân của người ngoại quốc còn ngang nhiên chà đạp lên mảnh đất nhà của chúng ta.

Hãy nhớ lấy điều đó, dù rằng nó thực sự đau xót. Nếu như họ đủ can đảm tránh cho chúng ta những lời phỉnh phờ giả dối, có khi nỗi khổ tâm của chúng ta sẽ vơi đi được phần nào. Anh em ta cần nhận thức rõ là ta chỉ nên trông cậy vào chính mình mà thôi. Một dân tộc chỉ được côngnhận khi bản thân nó phải tự nhận thức đầy đủ và tự khẳng định mình.

Mỗi năm trôi qua, chồng chất thêm món nợ của chúng ta đối với tiền nhơn, đối với quê hương.

Mạnh dạn thanh toán nó đi. Ngay từ giờ phút này, đừng phải đợi đến ngày mà ta không còn sức trả nổi...

Bởi vì như anh em đã thấy đó, ngay từ hôm nay dân ta đã không có đủ để no lòng.

LA CLOCHE FÊLÉE, *số 9*

Thứ hai, 11-2-1924



Bằng "Tổ quốc ghi công" do Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký, truy tặng liệt sĩ Nguyễn An Ninh

Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Nguyễn An Ninh tháng 9/2000



Tiếng chuông rè

Thế là người sống lại rồi, tờ LA CLOCHE FÊLÉE dũng cảm!
Ta tin rằng người đã chết, ta thấy người lại hồi sinh.
Có vẻ mạnh mẽ hơn từ giấc mơ Niết Bàn, mà ngày hôm qua những
biện pháp hành chánh bất công,
Đã nhận chìm người, làm rung chuyển những nhà in tốt đẹp
của chúng ta, rung chuyển ruộng đồng từ Cà Mau đến tháp Angkor.
Thực ra họ có lầm không?
Bởi vì, ở đây cũng như ở Pháp, lý lẽ của kẻ mạnh hơn, chẳng phải
là sự "tự do ngôn luận" tốt nhất.
Tiếng chuông rè vừa cất tiếng ngân thì tiến sĩ Cognucq nhổm dậy!
- Ông Đại úy, tôi vừa nghe gì thế? Âm thanh mới nào
mà dám phá hoại sự hòa hợp của báo chí hiền lành của tôi thế?
Từ dinh thự của Lagrandière, hãy tăng gấp đôi quân lính tuần phòng
Hãy canh chừng những kết quả! Người ta cứ tìm những người nổi loạn
- Thưa ngài, chính "cái chuông rè" này chưa bị bịt

mõm.
Tiếng của nó khó chịu vì lẽ nó bị rè.
Và báo cáo cuối cùng của cơ quan an ninh của Ngài
ngày hôm qua còn nói, và đó là sự thật.
rằng người đánh tiếng chuông đầu tiên ký tên là
Nguyễn An Ninh.
Thưa ngài, không ai khác hơn là con của Lénine.
Tên thứ hai ký tên là Dé Jean de la Bâtie,
một người Nga, xin chúa hãy tha tội, hắn là con của
Trotsky.
Cả hai đều nhiệt tình thay nhau đánh chuông.
Những sự hỗn loạn đầu tiên của một hiểm họa sắp
tới.
đã âm vang trước cửa của Ngài... Ồ xin Ngài đừng
hoảng sợ.
Hai ngàn cu-ly xe kéo vũ trang bằng "căm" xe đạp
- Mẹ kiếp! Sao! Tôi muốn nó phải chết
Ngươi hãy báo ngay cho chủ nhà in của nó!
- Thưa ngài, nó đã rời khỏi nhà in Ardin
Hôm nay nó giộng chuông tại 19 Pierre Plandin.
. . . .
Cứ thế ba lần, vào lúc phát hành
"La Cloche Fêlée" tội nghiệp, người ta làm cho ngươi
biến mất
Ba lần ngươi tái sinh, ba lần ngươi kiên trì
Cái chết của ngươi lại biến thành lễ phục sinh
Các "Soeur" nhà thờ chính đạo cứ làm thế mỗi năm
khi lễ phục sinh đến, vào những đêm đen tối
Rồi cái chuông nhỏ và người giữ đồ thánh của họ,
tất cả đều đi tới Rome trong buổi hòa tấu đồ sắt.
Ta chào ngày ngươi sống lại. Ồi cái bình đất

dám to gan chống lại với cái bình sát
Ngươi dám rung lên bài ca với tất cả tâm hồn
vào những sáng mờ sương trên khoảnh đất An Nam
bằng những tiếng keng keng ngân ra từ vết nứt
Gieo hạt giống tốt trên đất đã bừa xới kỹ
Đối với những tên "bồi" tầm thường gọi ngươi là Cộng sản, Phát xít,
vô thần... và thậm chí là theo nhất nguyên luận
Ngươi hãy gióng vào sát tai chúng buộc chúng nghe cho rõ
"Rằng chuông ngân vang để vạch mặt bọn vô loài
Những kẻ cho rằng ở đây dưới bóng cờ "tam sắc"
Để yêu nước Pháp, phải trở thành ăn trộm.

LA CLOCHE FÊLÉE, số 12
Thứ hai, 31-3-1924



Cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đến thăm gia đình Nguyễn An Ninh nhân ngày giỗ kỵ

Cố vấn Võ Văn Kiệt – Nhà nghiên cứu Bạch Đằng – Nhà giáo Nhân dân Trần Văn Giàu đến thăm gia đình Nguyễn An Ninh nhân ngày giỗ kỵ



Chủ nghĩa yêu nước của người An Nam

Ngày mai, ngày 3-6 năm nay tại An Nam sẽ mừng Quốc Khánh nước này được thành lập theo nghị định của quan Toàn quyền Đông dương năm 1918.

Cho nên thật đúng lúc để tìm hiểu một cách vắn tắt những suy nghĩ rất chí lý gần đây trong hai bài xã luận có tựa đề: Người bản xứ và nghĩa vụ quân sự. Thật là dễ chịu đối với người nào mới đọc tờ báo của Nhà xuất bản Đông dương khi nhấn mạnh sự hòa hợp trên bình diện này giữa tờ Tiếng Nói và chúng tôi là những người thường khác nhau về ý kiến và thái độ riêng của mình.

Tờ Tiếng Nói của người An Nam nhận thấy và chính chúng tôi cũng nhận thấy ngày nay chủ nghĩa quốc gia gần như là không có, ít ra là xét theo bề ngoài. Lưu ý và nói lên điều đó thì đáng buồn thật nhưng đó là thực tế.

Người An Nam ngày nay nhìn xem một cách dửng dưng người đồng bào của mình bị người nước ngoài đánh. Người An Nam đi tới hàng quán của đồng bào mình hay của một người nước ngoài để mua bán một cách dửng dưng. Hơn nữa, tuy hiếm, nhưng còn có những người Đông dương xem những người Đàng Ngoài (Bắc bộ) như là những giống người nước ngoài

và ngược lại. Người ta sẽ có thể đặt vấn nạn vụ người An Nam tẩy chay người Tàu năm 1919 là một sự biểu lộ tình đoàn kết tốt đẹp giữa người An Nam miền Bắc, miền Nam và miền Trung, chắc chắn như thế. Nhưng phong trào này thì ngắn ngủi và ngoài một vài kết quả lâu dài và đáng khích lệ mà người An Nam có được trong lãnh vực kinh tế bên cạnh những ảo tưởng cao giá, phong trào không có ảnh hưởng gì đến hiện tại. Mới vừa bắt đầu, phong trào đã có số phận của mọi mưu toan kém suy nghĩ. Người An Nam là đứa trẻ tốt bụng. Nó tự buông lỏng rồi quên đi những lời chửi rủa và hòa giải với kẻ thù của ngày hôm qua. Không có hiềm thù gì cả, nhưng có sự an bình. Tiếng An Nam chẳng gồm có chữ an có nghĩa là hòa bình, an bình đó sao?

Hòa bình, sự an bình này là điều mà nước An Nam mong ước và yêu thích hơn cả, thậm chí có hại cho sự tiến triển của đất nước. Thật là rủi ro; đối với đất nước, mỗi một biến cố trắc nghiệm trước đây được ghi chép trong quyển sách định mệnh và những cố gắng của con người cũng không thay đổi được gì cả. Người theo truyền thống gìn giữ cho đất nước những phong tục tập quán của tổ tiên mà không nhận thấy những thiếu sót và không tìm cách thay đổi để thích nghi với những yêu cầu mới.

Đàng khác, tình trạng này thì phổ biến đối với các dân tộc ở châu Á ảnh hưởng giáo lý của Phật và Khổng Tử, chắc chắn là dựa trên một nền luân lý cao nhã, nhưng sự cứng nhắc và sự hẹp hòi đã làm cho các quốc gia châu Á trong nhiều thế kỷ dài bị đông cứng trong nền văn minh cổ xưa của họ. Cho tới nay, trong số các quốc gia này chỉ có nước Nhật

đã có thể vượt ra được những sợi dây ràng buộc của quá khứ một cách vinh quang trong khi thích nghi nền văn hóa châu Âu mà không loại bỏ cái tốt nhất của nền văn hóa quân phiệt riêng biệt của mình.

Dưới sự bảo trợ của nước Pháp, nước An Nam mới chỉ tiến được một bước rụt rè trên con đường này. Hiện tại An Nam đang đi qua một thời kỳ chuyển tiếp khó mà tiên đoán được (kết cục) trong hoàn cảnh bây giờ. Những truyền thống của đất nước đã mất đi ý nghĩa tinh thần và biến thành thủ cựu.

Người An Nam sùng bái người chết là những người trói buộc người sống vào mảnh đất mà tổ tiên của họ đã nằm xuống và lập bàn thờ họ. Nhưng người An Nam không còn xem trọng việc thờ cúng như xưa nữa. Và chính vì nguyên nhân này mà cột trụ chính của tòa nhà chủ nghĩa quốc gia của An Nam không còn cái vẻ đồ sộ nữa.

Thêm vào đó, giới trẻ An Nam không được dạy về lòng yêu nước và quyền công dân. Trong các trường chính thức, người ta có khuynh hướng theo những chương trình rập khuôn những chương trình của mẫu quốc. Một thí dụ cổ điển đó là trẻ em bản xứ nói: "Đất nước đẹp đẽ của ta là nước Pháp và tổ tiên của ta là người Gaulois".

Đúng là người ta đã thay đổi việc dạy lịch sử nước An Nam cho con cháu những người Giao Chỉ, nhưng việc đó được xoay chuyển theo chiều hướng gần như chỉ có chứng minh sự cần thiết của việc Pháp can thiệp với đất nước này. Người ta thấy trong đó có nhiều những sự tố cáo các vua An Nam là thủ phạm của tội ác chống lại sự cai trị của châu Âu bằng những phương tiện yếu kém của mình. Đến nỗi các

học sinh đi đến chỗ có ác cảm với tổ tiên của mình mà không có khả năng bảo vệ và gìn giữ đất nước. Cũng thế đối với việc dạy địa lý, học sinh bản xứ cố gắng hết sức nhồi nhét vào trí nhớ cho thuộc lòng mục lục các tỉnh của Pháp với những ông tỉnh trưởng và phó tỉnh trưởng, trong khi đó đa số các tỉnh lớn ở Đàng Ngoài (Bắc bộ) và ở Đông dương thì lại không biết. Học sinh biết những vùng nào của nước Pháp trồng lúa mì, những vùng nào trồng nho hay hấp, những vùng khác về công nghiệp tơ lụa, v.v... nhưng những tài nguyên và những sản phẩm của tỉnh nhà thì lại không biết.

Tóm lại, người An Nam không học cho biết quyền lợi và nhất là yêu mến quyền lợi đó: nhà trường không dạy cho họ những bổn phận đối với quê hương, sự cao cả và sự phồn thịnh của quê hương là nơi họ sẽ phải làm việc sau này; thầy giáo không ghi vào tâm trí họ những tình cảm làm cho họ thành con người sẵn sàng đổ máu để bảo vệ đất nước của mình. Dường như những yêu cầu của chánh trị là việc cuối về sự khác thường này. Sợ phương hại đến chủ quyền của Pháp, người ta không dám đào tạo trong các nhà trường những người biết suy nghĩ. Người ta định tạo nên những kẻ tay sai, vừa đủ khả năng để thi hành một cách tự động những mệnh lệnh của chủ và vâng lời như là những tên nô lệ vậy. Dĩ nhiên là thích hợp đối với những kẻ cai trị vì trên những con người máy, điếc, mù, câm theo ý của ông chủ.

Trong khi đó, nhiệm vụ của thế lực bảo hộ thì ít khó khăn hơn và cao thượng hơn. Nó bao gồm sự tiến lên của dân tộc bầy tôi hướng đến sự phồn thịnh của các quốc gia tiên tiến, sự giải phóng và sự khẳng

định dần dần mỗi một cá nhân. Chỉ bằng cách hướng hành động của mình theo chiều hướng này, nước Pháp chính thống mới chinh phục và bảo chữa được sự cai trị của mình. Sứ mạng giải phóng này dĩ nhiên bao gồm những sự nguy hiểm. Nhưng nước Pháp thực dân sẽ có vinh dự đôi khi làm ngược lại những lợi ích vật chất của mình. Điều cốt yếu đối với nước Pháp đó là thành thực đối với chính mình và làm việc không có hậu ý cho lợi ích của những dân tộc nhỏ bé theo chủ nghĩa duy tâm và truyền thống nhân đạo của mình.

E. De Jean de la Bâtie

La Cloche Fêlée, 17

2-6-1924

Thời ấy hãy còn xa

Số báo này sẽ là số cuối cùng. Chuông Rè rồi đây không còn ra nữa. Vì sao? Bởi vì trong số 600 người đặt mua báo, 400 người đã không thanh toán đủ tiền đặt báo, trong số 200 người còn lại, thì chỉ có 100 người đã trả đủ tiền đặt báo cả năm.

Và, vì rằng Giám đốc tờ báo không phải là một nhà triệu phú, cũng không phải một nhà đánh cược tiền ngân hàng hay gặp nhiều may mắn, vì tầng áp lực của chính quyền đối với các nhà in tại Sài Gòn đã bắt buộc báo Chuông Rè phải tự trang bị cho mình một nhà in riêng, do đó một phần lớn nguồn vốn của tờ báo lại phải bị ngưng đọng một cách vô ích, vì tờ báo cũng không thể sống bằng những tin rao vặt hay bằng tiền trợ cấp của chánh phủ dành cho những "con vịt" loại khác hơn cho nên trong điều kiện đó, mặc dù Giám đốc tờ báo và các cộng sự cũng đã hết sức kiên trì và cố gắng, tờ báo cũng không thể duy

trì lâu hơn nữa.

Và bây giờ, người An Nam ta cũng không thể cất tiếng ta thán chánh quyền này, vì chánh phủ có đập nát Chuông Rè đâu nào?

Thực ra, chánh phủ đã làm đủ cách để bóp chết con vịt khó lòng này. Chánh phủ đã "giương oai" của mình đến các nhà in tại chỗ để ngăn cấm họ in báo "chuông" ngay từ số đầu. Nhưng "chuông" đã tự mình lên một nhà in riêng. Ông Tiến sĩ Cognacq lại hăm dọa chúng tôi đủ cách, ông còn đòi pháp luật phải truy tố chúng tôi, nhưng không hiệu quả.

Người ta lại xúi anh bạn láng giềng của chúng tôi đâm đơn kiện chúng tôi, vì lẽ nhà in chúng tôi đã làm náo động cả xóm trong khi nó chỉ hoạt động có hai giờ trong một tuần lễ. Nhưng anh láng giềng khó tính lại tự cho mình là đã "vì lẽ phải". Cái phương án bảo thủ đã tan vỡ. Chúng tôi còn nắm nhiều bằng cớ về những việc người ta buộc những người đặt báo chúng tôi phải cắt không đặt báo nữa, thậm chí một ông tỉnh trưởng, đã vi phạm quyền thư tín, xé thư chúng tôi để xem cho rõ tên họ các bạn bè, các độc giả của chúng tôi.

Nhưng, mọi chướng ngại, mọi ngăn cấm mà chính phủ cố tình đặt ra trên đường đi của chúng tôi, chúng tôi đều đã san bằng được hết.

Nhưng rồi hôm nay, chúng tôi lại cũng phải hết sức đau buồn mà thú nhận rằng chính đồng bào của chúng tôi đã làm tê liệt, đã đập tan sức mạnh của chúng tôi chỉ vì lười nhác, vì không biết kháng cự lại khó khăn.

Thực ra, theo chúng tôi nghĩ việc mua và gởi một

ngân phiếu để đặt tiền báo cho chúng tôi còn đòi hỏi ít công khó nhọc hơn là gởi cho chúng tôi hàng trăm bức thơ, tuôn ra những lời khen ngợi ca tụng để làm cho chúng tôi tràn ngập một niềm phấn khởi ngây thơ.

Nhiều lý do khác nhau được trình bày để giải thích vì sao đã có sự chểnh mảng trong việc khách hàng của chúng tôi trả tiền báo chậm trong đó lý do chủ yếu nhất là vì các bạn đã sợ chánh quyền.

Lẽ ra, đồng bào (chúng tôi) đã phải nhận thấy rằng, thời gian gần đây, cái chánh quyền đó đã tỏ ra run sợ, cái uy lực đó cũng đã nhận thức được cái mỏng manh của mình, cứ mỗi lần cơn gió nhẹ nổi loạn cũng làm cho nó phát run lên.

Đồng bào chắc cũng đã thấy được cái gì mà riêng một con người thôi, cũng có thể làm nổi và do đó chắc không khó khăn lắm cho các bạn đoán ra được cái gì mà 20 triệu con người, đang bị sỉ nhục trong vòng nô lệ, khi đã biết nhận thức được về sức mạnh của mình và muốn thay đổi cho số phận mình tốt đẹp hơn lên, có thể làm được.

Tôi thiết nghĩ cũng nên nhắc lại cho đồng bào, một vấn đề mà tôi đã nói đi nói lại với đồng bào rất nhiều lần, nếu các bạn hãy còn chưa xác định rõ sức mạnh thực sự của con người thì bạn hãy xem lại tư tưởng của M. Gandhi. Ông Gandhi đã quả quyết rằng một người, chỉ một người thôi có thể thách đố cả một vương quốc và làm cho vương quốc đó sụp đổ.

Nếu ở một số nước nào đó, số người biết rõ về đất nước mình, am hiểu những nhu cầu thực sự của Tổ quốc mình, có thể đếm ở đầu ngón tay vì họ là rất

hiểm, thì nước An Nam của ta nhất định là còn ở trong số các nước đó.

Do đó đối với chúng tôi, khi thấy một nhóm trí thức cứ đòi người bảo hộ của họ, ban cho những quyền hạn, khi thấy họ cứ la hét, cứ nài nỉ, cứ lạy lục van xin, cứ quỵ lụy để kêu nài cho những người anh em cùng nòi giống, đôi chút quyền để cho con người còn giữ được chút phẩm giá trong thế giới người với người là bạn, để cầu xin cho Tổ quốc tôi đòi của họ, được có một chỗ ngồi trong bàn tiệc của các dân tộc, thì chúng tôi cho rằng thật là vô ích, làm sao trong cái thế giới này, có thể đạt được bất cứ một cái gì bằng cầu nguyện và nước mắt.

Khốn nạn thay, trên mảnh đất này, mọi việc đều phải mua bán, cái gì cũng chỉ có thể đạt được bằng sức kiên trì, bằng quả cảm, cái gì rồi cũng phải tranh giành, xâu xé nhau, thường khi trong máu đào và thống khổ.

Không ai van nài kẻ chiến thắng ban cho mình quyền được sống, chỉ có thể đòi họ, hay mua lại mà thôi. Chúng tôi đã từng viết: "Con người nô lệ mà chờ đợi cho chủ mình sẽ đưa mình ra khỏi vòng nô lệ, là kẻ đã quên mất, quên một cách nhanh chóng, lý do vì sao họ đã bị làm nô lệ".

Chúng tôi đã đề cập đến cái cách thức mà hàng trí thức của chúng ta muốn giành lại chỗ đứng dưới mặt trời, để chỉ cho đồng bào thấy rằng cầu xin hay sợ hãi cái quyền lực của chánh phủ, giả tạo và mong manh này, là thể hiện dấu hiệu chắc chắn là chúng ta hãy còn đứng rất xa, hãy còn cách quá xa cái thời buổi mà chúng ta mong đợi sẽ giành lại một số phần

tươi đẹp hơn, một cuộc sống tự do hơn trong đó những con người sống kiêu hãnh còn có thể gìn giữ được phẩm giá của mình mà không phải chịu đựng nhiều đau khổ.

Thế giới muốn có cái thế cân bằng thì phải đưa ra một cái lực này để chống đối lại một lực khác. Chống lại cái sức mạnh vật chất của kẻ thắng, thì người thua đang trong hoàn cảnh bất lực, phải biết dùng sức mạnh tinh thần của mình. Một người đang ngồi trên ngai, chưa hẳn đã là một người tự do. Chỉ có người ăn mày mới đi cầu xin của bố thí. Con người sinh ra vốn đã tự do, thì dù sống trong vòng nô lệ họ cũng là người tự do.

Những ngày gần đây, khi đón tiếp các tàu chiến nước ngoài, có rất nhiều đồng bào ta đã tỏ ra phẫn uất vì nhận thấy rằng không có mặt một người An Nam nào, ngay cả một Lê Quang Trinh hay Diệp Văn Cương cũng không được phép có mặt trong hàng chánh khách đứng ra tiếp các vị khách của xứ Đông Dương. Họ cho rằng dù gì đi nữa thì Cảng Sài Gòn cũng thuộc về quê cha đất tổ của họ.

Sự tức giận, sự phẫn nộ rất dễ hiểu đó, chỉ là biểu hiện của sự yếu đuối chứ không phải là sức mạnh. Chỉ có người nô lệ mới nổi loạn, kẻ mạnh chấp nhận một số sự việc, một số trạng thái như không thể tránh khỏi, mà họ vẫn ngẩng cao đầu giữa muôn ngàn sỉ nhục thô bạo, để bình tĩnh suy nghĩ về tươnglai, và chuẩn bị cho cái thời mà những hành vi thô bạo, xấc láo tàn tệ giữa con người sẽ không còn xảy ra một cách dễ dàng được nữa.

Lòng ham muốn danh vọng, tiền tài cũng là một biểu hiện khác của sự yếu đuối, rất dễ bị những con người

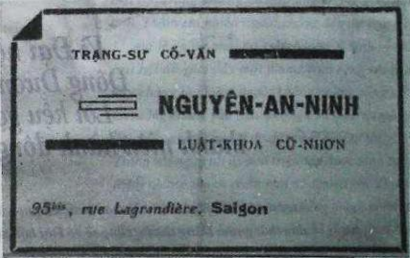
khôn khéo, lợi dụng để duy trì giống nòi ta trong vòng nô lệ.

Trong lịch sử các dân tộc muốn sống, đều có những giai đoạn khó khăn trong đó sức mạnh tinh thần là hy vọng cuối cùng để cứu vãn được. Để thoát khỏi ách đô hộ của châu Âu, và lấy lại niềm tự hào của dân tộc, nước Nhật đã trải qua giai đoạn khó khăn đó, giai đoạn đó hiện nay họ vẫn còn chưa vượt qua hẳn được. Và ngày nay, đến lượt nước Ấn Độ và một số nước khác, tuy nhỏ nhưng hết sức kiên cường, chúng ta thử nghĩ xem,cái quan niệm "danh dự và bổn phận" hiện nay thật là khó hiểu biết bao đối với những nhà trí thức đã bị Pháp hóa), trên đất nước này, khi mà người trí thức không còn đủ sức để hy sinh dù là một sự hy sinh nhỏ nhặt, dù chỉ là để trả tiền đặt báo cho một tờ báo đang bênh vực giống nòi, đang cố sức chuẩn bị cho tương lai nòi giống.

Thử hỏi, thật đáng ngạc nhiên đến ngẩn nào, làm cách nào để cho giống nòi An Nam có thể thực hiện ước mơ trở thành một dân tộc tự do.

Nếu ông Tiến sĩ Cognacq đã chịu ngồi yên, như ông Nguyễn Tịnh đã nói, để ngắm nhìn với một nụ cười trên môi, xem Nguyễn An Ninh làm thế nào để tập trung sức lực non trẻ của mình, mà dương đầu cùng thời đại, thì có lẽ ngày hôm nay, ông ta đã giành một thắng lợi. Chánh phủ mà ông ta đại diện đã thành công mỹ mãn trong việc làm tê liệt khối người An Nam để rồi đây không còn một sức mạnh nào có thể kéo họ ra khỏi tình trạng bất động đó được nữa.

BÁO CHUÔNG RÈ


TRẠNG-SƯ CỐ-VẤN

NGUYÊN-AN-NINH

LUẬT-KHOA CỬ-NHƠN

95bis, rue Lagrandière, Saigon

Bản tên văn phòng Trạng sư – Cố vấn Nguyễn An Ninh

Ngôi mộ Nguyễn An Ninh được xây lại lần thứ ba sau khi nước nhà thống nhất



Vì Đại hội Đông Dương Lời kêu gọi thanh niên hành động!

Algérie đã tiến hành Đại hội toàn quốc của họ vào đầu tháng sáu. Đông Dương cũng sẽ có Đại hội của mình.

Những dự báo lạc quan của chúng tôi trên tờ LA LUTTE tuần qua xem ra đúng đắn. Viên gạch đầu tiên xây dựng Đại hội Đông Dương đã được đặt để. Ủy ban triệu tập được bầu ra tại cuộc họp ngày 13 vừa qua tại văn phòng tòa soạn báo VIỆT NAM đã bắt tay vào làm việc. Ủy ban này với khá đông đại biểu công nhân và nông dân đã đồng thanh quyết định mở rộng bằng cách kêu gọi những thành phần tích cực trong giai cấp tư sản và trí thức. Như thế một lần nữa chứng tỏ thiện chí của các đại biểu quần chúng lao động. Họ thiết tha với thành công của Đại hội hơn tất cả những nhà trí thức thiển cận gọi là quốc gia chủ nghĩa thường hay phát biểu nhân danh toàn thể nhân dân nhưng chỉ nghe theo lòng tự ái nhỏ nhen và tham vọng thấp hèn của họ.

Trước lời kêu gọi đầu tiên của những người chủ trương Đại hội, các thành phần do dự trong giai cấp trung lưu, các nhà trí thức và các nhà tư sản chưa nhận ra thời cơ và tầm quan trọng chánh trị của một

Đại hội Đông Dương đã đáp ứng không mấy nhiệt tình. Thậm chí nhiều người không đến dự họp ngày 13, mà lẽ ra họ phải có mặt. Nhưng ý định tổ chức Đại hội đã khơi dậy một phong trào rộng rãi trong dân chúng là những người không những củng cố sự tin tưởng chung vào thành công của Đại hội mà còn thúc đẩy những người dè dặt phải biết tự tin.

Trong vài ngày tới ủy ban triệu tập được tăng cường thêm những thành phần mới sẽ tìm ra cho Đại hội một cơ sở chính trị đủ mạnh, những thành phần tích cực đủ đông để bất chấp mọi thủ đoạn, mọi cuộc tấn công, mọi sự khiêu khích từ phía nhóm DARLES và bọn đánh thuê phía giới chủ tham lam và thiển cận và từ mọi lực lượng phản động.

Chúng tôi không thách thức ai. Nhưng chúng tôi muốn những người chịu trách nhiệm về số phận của đất nước này hãy nhận ra chân lý đầu tiên trong chánh trị: "Dù con người có mạnh đến đâu, họ không thể trơ trẽn bóp nghẹt ý chí của nhân dân và bỏ qua diễn biến của lịch sử mà không gặp nguy hiểm".

Khi vị công chức nổi tiếng ở Thái nguyên kích động sự chống đối lại với mọi biểu hiện của ý chí nhân dân, óc tưởng tượng sợ sệt của giới tư bản, thì những người chịu trách nhiệm duy trì trật tự và công luận xem hắn là một tên điên rồ nguy hiểm. Không nên để cho tên mưu sĩ cũ, người đã gây tai họa cho Toàn quyền Cognacq, nguyên nhân của vụ nổi dậy Thái Nguyên, có thể tự do hành động tai hại dưới quyền của chánh phủ của Mặt trận bình dân.

Tôi muốn gợi ý cho ủy ban triệu tập mời Darles tham dự các cuộc họp của ủy ban. Thần khí làm việc hữu

nghị giữa các đại biểu thuộc mọi xu hướng sẽ giúp \ thấy rõ hơn ý thức chánh trị của các dân tộc Đông Dương, đặc biệt là ý thức chánh trị của dân An Nam. Người nhiệt thành chủ trương dùng phương pháp thô bạo và sắt máu của bọn buôn người da đen có lẽ sẽ cảm thấy cần suy gẫm một cách chặt chẽ về sự hòa hợp giữa các giai cấp ở Đông Dương một khi phải ủng hộ những yêu sách chung và chánh đáng của họ.

Trái với ý muốn của nhóm Darles, Đại hội Đông Dương sẽ tiến hành. Giới chủ bắt đầu phản ứng nhằm ngăn cản quần chúng lao động tham dự Đại hội vô hại này, một Đại hội chỉ làm rõ thêm và trình bày yêu sách của mọi giai cấp lao động và chỉ khiến cho người lao động ý thức rõ hơn về lòng dạ xấu xa của giới chủ của họ.

Nhằm chống lại phản ứng của giới chủ và để trung thành với tinh thần đang hun đúc những người khởi xướng Đại hội và toàn thể ủy ban triệu tập. Tôi kêu gọi những thành phần tích cực thuộc mọi giai cấp ở Đông Dương, nhứt là thanh niên là những người hiểu được tầm quan trọng đặc biệt của Đại hội này.

Nếu tinh thần của những người tổ chức Đại hội chỉ là tập hợp những đại biểu của các giai cấp tư hữu và đại biểu của một vài nhóm đại biểu hiện hành, thì công việc dễ dàng này lẽ ra không khiến ông Nguyễn Phan Long phải bi quan.

Vấn đề cũng không phải chỉ kêu gọi mơ hồ tất cả những giai cấp cho tới nay vẫn tách khỏi đời sống chánh trị tham dự Đại hội. Như thế phía những người tổ chức hoàn toàn không đúng đắn.

Ủy ban triệu tập bao gồm những người thiện chí, tích cực, quyết tâm tập hợp chung quanh một cương lĩnh tối thiểu gồm những yêu sách dân chủ, hun đúc ước vọng phục vụ cuộc sống tốt hơn cho giai cấp lao động và chủ trương những cải cách giúp đất nước tìm ra một giải pháp hay hơn về an ninh xã hội và một giải pháp khiêm tốn cho cuộc khủng hoảng hiện nay.

Vì chủ trương những cải cách cần được khuyến khích, những yêu sách cần được ủng hộ vì liên quan tới mọi giai cấp xã hội toàn Đông Dương, nên ủy ban không thể không kêu gọi tất cả các giai cấp này thảo luận về những cải cách và yêu sách này.

Sự thiếu phần đúng đắn sơ đẳng, thậm chí ủy ban còn thử làm điều không thể được để giúp quần chúng vô tổ chức tập hợp lại nhằm làm rõ yêu sách của họ và chỉ định đại biểu của họ.

Ủy ban sẽ tổ chức những cuộc họp công khai, sẽ cử một phái đoàn đi các nước trong liên bang Đông Dương để nói rõ mục đích của Đại hội và mời gọi tất cả các dân tộc Đông Dương tham dự. Ủy ban mạnh mẽ chốnglại phản ứng bất cứ từ đâu tới và kêu gọi công luận cùng chống lại. Ủy ban sẽ đứng ra bảo vệ mọi trường hợp độc đoán do chánh phủ thuộc địa hay giới chủ phạm phải chống lại đại biểu tại Đại hội.

Về nhiệm vụ giúp quần chúng lao động họp lại để làm rõ yêu sách của họ và chỉ định Đại biểu, nghĩa là nhiệm vụ hàng đầu để Đại hội thực sự mang tính chất nhân dân. Đó là nhiệm vụ của giới thanh niên tích cực, tận tâm, nhiệt tình.

Giới trẻ phải thâm nhập quần chúng lao động và

tháo gỡ mọi khó khăn, trở ngại để giúp quần chúng tự tổ chức lại.

Giới trẻ mà hoạt động sáng kiến, năng lực tận tâm, không dừng bước trước những khó khăn ban đầu. Chính nơi giới trẻ này và chỉ nơi họ mới dẫn đến sự thành công của Đại hội Đông Dương.

Báo LA LUTTE, *số 95.*
Ngày 19-8-1936



Police de l'Indochine

COCHINCHINE

AVIS DE RECHERCHES

NGUYỄN - VĂN - NINH dit NGUYỄN - AN - NINH

Lệnh truy nã Nguyễn An Ninh của cảnh sát Nam kỳ năm 1937 sau vụ Càn Long - Trà Vinh



La Cloche Fêlée

ORGANE DE PROPAGANDE DES IDÉES FRANÇAISES

PARAISSANT LE LUNDI

La Cloche Fêlée

Deux Grenades d'un très grand confrère

ORDRE ET ANARCHIE

Măng sét các tờ báo tiếng Pháp do Nguyễn An Ninh chịu trách nhiệm xuất bản

Măng sét các tờ báo tiếng Pháp do Nguyễn An Ninh chịu trách nhiệm xuất bản



L'ANNAM

ORGANE DE PROPAGANDE DÉMOCRATIQUE

L'incident Phan-bôi-Châu
Arrestation et détention illégales



La lutte

défend les ouvriers, les petits fonctionnaires, les employés de commerce et les petits commerçants.

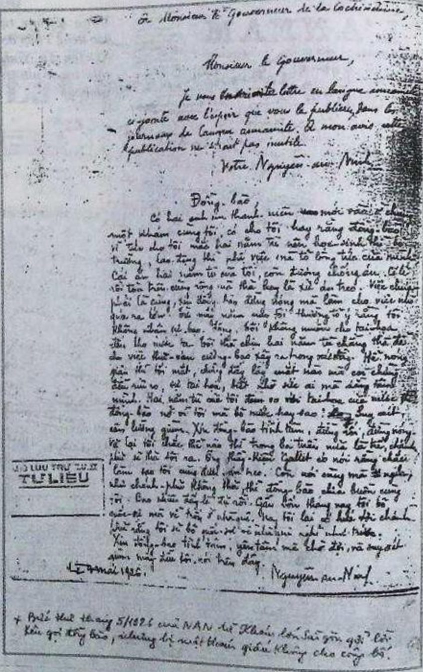
Direction et Administration : 97, rue Lagrandière - SAIGON

Travailleurs de Saigon,

Electeurs,

Une liste de travailleurs

Notre attitude



À Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine,

Monsieur le Gouverneur,

Je vous [illegible] lettre en langue annamite ci-jointe avec l'espoir que vous la publiiez dans les journaux de langue annamite. À mon avis cette publication ne serait pas inutile.

Votre Nguyễn-an-Ninh

Đồng-bào,

[illegible]

Nguyễn-an-Ninh

+ Bức thư tháng 5/1936 của NAN từ Khám lớn Sài gòn gởi lời kêu gọi đồng bào, nhưng bị mật thám giấu không cho công bố.

Bức thư tháng 5/1936 của Nguyễn An Ninh từ khám lớn Sài Gòn, gởi lời kêu gọi đồng bào nhưng bị mật thám giấu không cho công bố.



Les Indochinois en France vous prient d'assister

LE LUNDI 25 MAI 1925

à 20 h. 30 précises

au

MEETING

qui aura lieu aux

SOCIÉTÉS SAVANTES, 8, Rue Danton

(Métro : Odéon ou Saint-Michel)

sous la présidence de MM.

Victor BASCH et PHAN-CHAU-TRINH

ORDRE DU JOUR :

La FRANCE en INDOCHINE

I. L'Esprit démocratique chez les Annamites.
M. NGUYEN-AN-NINH,

II. Les aspirations de la jeunesse annamite francisée.
M. TRAN-VAN-KHA,

III. Souveraineté française ou souveraineté annamite ?
M. DIEP-VAN-KY.

IV. La politique indigène.
M. DUONG-VAN-GIAO,

ENTRÉE GRATUITE

Thông báo về cuộc diễn thuyết của Nguyễn An Ninh ở Paris ngày 25/5/1925 mà thực dân lấy cớ để kết tội ông trong phiên tòa năm 1926

Mục lục

TỦ SÁCH GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG

NGUYỄN AN NINH

Nhà trí thức yêu nước

Biên soạn

Thái Nhân Hòa

Phan Văn Hoàng

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Trần Đình Việt

Biên tập:

Hoàng Mai

Trình bày:

Trung Quân - Quang Dũng

Sửa bản in:

Hoàng Tân

(Sách tư liệu phục vụ đại biểu, không bán)

In 1.000 cuốn. Giấy phép số 117-11/XB-QLXB cấp ngày 17-1-2001. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. Chế bản trình bày: Tạp chí Xưa & Nay. In tại xưởng in Chi nhánh Công ty nhiếp ảnh & Diafilm. Nộp lưu chiểu tháng 6/2001.



NGUYỄN AN NINH

NHÀ TRÍ THỨC YÊU NƯỚC